

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN. MỖ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN VÀ TIỀN BỐ TRẢ VỚI ĐIỀU KIỆN KHẨN HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000095 do Sở KH&ĐT tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 15/03/2008 và số 1600895650 đăng ký thay đổi lần thứ 13 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 05/02/2015)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số:.....449.../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày .06.../10../2015)

TỔ CHỨC TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, Ấp An Thạnh, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (84-67) 3680657 Fax: (84-67) 36 80 657 Website: www.trisedco.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 38242897 Fax: (84-8) 382429 97 Website: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Ông Lê Duy Tâm Chức vụ: Phụ trách Công bố thông tin Trisedco

Điện thoại: 0919 928 847 | 0918 592 555 Email: leduytambt@yahoo.com.vn

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000095 do Sở KH&ĐT tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 15/03/2008 và số 1600895650 đăng ký thay đổi lần thứ 16 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/07/2015)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 449/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/2015)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, Ấp An Thạnh, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (84-67) 3680 657 Fax: (84-67) 3680 657 Website: www.trisedco.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3824 2897 Fax: (84-8) 3824 2997 Website: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Ông Lê Duy Tâm Chức vụ: Phụ trách Công bố thông tin Trisedco

Điện thoại: 0919 928 847 | 0918 592 555 Email: leduytambt@yahoo.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000095 do Sở KH&ĐT tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 15/03/2008 và số 1600895650 đăng ký thay đổi lần thứ 16 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/07/2015)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU **TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	:	38.100.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	:	381.000.000.000 đồng
<i>(theo mệnh giá)</i>		

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3824 2897

Fax: (84-8) 3824 2997

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3936 6321

Fax: (84-4) 3936 6311

E-mail: ssi-hn@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3820 5944

Fax: (84-8) 3910 0750

Email: infor@aasc.com.vn

Website: www.aasc.com.vn



MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1.	Rủi ro về kinh tế.....	1
2.	Rủi ro về luật pháp.....	2
3.	Rủi ro do đặc thù ngành	2
4.	Rủi ro về biến động giá cổ phiếu	3
5.	Rủi ro khác.....	4
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
1.	Tổ chức niêm yết.....	5
2.	Tổ chức tư vấn	5
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	6
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	7
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	7
1.1	Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết.....	7
1.1.1	Thông tin chung:.....	7
1.1.2	Ngành nghề kinh doanh chính:.....	7
1.2	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	8
1.2.1	Quá trình hình thành và phát triển của TRISED CO	8
1.2.2	Các thành tích nổi bật của TRISED CO từ năm 2008 đến nay.....	10
1.3	Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty	11
1.3.1	Vốn điều lệ ban đầu.....	11
1.3.2	Vốn điều lệ hiện tại	11
1.3.3	Thông tin về các đợt tăng vốn của Công ty:.....	11
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty và Cơ cấu trong Tập đoàn	15
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	16
4.	Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 26/05/2015.....	20
4.1	Danh sách cổ đông sáng lập.....	20
4.2	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 26/05/2015	22
4.3	Cơ cấu cổ đông của Công ty	22
5.	Danh sách Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết.....	23
5.1	Danh sách Công ty mẹ	23
5.2	Danh sách các Công ty con:.....	23
5.3	Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết	24
6.	Hoạt động kinh doanh.....	24



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



6.1	Sản lượng sản phẩm / giá trị sản phẩm qua các năm	25
6.1.1	Các sản phẩm chính của Công ty	25
6.1.2	Dự án Nhà máy chế biến dầu cá.....	29
6.1.3	Doanh thu và lợi nhuận các loại sản phẩm:	34
6.1.4	Quy trình sản xuất:	36
6.2	Nguyên vật liệu:.....	39
6.2.1	Nguồn nguyên vật liệu:.....	39
6.2.2	Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu:	39
6.2.3	Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:	40
6.3	Chi phí sản xuất.....	41
6.4	Trình độ công nghệ.....	43
6.4.1	Nhà máy sản xuất bột cá, mỡ cá.....	43
6.4.2	Nhà máy chế biến dầu cá:.....	46
6.5	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm.....	47
6.6	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	48
6.7	Hoạt động Marketing	53
6.8	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	53
6.9	Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:	54
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	56
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh.....	56
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh	57
7.2.1	Thuận lợi.....	57
7.2.2	Khó khăn.....	58
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	58
8.1	Tổng quan ngành.....	58
8.1.1	Ngành chế biến bột cá.....	58
8.1.2	Ngành dầu ăn	59
8.2	Vị thế của Công ty trong ngành	59
8.2.1	Ngành chế biến bột cá.....	59
8.2.2	Ngành dầu ăn	61
8.3	Triển vọng phát triển của ngành.....	61
8.3.1	Ngành chế biến bột cá.....	61
8.3.2	Ngành dầu ăn	61
8.4	So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp trong cùng ngành	62
8.4.1	So sánh về tình hình hoạt động kinh doanh:.....	62
8.4.2	So sánh về tình hình tài chính:	63
8.5	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	64
9.	Chính sách đối với người lao động	65



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



9.1	Số lượng người lao động trong Công ty.....	65
9.2	Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	65
9.2.1	Thời gian làm việc và nghỉ phép.....	65
9.2.2	Khen thưởng, kỷ luật:.....	66
9.2.3	Chính sách tuyển dụng, đào tạo:.....	66
10.	Chính sách cổ tức.....	67
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	68
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua	68
11.1.1	Trích khấu hao tài sản cố định	68
11.1.2	Thu nhập bình quân	68
11.1.3	Thanh toán các khoản nợ đến hạn.....	69
11.1.4	Các khoản phải nộp theo luật định	69
11.1.5	Trích lập các quỹ theo luật định.....	70
11.1.6	Tổng dư nợ vay	70
11.1.7	Tình hình công nợ	72
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	75
12.	Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc; Ban Kiểm soát; Kế toán trưởng	76
12.1	Hội Đồng Quản Trị.....	77
12.1.1	Ông LÊ VĂN CHUNG – Chủ tịch HĐQT	77
12.1.2	Ông LÊ XUÂN QUẾ – Phó Chủ tịch HĐQT.....	95
12.1.3	Ông LÊ VĂN CHÍNH – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.....	95
12.1.4	Ông NGUYỄN VĂN HUNG - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	95
12.1.5	Ông LÊ THANH THUẬN - Thành viên HĐQT	95
12.1.6	Ông TRƯƠNG VĨNH THÀNH – Thành viên HĐQT	95
12.1.7	Ông HỒ MẠNH DŨNG – Thành viên HĐQT độc lập	95
12.1.8	Ông LÊ VĂN THÀNH – Thành viên HĐQT	95
12.2	Ban Tổng Giám đốc.....	95
12.2.1	Ông LÊ VĂN CHÍNH – Tổng Giám đốc.....	95
12.2.2	Ông NGUYỄN VĂN HUNG – Phó Tổng Giám đốc	95
12.2.3	Ông NGUYỄN TIÊN NGŨ – Phó Tổng Giám đốc	95
12.2.4	Ông LÊ HOÀNG CƯỜNG –Giám đốc Tài chính.....	95
12.3	Ban Kiểm soát	95
12.3.1	Bà NGÔ THỊ TÓ NGÂN – Trưởng Ban Kiểm soát.....	95
12.3.2	Bà TRỊNH THỊ NGỌC – Thành viên Ban Kiểm soát	95
12.3.3	Bà NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN – Thành viên Ban Kiểm soát	95
12.4	Kế toán trưởng	95
12.4.1	Ông NGUYỄN GIA THUẬN – Kế toán trưởng	95
13.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty	95
13.1	Tình hình tài sản cố định	95
13.2	Đất đai	95



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn 2015 - 2017	96
14.1	Kế hoạch.....	96
14.2	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2015 - 2017	96
14.3	Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua	98
14.4	Kế hoạch tăng vốn điều lệ:	98
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	98
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:.....	98
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:	98
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	99
1.	Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông	99
2.	Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu	99
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết: 38.100.000 cổ phiếu	99
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức phát hành:.....	99
5.	Phương pháp tính giá.....	100
5.1	Phương pháp so sánh Hệ số (P/E)	100
5.2	Phương pháp chiết khấu dòng tiền theo vốn chủ sở hữu (FCFE).....	101
5.3	Phương pháp Giá trị sổ sách	103
5.4	Kết hợp các phương pháp tính giá:.....	103
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	104
7.	Các loại thuế liên quan	105
7.1	Đối với Công ty	105
7.2	Đối với nhà đầu tư	105
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	107
1.	Tổ chức niêm yết	107
2.	Tổ chức tư vấn	107
3.	Tổ chức kiểm toán:.....	108
VII.	PHỤ LỤC	109



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 26/05/2015.....	20
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại thời điểm 26/05/2015	22
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 26/05/2015	22
Bảng 4: Danh sách các nhà phân phối của Công ty trong năm 2015.....	26
Bảng 5: Lượng tiêu thụ dầu thực vật trong nước của Việt Nam	30
Bảng 6: Dự kiến sản lượng sản phẩm bán ra và giá bán trong 05 năm đầu	31
Bảng 7: Dự kiến Doanh thu và lợi nhuận của Nhà máy chế biến dầu cá trong 05 năm đầu	31
Bảng 8: Sản lượng từng nhóm sản phẩm qua các năm	34
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu sản phẩm qua các năm	34
Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm.....	35
Bảng 11: Danh sách các nhà cung ứng nguyên vật liệu chính.....	39
Bảng 12: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu mang tính thời điểm	39
Bảng 13: Cơ cấu chi phí sản xuất	41
Bảng 14: Cơ cấu các doanh nghiệp trong cùng ngành.....	42
Bảng 15: Một số máy móc thiết bị chính của Công ty.....	43
Bảng 16: Một số hợp đồng lớn đã ký kết trong năm 2015.....	54
Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.....	56
Bảng 18: So sánh các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh	63
Bảng 19: So sánh các chỉ tiêu về tài chính.....	63
Bảng 20: Các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh.....	70
Bảng 21: Số dư các quỹ	70
Bảng 22: Tổng dư nợ vay của Công ty	71
Bảng 23: Tổng dư nợ vay của Công ty	71
Bảng 24: Chi tiết các khoản phải thu.....	72
Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu khác	73
Bảng 26: Chi tiết các khoản phải trả.....	74
Bảng 27: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	75
Bảng 28: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.....	76
Bảng 29: Tình hình tài sản cố định của Công ty	95
Bảng 30: Các khu đất mà Công ty đang sở hữu / sử dụng.....	95
Bảng 31: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015 - 2017	96



DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty	15
Sơ đồ 2: Cơ cấu Tập đoàn	16
Sơ đồ 3: Cơ cấu bộ máy quản lý của TRISEDCO	16
Sơ đồ 4: Quy trình sản xuất sản phẩm của TRISEDCO	37
Sơ đồ 5: Quy trình công nghệ sản xuất bột cá/mỡ cá.....	44
Sơ đồ 6: Quy trình công nghệ tinh luyện dầu cá theo phương pháp vật lý	47

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Lạm phát và GDP của Việt Nam giai đoạn 2007-2014.....	2
Hình 2: Hình ảnh một số sản phẩm chính của TRISEDCO	25
Hình 3: Lượng tiêu thụ dầu thực vật bình quân đầu người tại Việt Nam	30
Hình 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty qua các năm	35
Hình 5: Một số hình ảnh dây chuyền sản xuất bột cá/mỡ cá.....	38
Hình 6: Hình ảnh một số máy móc thiết bị chính của Nhà máy bột cá/mỡ cá	43
Hình 7: Thị trường dầu ăn Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015	59
Hình 8: Thị phần của TRISEDCO và các Công ty lớn trong ngành sản xuất bột cá.....	61



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch Và Phát Triển Thủy Sản (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “TRISEDCO”) chính thức được thành lập vào ngày 15/03/2008. Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chế biến thức ăn thủy sản nên Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro sau đây:

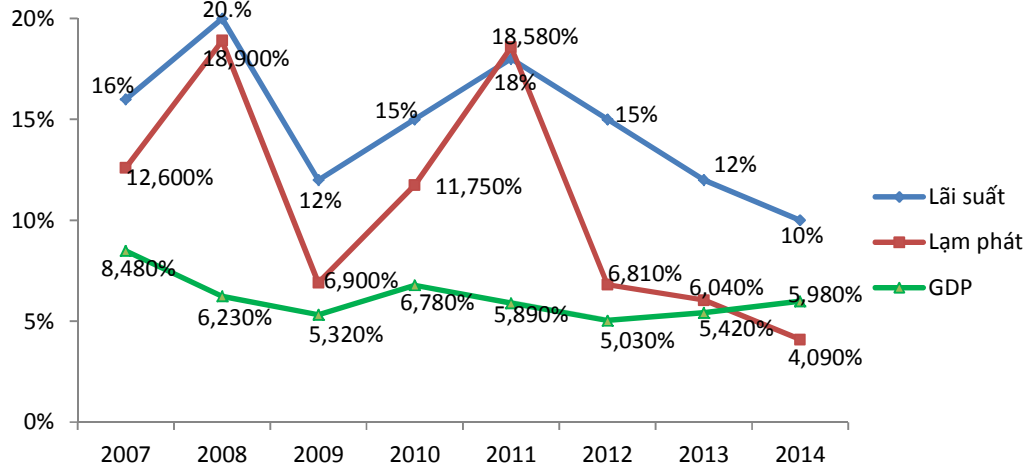
1. Rủi ro về kinh tế

Trong năm 2013 và 2014, nền kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực so với giai đoạn khủng hoảng trước đó. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự phục hồi chung của nền kinh tế toàn cầu. Đồng thời, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản như kiểm chế lạm phát, ổn định tỷ giá đã hỗ trợ rất nhiều cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và TRISEDCO nói riêng.

- **Tăng trưởng GDP:** Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP đã có nhiều khả quan với mức tăng lần lượt là 5,25% (năm 2012); 5,42% (năm 2013) và 5,98% (năm 2014) mặc dù tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn. Theo nhận định của Ngân hàng thế giới, với những chính sách phát triển kinh tế vĩ mô của Việt Nam bao gồm mục tiêu ổn định giá cả thị trường, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ đạt 5,6% vào năm 2015 và 5,8% năm 2016. Điều này sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của TRISEDCO.
- **Lạm phát:** Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến việc lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012, 6,04% năm 2013. Năm 2014, mức lạm phát chỉ có 4,09% đây là mức thấp nhất kể từ năm 2005 trở lại đây. Nếu lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ Công ty trong công tác kiểm soát chi phí đầu vào mang lại nhiều thuận lợi cho Công ty trong những năm tiếp theo.
- **Lãi suất:** Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm hiện tại đã giảm mạnh xuống, phổ biến ở mức 9 – 10%/năm.

Như vậy, với tình hình lãi suất đang có khuynh hướng giảm nên sẽ phần nào giảm bớt gánh nặng lãi vay cho Công ty.

Hình 1: Lạm phát và GDP của Việt Nam giai đoạn 2007-2014



2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, trở thành Công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên TRISEDCO chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về luật pháp đối với ngành chế biến thủy sản không cao, do đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, hệ thống luật của Việt Nam chưa thật hoàn chỉnh, thường xuyên có sự thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế..., điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Là một Công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro do đặc thù ngành

Rủi ro nguyên liệu đầu vào:

Ngành chế biến thực phẩm, xuất khẩu thủy sản nước ta không nằm ngoài quy luật đứng trước áp lực cạnh tranh rất gay gắt của thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu. Nếu chủ động được nguồn nguyên liệu, TRISEDCO có thể ổn định được sản xuất, đảm bảo được chất lượng sản phẩm cũng như chủ động xây dựng được chính sách bán hàng phù hợp, ổn định. Trước đây, nguồn nguyên liệu của Công ty chủ yếu là từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia ("IDI") - đơn vị thành viên trong Tập đoàn Sao Mai, nhờ đó nguồn nguyên liệu khá ổn định và luôn đảm bảo được chất lượng. Tuy nhiên, kể từ năm 2015, Công ty bắt đầu nâng công suất của nhà máy chế biến thức ăn, nên nguồn nguyên liệu từ IDI sẽ chỉ chiếm khoảng 70% tổng nhu cầu Công ty, 30% còn lại Công ty sẽ phải thu mua từ các hộ nuôi bên



ngoài. Với sự chủ động này, nếu không có những biến động bất thường lớn thì rủi ro ảnh hưởng của nguồn nguyên liệu đầu vào là không cao.

Rủi ro về thị trường tiêu thụ:

Dù là một doanh nghiệp mới hoạt động chỉ khoảng 07 năm trên thị trường chế biến bột cá, mỡ cá, tuy nhiên TRISEDCO cũng đã có một vị trí nhất định trong thị trường cung cấp bột cá do áp dụng máy móc thiết bị mới cũng như chất lượng và giá thành sản phẩm hợp lý. Sản phẩm bột cá do Công ty sản xuất được tiêu thụ khá tốt trong khu vực các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Thị trường dầu cá vẫn là một thị trường rất lớn tại Việt Nam, với việc đưa Nhà máy sản xuất dầu cá vào hoạt động trong Quý 3 năm 2015 đáp ứng khoảng 3% trong tổng nhu cầu của thị trường tiêu thụ thì rủi ro về thị trường tiêu thụ của Công ty là rất nhỏ.

Rủi ro cạnh tranh

Sản phẩm bột cá là nguồn nguyên liệu đầu vào quan trọng trong ngành sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi. Tuy nhiên, nguồn cung bột cá trong nước vẫn còn hạn chế do công nghệ chế biến và cách bảo quản còn lạc hậu, đồng thời chịu sự cạnh tranh của bột cá nhập khẩu. Với chiến lược phát triển ngành chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đến năm 2020, xây dựng ngành chăn nuôi an toàn sinh học và bền vững trên cơ sở chủ động nguồn thức ăn chăn nuôi trong nước, giảm bớt sự phụ thuộc của việc nhập khẩu. Thời gian tới, dự kiến sẽ có sự tham gia nhiều hơn của các doanh nghiệp nội địa trong mảng sản xuất sản phẩm bột cá nhằm cung cấp cho thị trường thức ăn chăn nuôi đang có nhiều tiềm năng phát triển này.

Nhà máy sản xuất bột cá của TRISEDCO sử dụng công nghệ tiên tiến, phần lớn các thiết bị chính được nhập khẩu từ Thái Lan, Nhật, Ý. Nhà máy đạt tiêu chuẩn HACCP và ISO 22000:2005. Với mục tiêu cung cấp cho thị trường những sản phẩm chất lượng cao, Công ty luôn luôn duy trì chế độ kiểm soát chất lượng trong một chu trình khép kín từ khâu nghiên cứu sản phẩm cho đến khi sản phẩm đến tay người sử dụng. Ngoài ra, Công ty đã nâng công suất chế biến của nhà máy từ 150 tấn lên 300 tấn nguyên liệu/ngày, nhằm đáp ứng cho nhu cầu ngày càng tăng của thị trường trong nước. TRISEDCO cũng chủ động triển khai đồng bộ thêm các giải pháp để tăng khả năng cạnh tranh như: đổi mới, nâng cao công tác quản trị điều hành, tiết giảm chi phí bán hàng, nâng cao hơn nữa chất lượng trong công tác nghiên cứu, dự báo thị trường, thường xuyên rà soát, đánh giá hệ thống phân phối nhằm bổ sung, sàng lọc khách hàng phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh.

Ngoài ra Công ty sẽ còn phải chịu một số rủi ro đặc thù nữa là: rủi ro thời gian, rủi ro chuyển đổi kinh tế.

4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu TRISEDCO niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng; tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển; và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.



Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu TRISEDCO sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây lắp của Công ty như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc hoàn toàn công trình (mặc dù thiết kế xây dựng của nhà máy chống được động đất xảy ra). Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Ông Lê Văn Chung	- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Chính	- Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Gia Thuần	- Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Ngô Thị Tố Ngân	- Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Bà Nguyễn Thị Hương Giang	- Chức vụ: Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư phía Nam
---------------------------	--

(Giấy ủy quyền số: 04/2014/UQ-SSI do Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ký ngày 17/10/2014);

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch Và Phát Triển Thủy Sản. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch Và Phát Triển Thủy Sản cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDK TP.HCM/HSX: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty/TRISED CO: Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch Và Phát Triển Thủy Sản
- Cổ phiếu DAT: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch Và Phát Triển Thủy Sản
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng Quản trị
- BTGD: Ban Tổng Giám đốc
- TGD: Tổng Giám đốc
- BKS: Ban Kiểm soát
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch Và Phát Triển Thủy Sản
- Quy chế quản trị Công ty: Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch Và Phát Triển Thủy Sản
- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch Và Phát Triển Thủy Sản
- ĐKKD: Đăng ký kinh doanh
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- CP: Cổ phần
- Công ty TNHH MTV: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
- Thuế TNDN: Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- Thuế TNCN: Thuế Thu nhập cá nhân
- TP.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
- DT: Doanh thu
- DTT: Doanh thu thuần
- GVHB: Giá vốn hàng bán
- Vốn CSH: Vốn chủ sở hữu
- Công ty ASM: Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai
- Công ty IDI: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia
- Sở KH&ĐT: Sở Kế hoạch và Đầu tư



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

1.1.1 Thông tin chung:

- Tên Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
- Tên tiếng Anh: Travel Investment And Seafood Development Corporation
- Tên viết tắt: TRISED CO
- Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, Ấp An Thạnh, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại: (+84-67) 3680 657
- Fax: (+84-67) 3680 657
- Website: www.trisedco.vn
- Email: trisedco@yahoo.com.vn
- Vốn điều lệ hiện tại: 381.000.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi một tỷ đồng*)
- Nơi mở tài khoản:

STT	Ngân hàng giao dịch	Số tài khoản
1	Ngân hàng TMCP Vietcombank - Chi nhánh An Giang	0151000337129
	Ngân hàng TMCP Vietcombank - Chi nhánh Đồng Tháp	0601000385122
2	Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - CN Cần Thơ	07001010213908
3	Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Sa đéc	191404549
4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	75905785

1.1.2 Ngành nghề kinh doanh chính:

Công ty đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh với các ngành nghề sau:

- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống);
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;



- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Kinh doanh công viên cây xanh, công viên nước, vườn trại. Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú; Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
- Nuôi thủy sản;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm. Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản;
- Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến; dầu, mỡ động thực vật;
- Mua bán gạo, tằm;
- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác. Thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Sản xuất, đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật;
- Mua bán phân bón, cá. Sản xuất phân bón và hộp chất Nitơ;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Đầu tư, kinh doanh khu biệt thự sinh thái;
- Sản xuất, chế biến lương thực;
- Sản xuất, phân phối hơi nước;
- Sản xuất, phân phối khí Nitơ và khí nén.
- Trồng lúa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến. Sản xuất, chế biến phụ phẩm từ cá Tra, cá Basa

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.2.1 Quá trình hình thành và phát triển của TRISEDCO

Tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch An Giang, được thành lập ngày 20/06/2007. Sau gần một năm hoạt động, nhận thấy mô hình Công ty Cổ phần sẽ thích hợp cho việc thu hút vốn đầu tư, huy động vốn cũng như tạo được điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó ngày 15/03/2008 Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp với vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 53 tỷ đồng, trụ sở đặt tại Khu đô thị Sao Mai, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Từ năm 2009 đến năm 2012, Công ty tiến hành tăng vốn lên 150 tỷ đồng cùng với việc bổ sung thêm nhiều ngành nghề kinh doanh khác như xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh dịch vụ khách sạn, mua bán thủy sản.... Cũng trong thời gian này, Công ty cũng thành lập thêm một Chi nhánh tại huyện Lấp Vò tỉnh Đồng Tháp và 01 văn phòng đại diện tại TP. Long Xuyên tỉnh An Giang. Chức năng và nhiệm vụ của Chi nhánh và văn phòng đại diện là thực hiện các nhiệm vụ quan hệ và kinh doanh theo chỉ đạo của Công ty, Trong năm 2010, Công ty



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



chính thức đi vào hoạt động với lĩnh vực sản xuất chính là chế biến phụ phẩm thủy sản với việc nhận chuyển nhượng Nhà máy chế biến bột cá - mỡ cá có công suất 450 tấn nguyên liệu/ngày từ CTCP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia (“IDI”) và mua ba lò hơi đốt củi trấu, đầu tư mới hai máy ly tâm 3 pha hiệu suất cao Westfalia Model CC 458-03-00 và hai dây chuyền chế biến cá hiệu ASTW OFP 120 có xuất xứ Thái Lan.

Nhằm tận dụng chính sách ưu đãi thuế của tỉnh Đồng Tháp, từ tháng 07/2012 Công ty chuyển trụ sở từ An Giang về cụm công nghiệp Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nằm trong khuôn viên Nhà máy sản xuất bột cá, mỡ cá.

Cuối năm 2014 Công ty thực hiện việc tăng vốn lên 380 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Số tiền thu được từ việc phát hành được bổ sung vốn để đầu tư thêm dây chuyền sản xuất bột cá và mua lại dự án Nhà máy sản xuất dầu cá tinh luyện từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia (“IDI”).

Với phương châm mang lại môi trường tốt nhất cho cán bộ công nhân viên cũng như đảm bảo sự gắn bó của công nhân viên với Công ty, tháng 01 năm 2015, Công ty đã phát hành 100.000 cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của Công ty.

Những cột mốc phát triển quan trọng	
2008	<ul style="list-style-type: none"> Công ty được thành lập với số vốn thực góp ban đầu là 25,2 tỷ đồng.
2009	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 12/2009, Công ty tăng vốn từ 25,2 tỷ đồng lên 97,9 tỷ đồng.
2010	<ul style="list-style-type: none"> Công ty nhận chuyển nhượng Nhà máy chế biến bột cá - mỡ cá có công suất 450 tấn nguyên liệu/ngày từ CTCP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia; Công ty mua ba lò hơi đốt củi trấu, đầu tư mới hai máy ly tâm 3 pha hiệu suất cao Westfalia Model CC 458-03-00 và hai dây chuyền chế biến cá hiệu ASTW OFP 120 có xuất xứ Thái Lan; Công ty đi vào hoạt động với lĩnh vực sản xuất chính là chế biến phụ phẩm thủy sản; Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 97,9 tỷ đồng lên 125,9 tỷ đồng.
2011	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng, số lượng cổ đông sau khi phát hành là 20 người.
2013	<ul style="list-style-type: none"> Nâng tầm hoạt động kinh doanh với hàng loạt các hoạt động đầu tư. Công ty đầu tư thêm hai hệ thống khí nén nitơ do CTCP KT Việt Sơn - TP.HCM sản xuất và lò hơi do Chi nhánh Công ty CP Nồi hơi VN - TP.HCM sản xuất (mới 100%); Công ty cũng đầu tư thêm hai máy phát điện công suất liên tục/dự phòng 90/100kVA, MC100 và dự phòng 500/550kVA, MC550 (mới 100%) thương hiệu Ming Power.
2014	<ul style="list-style-type: none"> Công ty phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 380 tỷ đồng;



Những cột mốc phát triển quan trọng	
	<ul style="list-style-type: none"> Bổ sung vốn để đầu tư thêm dây chuyền sản xuất bột cá và mua lại dự án Nhà máy sản xuất dầu cá tinh luyện từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia.
2015	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 01/2015, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên, tăng vốn lên từ 380 tỷ lên 381 tỷ đồng từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối; Tháng 02/2015, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đã thông qua kế hoạch niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và kế hoạch IPO tăng vốn lên 762 tỷ đồng.

1.2.2 Các thành tích nổi bật của TRISED CO từ năm 2008 đến nay

Những thành tích nổi bật	
2012	<ul style="list-style-type: none"> Chứng nhận ISO 22000:2005 do INTERTEK cấp; Trung ương hội nghề cá Việt Nam cấp chứng nhận đạt cúp vàng danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam lần thứ II-2012; Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm bột cá, mỡ cá do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp cấp; Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen cán bộ, công nhân viên Công ty TRISED CO đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2012;
2013	<ul style="list-style-type: none"> Biểu tượng Thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2013 do Ban tổ chức chương trình khảo sát thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2013 trao tặng; Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y của cục thú y đủ điều kiện sản xuất bột cá, mỡ cá; Được cấp Giấy phép xuất hàng đi Trung Quốc do Bộ Nông nghiệp Trung Quốc cấp.
2014	<ul style="list-style-type: none"> Ban tổ chức lễ tôn vinh top 100 doanh nhân doanh nghiệp tiên phong-thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2013 trao tặng biểu tượng top 100 doanh nghiệp tiên phong vì đã có thành tích góp phần xây dựng, phát triển kinh tế đất nước; Được trao tặng biểu tượng Thương hiệu dịch vụ uy tín vì người Việt do Lễ hội “Thương hiệu sản phẩm, dịch vụ uy tín vì người Việt” trao tặng; Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm bột cá, mỡ cá do Sở



Những thành tích nổi bật

- Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp cấp;
 - Được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn HACCP do INTERTEK cấp.

1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

1.3.1 Vốn điều lệ ban đầu

Năm 2008, Công ty mới thành lập dưới hình thức Công ty Cổ phần với thông tin về vốn điều lệ ban đầu như sau:

- Vốn điều lệ đăng ký : 53.000.000.000 đồng (*Năm mươi ba tỷ đồng*)
- Vốn điều lệ thực góp : 25.228.087.622 đồng (*Hai mươi lăm tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng*) (*căn cứ trên Báo cáo tài chính năm 2008*)
- Số lượng cổ phiếu : 2.522.808 cổ phiếu (*Hai triệu năm trăm hai mươi hai nghìn tám trăm linh tám cổ phiếu*)
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 27 cổ đông
- Số lượng cổ đông góp vốn thực tế: 02 cổ đông (*căn cứ Báo cáo tài chính năm 2008*)
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000095 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 15/03/2008.

1.3.2 Vốn điều lệ hiện tại

Tại thời điểm 26/05/2015, thông tin về vốn điều lệ của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ hiện tại : 381.000.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi một tỷ đồng*)
- Số lượng cổ phiếu : 38.100.000 cổ phiếu (*Ba mươi tám triệu, một trăm nghìn cổ phiếu*)
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ đông : 414 cổ đông
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 thay đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/07/2015. (Công ty chuyển trụ sở từ An Giang về Đồng Tháp).

1.3.3 Thông tin về các đợt tăng vốn của Công ty:

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với vốn điều lệ ban đầu thực góp là 25.228.087.622 đồng, cho đến nay, Công ty đã thực hiện tăng vốn 05 lần . Cụ thể như sau:



a. Lần thứ 1: Tăng vốn điều lệ từ 25.228.087.622 đồng lên 97.942.526.109 đồng

- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Thời gian phát hành: Tháng 12/2009
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 7.271.444 cổ phiếu
- Mục đích phát hành: Bổ sung Vốn hoạt động kinh doanh
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 02 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 18 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở KH&ĐT tỉnh An Giang
- Cơ sở pháp lý:
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2008 ngày 15/05/2008 tăng vốn lên 90 tỷ đồng;
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2009 ngày 05/11/2009 tăng vốn lên 150 tỷ đồng;
 - Giấy CNĐKKD số 5203000095 lần đầu do Sở KH&ĐT tỉnh An Giang cấp ngày 15/03/2008 (vốn điều lệ đăng ký 53 tỷ đồng);
 - Giấy CNĐKKD số 5203000095 thay đổi lần thứ 1 do Sở KH&ĐT tỉnh An Giang cấp ngày 20/08/2008 (vốn điều lệ đăng ký 90 tỷ đồng);
 - Giấy CNĐKKD số 1600895650 đăng ký thay đổi lần thứ 3 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 10/11/2009 (vốn điều lệ đăng ký 150 tỷ đồng);
 - Danh sách cổ đông tại thời điểm 31/12/2009;
 - Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty;
 - Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty.

b. Lần thứ 2: Tăng vốn điều lệ từ 97.942.526.109 đồng lên 125.951.526.109 đồng

- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Thời gian phát hành: Tháng 11/2010
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 2.800.900 cổ phiếu
- Mục đích phát hành: Bổ sung Vốn hoạt động kinh doanh
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 18 cổ đông



- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 18 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở KH&ĐT tỉnh An Giang
- Cơ sở pháp lý:
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2009 ngày 05/11/2009 về việc tăng vốn lên 150 tỷ đồng;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 đăng ký thay đổi lần thứ 4 do Sở KH & ĐT tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 02/08/2010 (với vốn điều lệ đăng ký là 150 tỷ đồng);
 - Danh sách cổ đông tại thời điểm 31/12/2010;
 - Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty.

c. Lần thứ 3: Tăng vốn điều lệ từ 125.951.526.109 đồng lên 150.000.000.000 đồng

- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Thời gian phát hành: Tháng 12/2011
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 2.404.847 cổ phiếu
- Mục đích phát hành: Bổ sung Vốn hoạt động kinh doanh
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 18 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 20 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở KH&ĐT tỉnh An Giang
- Cơ sở pháp lý:
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 về việc tiếp tục góp vốn lên 150 tỷ;
 - Giấy CNĐKKD số 1600895650 đăng ký thay đổi lần thứ 5 do Sở KH & ĐT tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 02/12/2011 (vốn điều lệ đăng ký 150 tỷ);
 - Danh sách cổ đông tại thời điểm 31/12/2011;
 - Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty.

d. Lần thứ 4: Tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng

- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ (01 cổ đông hiện hữu và 02 cổ đông mới)
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Thời gian phát hành: 12/01/2015
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 23.000.000 cổ phiếu



- Mục đích phát hành: Đầu tư thêm dây chuyền sản xuất bột cá; nhận chuyển nhượng dự án Nhà máy tinh luyện dầu cá; Bổ sung Vốn lưu động;
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 20 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 21 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp
- Cơ sở pháp lý:
 - Nghị quyết ĐHCĐ bất thường năm 2014 số 02/NQ.ĐHCĐ/2014 ngày 19/10/2014 về phương án chào bán riêng lẻ và phát hành cho cổ đông hiện hữu;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 đăng ký thay đổi từ lần thứ 6 cho đến lần thứ 10 do Sở KH & ĐT tỉnh Đồng Tháp (với vốn điều lệ đăng ký là 150 tỷ đồng);
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 đăng ký thay đổi từ lần thứ 11 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp (với vốn điều lệ đăng ký là 380 tỷ đồng);
 - Báo cáo kiểm toán vốn điều lệ tăng bằng phương thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đến ngày 13/01/2015.

	Chi tiết các khoản mục đã sử dụng vốn từ đợt phát hành	Giá trị (VNĐ)
1	Mua dây chuyền sản xuất bột cá	13.000.000.000
2	Nhận chuyển nhượng Dự án Nhà máy tinh luyện dầu cá giai đoạn 1	72.000.000.000
3	Bổ sung vốn lưu động (mua bột cá, mỡ cá)	145.000.000.000
	Tổng cộng :	230.000.000.000

e. Lần thứ 5: Tăng vốn Điều lệ từ 380.000.000.000 đồng lên 381.000.000.000 đồng

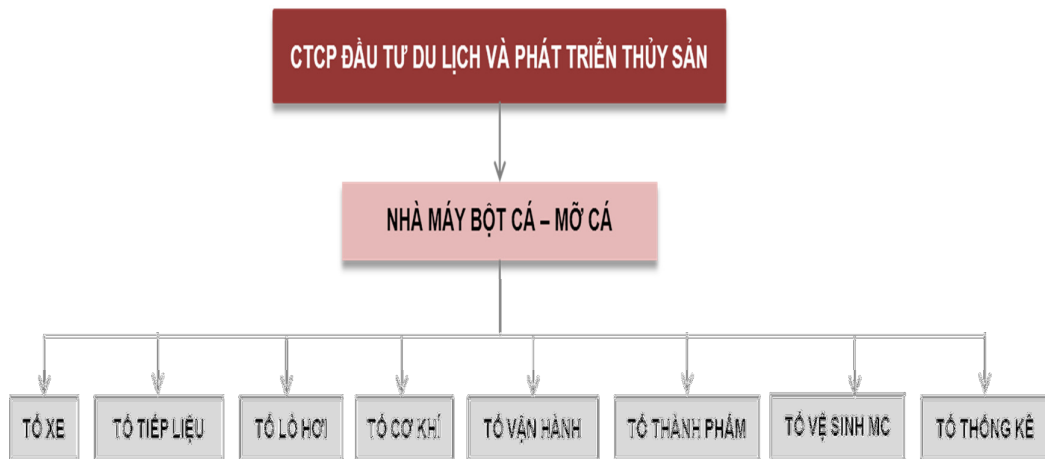
- Phương thức phát hành: Phát hành cho Cán bộ công nhân viên
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Thời gian phát hành: 15/01/2015
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 100.000 cổ phiếu
- Mục đích phát hành: Phát hành cho CBCNV
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 21 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 414 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp
- Cơ sở pháp lý:
 - Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 15/01/2015 thông qua việc phát hành cho cán bộ công nhân viên tăng vốn từ 380 tỷ đồng lên 381 tỷ đồng;



- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2015 ngày 15/05/2015 + Biên bản họp về việc hủy quy định hạn chế chuyển nhượng cho số lượng 100.000 cổ phiếu phát hành cho CBCNV theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 15/01/2015;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 đăng ký thay đổi từ lần thứ 12 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp (với vốn điều lệ đăng ký là 380 tỷ đồng);
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 đăng ký thay đổi lần thứ 13 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp ngày 05/02/2015 (với vốn điều lệ đăng ký là 381 tỷ đồng);
- Danh sách cổ đông tại thời điểm 31/03/2015;
- Báo cáo kiểm toán vốn điều lệ tăng bằng phương thức phát hành cổ phiếu thưởng cho Cán bộ công nhân viên bằng nguồn vốn chủ sở hữu đến ngày 29/05/2015.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty và Cơ cấu trong Tập đoàn

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: TRISEDCO

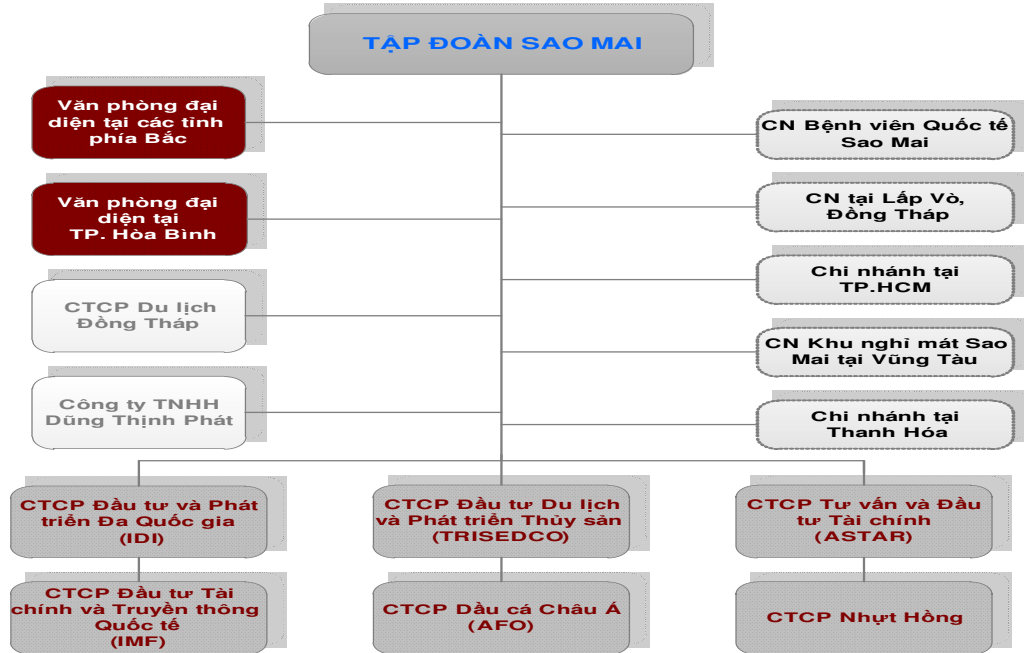


BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



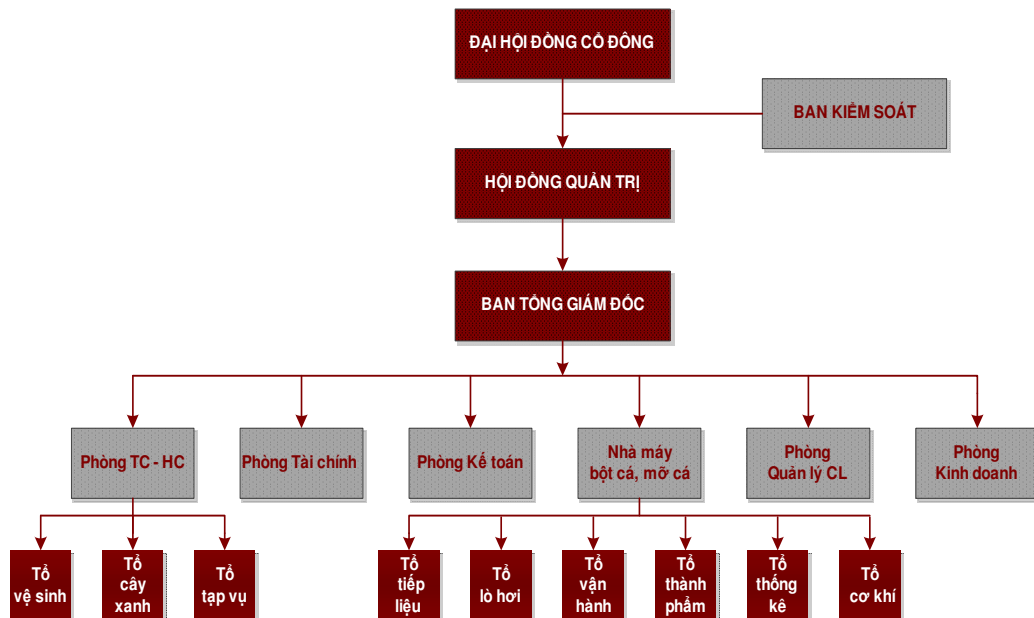
Sơ đồ 2: Cơ cấu Tập đoàn



Nguồn: TRISEDCO

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 3: Cơ cấu bộ máy quản lý của TRISEDCO



Nguồn: TRISEDCO



Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của TRISEDCO. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty, thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Hội Đồng Quản Trị:

Là cơ quan quản trị của TRISEDCO, có toàn quyền nhân danh TRISEDCO để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của TRISEDCO, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của TRISEDCO;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của TRISEDCO;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của TRISEDCO;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ TRISEDCO quy định.

Lê Văn Chung	Chủ tịch HĐQT
Lê Xuân Quế	Phó Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch HĐQT
Lê Thanh Thuận	Thành viên HĐQT
Trương Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT
Hồ Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT
Lê Văn Chính	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ
Lê Văn Thành	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, BGD trong việc quản lý và điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên.

Ngô Thị Tố Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát
Trịnh Thị Ngọc	Thành viên BKS
Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên BKS



Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm: 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 Giám đốc Tài chính do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của TRISEDCO;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của TRISEDCO;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của TRISEDCO;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong TRISEDCO, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc.

Ban điều hành hiện nay của Công ty là những người có kinh nghiệm quản lý và điều hành kinh doanh.

Lê Văn Chính	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Tiến Ngữ	Phó Tổng Giám đốc
Lê Hoàng Cường	Giám đốc Tài chính

Chức năng & Nhiệm vụ của các Phòng Ban:

Phòng Tài chính - Kế toán:

Chức năng:

Phòng Tài chính – Kế toán là phòng chuyên môn có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban TGD Công ty về lĩnh vực Tài chính Kế toán.

Nhiệm vụ:

- Đảm bảo việc hạch toán sổ sách Công ty TRISEDCO theo các chuẩn mực kế toán hiện hành, phối hợp thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế với khách hàng;
- Phân tích và kiểm soát hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư;
- Quản lý việc sử dụng và phối hợp các phòng ban giải quyết công nợ khách hàng.

Phòng Kinh doanh:

Chức năng:

Phòng Kinh doanh là phòng có chức năng tham mưu cho Ban Tổng giám đốc nắm bắt kịp thời giá cả thị trường, hoàn thiện các hợp đồng mua bán.



Nhiệm vụ:

- Tổ chức bán hàng, tiêu thụ sản phẩm dịch vụ của Công ty TRISEDCO;
- Phản hồi các thông tin từ khách hàng lên Ban Tổng Giám đốc để điều chỉnh chính sách thích hợp;
- Thực hiện thống kê hàng hóa tồn kho, theo dõi việc mua bán hàng hóa, nhập xuất vật tư;
- Nghiên cứu và hoạch định các chiến lược, các loại hình kinh doanh;
- Thực hiện các thủ tục về bán hàng và thu hồi công nợ cho Công ty.

Phòng Quản lý Chất lượng:

Chức năng:

Phòng Quản lý chất lượng là phòng có chức năng tham mưu cho Ban Tổng giám đốc nắm bắt kịp thời, kiểm soát chất lượng hàng hóa Công ty.

Nhiệm vụ:

- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo các chương trình đang áp dụng;
- Kiểm soát chất lượng hàng hóa theo các tiêu chuẩn về QLCL và báo cáo kịp thời lên Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát trong trường hợp hàng hóa không đủ tiêu chuẩn để có hướng giải quyết kịp thời.

Phòng Nhân sự:

Chức năng:

Phòng nhân sự là phòng có chức năng tham mưu cho Ban Tổng giám đốc hoạt động nhân sự của Công ty.

Nhiệm vụ:

- Phụ trách các hoạt động về lễ tân, tiếp khách của Công ty;
- Quản lý và lưu hồ sơ Công ty.

Ban Kiểm soát nội bộ:

Chức năng và Nhiệm vụ:

- Giám sát việc nhập xuất hàng hóa, vật tư của Công ty. Việc giám sát được thực hiện trên nguyên tắc phải đảm bảo đúng khối lượng, số lượng, chất lượng, đúng chủng loại sản phẩm và đúng theo quy trình xuất hàng của Công ty;
- Kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, quy chế, quy định, nội quy, thông báo... của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.



Ban Giám đốc Nhà máy:

Chức năng và Nhiệm vụ:

- Thực hiện tốt những quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh trong khâu sản xuất, đảm bảo an toàn tuyệt đối với con người và tài sản Công ty. Giám sát quá trình sản xuất đạt chất lượng sản phẩm;
- Tham gia hỗ trợ các phòng ban có liên quan trong việc xây dựng định mức tiêu hao và tiêu chuẩn chất lượng đối với các loại vật tư., nguyên phụ liệu, điện năng;
- Kết hợp với các phòng ban có liên quan thực hiện công tác xuất hàng, đóng dấu hàng, lấy mẫu kiểm theo yêu cầu;
- Thực hiện đào tạo nhân sự mới trước khi vào làm việc chính thức;
- Quản lý máy móc thiết bị, hồ sơ, lý lịch, kỹ thuật của các loại máy móc. Thực hiện công tác đăng kiểm an toàn thiết bị.

4. Danh sách Cổ đông sáng lập, Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 26/05/2015

4.1 Danh sách Cổ đông sáng lập

Bảng 1: Danh sách Cổ đông sáng lập tại thời điểm 26/05/2015

TT	Cổ đông	Số CMND / ĐKKD	Địa chỉ	Số CP	Tỷ trọng (%)
1.	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai - ASM Đại diện phần vốn góp: Bà Lê Thị Nguyệt Thu	1600169024	326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, Long Xuyên, Tỉnh An Giang	1.500.000	3,937
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I. Đại diện phần vốn góp Ông Lê Văn Cảnh	303141296	Quốc Lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, H. Lấp Vò, Đồng Tháp	30.192.600	79,2457
3.	Lê Thanh Thuận	350006170	326, Hùng Vương, P. Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	1.500.000	3,9370
4.	Võ Thị Thanh Tâm	351343854	Số 3/2 Lê Triệu Khiết, P.Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	0	0
5.	Lê Văn Chung	351393479	72 Trần Nhật Duật, Long Xuyên, An Giang	120.500	0,3163
6.	Nguyễn Văn Hưng	351139667	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	50.500	0,1325
7.	Lê Văn Thủy	351627326	645/33 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên An Giang	87.800	0,2304



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



TT	Cổ đông	Số CMND / ĐKKD	Địa chỉ	Số CP	Tỷ trọng (%)
8.	Võ Quốc Chánh	351387175	Số 79-80 Lô E1, Đường Số 15, KĐT Sao Mai, P.Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang	0	0
9.	Lê Văn Thành	351400599	706B Hà Hoàng Hồ, Long Xuyên, An Giang	16.100	0,0423
10.	Võ Quốc Hưng	24355640	Số 658R Phạm Văn Chí, P8, Quận 6, TP.HCM	0	0
11.	Lê Xuân Quế	351259440	Số 647B/33 Tôn Thất Thuyết, P.Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang	33.500	0,0879
12.	Nguyễn Thị Hà	352042198	49/30 Khúc Thừa Dụ, Long Xuyên, An Giang	20.000	0,0525
13.	Trần Văn Cừ	351700797	Tổ 14, Xã Mỹ Khánh, Long Xuyên, An Giang	27.700	0,0727
14.	Trương Vĩnh Thành	352244166	Số 81/E1 KĐT Sao Mai, P.Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang	10.500	0,0276
15.	Lê Văn Tinh	361485996	Số 1/79 Đinh Tiên Hoàng, P.Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	300	0,0008
16.	Phạm Đình Nam	351333247	Số 19/4B Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang	18.500	0,0486
17.	Nguyễn Hồng Ngự	351485451	49/30 Khúc Thừa Dụ, Long Xuyên, An Giang	10.300	0,0270
18.	Nguyễn Thị Diệu Hiền	351355224	49/30 Khúc Thừa Dụ, Long Xuyên, An Giang	10.500	0,0276
19.	Võ Thị Hồng Tâm	351220418	Số 141/2/9 Nguyễn Thái Học, P.Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	500	0,0013
	Tổng cộng			33.599.300	88,1871

Nguồn: TRISEDCO

Căn cứ Khoản 4 Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13: “Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của công ty.”. Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 15 tháng 3 năm 2008, như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu phổ thông của Cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.



4.2 Danh sách Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 26/05/2015

Bảng 2: Danh sách Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại thời điểm 26/05/2015

TT	Cổ đông	Số CMND / ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu	Tỷ trọng (%)
1	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I. Đại diện phần vốn góp Ông Lê Văn Cảnh	0303141296	Quốc Lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, H. Lấp Vò, Đồng Tháp	30.192.600	79,2457
	Tổng cộng			30.192.600	79,2457

Nguồn: TRISED CO

4.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 26/05/2015

TT	Nhóm cổ đông	Số lượng (cổ đông)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I.	Cổ đông trong nước	414	38.100.000	381.000.000.000	100,0000
1.	Cổ đông tổ chức	2	31.692.600	316.926.000.000	83,1827
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	0	0	0	0,00
2.	Cổ đông cá nhân	412	6.407.400	64.074.000.000	16,8173
	<i>Trong đó:</i>				
	- HĐQT, BKS, BGD, KTT	14	1.733.900	17.339.000.000	4,5509
	- Cổ đông cá nhân khác	397	3.173.350	31.733.500.000	8,3290
II.	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1.	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
2.	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
III.	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng	414	38.100.000	381.000.000.000	100,0000

Nguồn: TRISED CO



5. Danh sách Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

5.1 Danh sách Công ty mẹ

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 189 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 quy định, một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
- Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;
- Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

Hiện tại Công ty Mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia ("I.D.I").

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia ("I.D.I")
Địa chỉ:	Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống - An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
Số điện thoại:	(84-67) 368 0616
Số Fax:	(84-67) 368 0434
Thành lập ngày:	15/07/2003 theo giấy CN ĐKKD số 0303141296 và thay đổi lần thứ 15 ngày 17/08/2015
Người đại diện:	Ông Lê Văn Chung Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Vốn điều lệ	983.250.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính:	Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh nhà, khách sạn; Nuôi trồng thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản...
Tỷ lệ sở hữu của I.D.I tại TRISEDCO	79,2457%

5.2 Danh sách các Công ty con:

Đầu năm 2015, Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản đã mua và sở hữu 82,23 % Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á (AFO) (cùng hai công ty sở hữu AFO là Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai (0,84%) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (16,93%)).

AFO sở hữu Nhà máy tinh luyện dầu cá với công suất 100 tấn nguyên liệu/ ngày, công nghệ Bì với điểm nổi bật chính là dây chuyền sản xuất khép kín, tự động hoá, tiết kiệm lao động, diện tích mặt bằng nhà xưởng, sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Dầu lọc xong không hình thành các chất phân huỷ, hệ thống khử mùi hoàn hảo và an toàn lao động, tác động môi trường với chất lượng ổn định.

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á (AFO)
--------------	-------------------------------------



Địa chỉ:	Quốc lộ 80, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
Số điện thoại:	(84-67) 36 80 433
Số Fax:	(84-67) 36 80 434
Thành lập ngày:	02/07/2010 theo Giấy CN ĐKDN CTCP số 1401274641 và thay đổi lần thứ 07 ngày 31/12/2014.
Người đại diện:	Ông Lê Xuân Quế Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Vốn điều lệ	120.000.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh:	Chế biến dầu cá
Tỷ lệ sở hữu của TRISEDCO tại AFO	73,90%

5.3 Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty TRISEDCO chuyên cung ứng, sản xuất và thương mại các sản phẩm từ cá Tra/Basa.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Sản xuất, chế biến thực phẩm. Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản.	1020
2	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản.	1080
3	Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến; dầu, mỡ động thực vật.	4632
4	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật. Chi tiết: Sản xuất, đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật.	1040
5	Xay xát và sản xuất bột thô. Chi tiết: Sản xuất, chế biến lương thực.	1061
6	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất	3530

TT	Tên ngành	Mã ngành
	nước đá. Chi tiết: Sản xuất, và phân phối hơi nước.	
7	Sản xuất hóa chất cơ bản. Chi tiết: Sản xuất, phân phối khí ni tơ.	2011
8	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, phân phối khí nén.	3290

6.1 Sản lượng sản phẩm / giá trị sản phẩm qua các năm

6.1.1 Các sản phẩm chính của Công ty



❖ Các sản phẩm hiện tại của Công ty

Hoạt động kinh doanh của Công ty là mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến; sản xuất, chế biến phụ phẩm từ cá Tra, cá Basa có chất lượng cao và bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Bắt đầu từ năm 2014, Công ty xác định mảng sản xuất bột cá và mỡ cá là mảng kinh doanh chính của Công ty, ngoài ra còn có bao tử cá, bong bóng cá, da cá, dè cá được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Các sản phẩm của Công ty được chấp nhận rộng rãi trên thị trường trong nước và quốc tế, và đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm HACCP và ISO 9001-22000.

Hàng năm, Công ty tiêu thụ được khoảng 22.300 tấn sản phẩm các loại; trong đó, chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu là bột cá, mỡ cá.

Hình 2: Hình ảnh một số sản phẩm chính của TRISEDCO

	
Bột Cá	Mỡ Cá Thô
Xuất xứ: Việt Nam Loại cá: cá Tra Qui cách đóng gói: 50kg (trọng lượng tịnh)/ bao nhựa Số lượng cung ứng: 1.000 – 1.200 tấn/tháng Tiêu chuẩn: Độ đậm 58-60%, độ ẩm (%) 10 max, Tro (%) 25 max, độ tươi (%) 50 max, chất béo (%) 12 max	Xuất xứ: Việt Nam Loại cá: cá Tra Qui cách đóng gói: 193kg / thùng phi hoặc 20 tấn/flexitank Số lượng cung ứng: 1.000 – 1.200 tấn/tháng Tiêu chuẩn: Acid (mgKOH/g) 3%max, Iodine (gl2/100g) 80max



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



	
Bong Bóng Cá	Bao Tử Cá
Sản Phẩm Khác	
	
Ức Cá, Vây Cá	Da Cá

Số lượng nhà phân phối, đại lý phân phối tiêu thụ sản phẩm hiện tại của Công ty ổn định và tăng đều qua các năm.

Bảng 4: Danh sách các nhà phân phối của Công ty trong năm 2015

TT	Tên Công ty	Địa chỉ
1	Kanematsu Corporation	Quận 1, TP.HCM
2	Công ty TNHH MTV ĐT SX-TM Thái Dương	Quận Bình Thạnh, TP.HCM
3	Công ty TNHH Dinh Dưỡng Á Châu (ANT)	Huyện Trảng Bom, Đồng Nai
4	Công ty Cổ phần EWOS Việt Nam	Huyện Cần Đước, Long An
5	Công ty Cổ phần Việt Delta	Quận Bình Thạnh, TP.HCM
6	Công ty TNHH chế biến PP TS Honoroad - VN	Ô Môn, Cần Thơ.
7	Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức Ăn Gia súc - Proconco	KCN Biên Hòa, Đồng Nai.
8	Công ty CP Dầu Cá Châu Á	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp
9	ATOZ M CO.LTD	Hanshin Cylux, Suseo-Dor
10	Công ty Cổ phần Nông Sản Long Hải	TP. Biên Hòa, Đồng Nai

TT	Tên Công ty	Địa chỉ
11	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	Cao Lãnh, Đồng Tháp
12	Công ty TNHH DV Giang Long	Long xuyên, An Giang
13	Kai Enterprises Inc	Nhật Bản
14	Công ty Cổ phần ĐT PT XD An Phú Gia	Quận Thủ Đức, TP.HCM
15	Công ty Cổ phần ĐT Du Lịch Đồng Tháp	Cao Lãnh, Đồng Tháp
16	Công ty Cổ phần ĐT & PT Đa Quốc Gia IDI	Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp
17	Công ty Cổ phần XNK Nhất Thành	Quận Hoàng Mai, Hà Nội
18	Công ty TNHH XNK Tổng Hợp Phương Đông	Thanh Oai, Hà Nội

Nguồn: TRISED CO

❖ Sản phẩm mới của Công ty:

Sau khi việc chuyển giao Nhà máy chế biến dầu cá hoàn tất, Công ty sẽ đưa ra thị trường dòng sản phẩm mới, đó là sản phẩm dầu cá tinh luyện với thương hiệu RANEE. Đây sẽ là sản phẩm trọng tâm trong hoạt động kinh doanh sắp tới của TRISED CO, dự báo sẽ đóng góp đáng kể vào doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty trong giai đoạn 05 năm tới.



○ Nguyên liệu chế biến dầu cá

Nguồn nguyên liệu chế biến Dầu Cá trước giờ chủ yếu là từ các loại cá biển như cá Trích, cá Hồi, cá Thu, cá Tuna. Đây là các loại cá sống ở vùng biển lạnh và sâu, chất lỏng lấy từ mỡ các loại Cá này ở nước ta quen gọi là dầu gan cá thu hay dầu cá thiên nhiên.

Dầu cá đặc biệt là cá biển rất giàu các PUFA, đặc biệt là nhóm omega-3 như: acid eicosapentaenoic (EPA) và acid docosahexaenoic (DHA). Các axit béo không no đa nối đôi n-3 (n-3 PUFA) được xem là có vai trò quan trọng đối với sức khỏe.



Tuy nhiên, hiện nay sự biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang xảy ra khắp hành tinh, thêm vào đó sự đánh bắt quy mô thương mại diễn ra khắp toàn cầu, do đó nguồn nguyên liệu chế biến từ Dầu cá biển dần bị mất đi, giá thành sản phẩm ngày một cao, cần thiết phải có một nguồn nguyên liệu khác thay thế.

Việt Nam có một lượng dầu (mỡ) cá Tra dồi dào mà không một quốc gia nào khác có được. Với sản lượng cá Tra nuôi mỗi năm hơn 1 triệu tấn, thì lượng dầu (mỡ) cá Tra thô thu được ít nhất là 140.000 tấn mỗi năm. Dầu (mỡ) cá Tra thô không chứa cholesterol, chứa nhiều các axit béo không no MUFA, PUFA (lớn hơn 70%) rất thiết yếu cho cơ thể, đặc biệt là EPA, DHA (lớn hơn 0,4%), thành phần đặc biệt quan trọng đối với não người và không thể tìm thấy trong dầu thực vật. Ngoài ra, dầu cá Tra còn chứa nhiều vitamin A, D, E... và các khoáng chất khác. Chính vì vậy, việc chế biến dầu cá từ phụ phẩm cá nước ngọt mà chủ yếu là cá Basa, cá Tra là một giải pháp thay thế vô cùng hợp lý.

○ Công dụng của DHA trong dầu cá tự nhiên

DHA là một Acid Béo không no cần thiết cho sự hoàn thiện Hệ Thần Kinh, đặc biệt là thị giác. Ở người lớn, nó có tác dụng giảm Triglyceride Máu và Cholesterol xấu, giúp dự phòng xơ vữa động mạch, nhồi Máu cơ Tim. DHA có tên gọi đầy đủ là Docosa Hexaenoic Acid, một Acid Béo thuộc nhóm Omega-3. Đây là một chất rất quan trọng nhưng cơ thể không tự tổng hợp được mà phải đưa vào từ nguồn thực phẩm

○ Lợi ích của dầu cá

- ✓ Giảm đau và Viêm sưng;
- ✓ Cải thiện tinh thần;
- ✓ Bảo vệ Tim và tránh Đột Quy;
- ✓ Tốt cho hệ Thần Kinh, giúp cải thiện trí nhớ và tăng khả năng tập trung;
- ✓ Ngừa Ung Thư;
- ✓ Tốt cho Tim Mạch;
- ✓ Tốt cho Mắt;
- ✓ Da khỏe đẹp.

○ Sản phẩm dầu cá RANEE

Theo kết quả nghiên cứu của Viện dinh dưỡng quốc gia cho thấy, dầu cá cao cấp RANEE có đầy đủ các dưỡng chất tự nhiên có tính năng tương đồng với các sản phẩm dầu cá được chiết xuất từ cá biển phải nhập khẩu từ nước ngoài. Mặt khác, Dầu cá cao cấp Raneer còn có độ tinh khiết rất cao và được bổ sung vitamin A - đây là một ứng dụng mới, lần đầu tiên được áp dụng trong thực tế trên sản phẩm dầu ăn.

Dầu cá cao cấp RANEE còn có nhiều thành phần dinh dưỡng tự nhiên rất bổ dưỡng và quý giá đối với sức khỏe con người như các axit béo không no, Omega 3, 6, 9, các thành phần khoáng vi lượng, vitamin E, EPA, DHA rất tốt cho sức khỏe.

Mặc dù đây là sản phẩm hầu như là mới hoàn toàn được bán trên thị trường, nhưng sẽ có đủ khả năng để cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm so với các loại sản phẩm dầu ăn thực vật bởi vì đây là sản phẩm giàu dinh dưỡng và có chất lượng cao. Hiện tại vẫn chưa có bất kỳ đối thủ cạnh tranh nào có cùng công nghệ sản xuất để có thể đưa ra những sản phẩm tương tự dầu cá RANEE của Công ty ra thị trường dầu ăn



6.1.2 Dự án Nhà máy chế biến dầu cá

Nhằm gia tăng lợi thế hiện tại là cung cấp nguồn nguyên liệu chính cho Nhà máy tinh luyện dầu cá, sản xuất khép kín cũng như đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định nhận chuyển giao công nghệ “tinh luyện dầu cá” từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.

Theo đó, Hội đồng Quản trị đã thông qua các Nghị quyết 01/BB-HĐQT ngày 03/02/2015 về việc mua lại Nhà máy dầu.

❖ Thông tin của Dự án:

- Tên dự án: NHÀ MÁY TINH LUYỆN DẦU CÁ
- Sản phẩm của dự án: Dầu lỏng và dầu đặc (sterin)
- Chi phí đầu tư: 706.867.000.000 đồng
- Công suất: 100 tấn nguyên liệu/ngày
- Thời gian chính thức hoạt động: Tháng 07/2014
- Thời gian chính thức đưa sản phẩm ra thị trường: Tháng 10/2014

❖ Mục tiêu dự án:

- Từng bước xây dựng và phát triển ngành Dầu Động vật đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng. Tăng dần tỷ trọng nguyên liệu trong nước để sản xuất Dầu ăn (Dầu tinh luyện và Dầu thô) và cung cấp sản phẩm cho ngành chế biến khác.
- Khai thác triệt để nguồn nguyên liệu phụ phẩm cá Tra sẵn có;
- Đáp ứng cung cấp dầu ăn cho người tiêu dùng;
- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp: mỹ phẩm, dược phẩm....

❖ Cơ cấu vốn:

- Tổng vốn đầu tư: **706.867.000.000 đồng**
Trong đó
 - Vốn tự có: 474.233.000.000 đồng
 - Vốn vay: 232.634.000.000 đồng

❖ Dự kiến hiệu quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả tài chính

- NPV = 16.288.000.000 đồng
- IRR = 18,75%
- Thời gian hoàn vốn: 6 năm 1 tháng

❖ Tính khả thi của việc mua lại Dự án Nhà máy dầu từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia

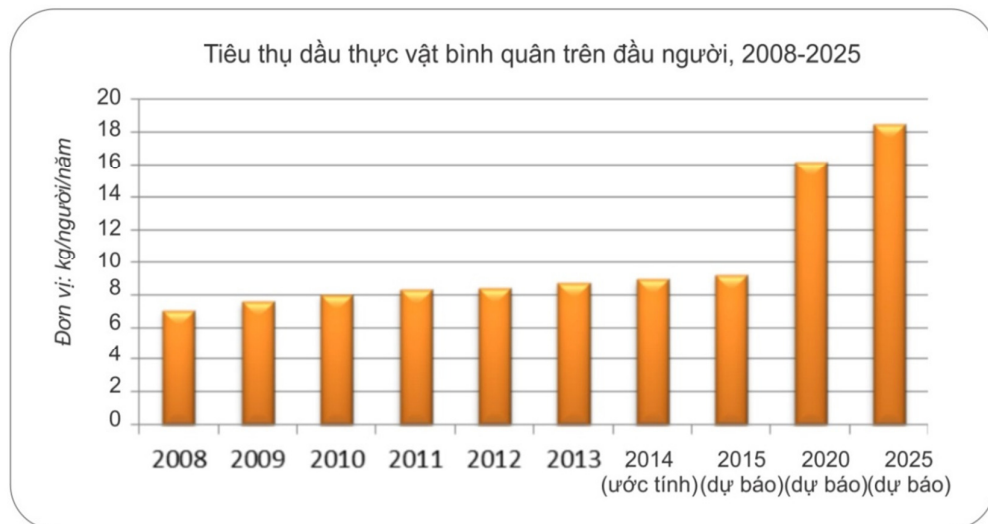


Bảng 5: Lượng tiêu thụ dầu thực vật trong nước của Việt Nam

Chỉ tiêu	Đơn vị	2012	2013	2014 (ước tính)	2015 (dự đoán)	2020 (dự đoán)	2025 (dự đoán)
Dân số Việt Nam	Triệu người	88,7	90	91	92	97	102
Tổng lượng tiêu thụ trong nước	1.000 tấn	750	780	810	850	1.570	1.890
Tiêu thụ theo bình quân đầu người	kg/người/năm	8,4	8,7	8,9	9,2	16,2	18,5

Nguồn: Tổng cục Thống Kê; Bộ Công Thương; Viện nghiên cứu Chiến lược, chính sách công nghiệp Việt Nam; số liệu dự đoán của doanh nghiệp trong nước và USDA

Hình 3: Lượng tiêu thụ dầu thực vật bình quân đầu người tại Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Thống Kê; Bộ Công Thương; Viện nghiên cứu Chiến lược, chính sách công nghiệp Việt Nam; số liệu dự đoán của doanh nghiệp trong nước và USDA

- Theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới, mức tiêu thụ dầu ăn bình quân để đảm bảo sức khỏe là 13,5kg/người/năm, trong khi đó, ở Việt Nam con số này mới chỉ mới đạt 7kg/người/năm, dư địa tăng trưởng còn rất lớn. Euromonitor ước tính, tiêu thụ dầu thực vật trên đầu người tại Việt Nam năm 2015 được dự báo sẽ tăng lên mức 14,5kg/người/năm. Cho thấy tiềm năng còn rất lớn và cơ hội phát triển còn nhiều đối với các doanh nghiệp chế biến dầu ăn nói chung và doanh nghiệp chế biến dầu cá nói riêng.



Bảng 6: Dự kiến sản lượng sản phẩm bán ra và giá bán trong 05 năm đầu

NĂM	1	2	3	4	5
Tỷ lệ công suất đạt được	60%	70%	80%	100%	100%
Sản lượng thành phẩm (tấn)	18.158	21.185	24.211	30.264	30.264
Trong đó:					
- Dầu lỏng	12.711	14.829	16.948	21.185	21.185
- Dầu đặc (sterin)	5.448	6.355	7.263	9.079	9.079

Bảng 7: Dự kiến Doanh thu và lợi nhuận của Nhà máy chế biến dầu cá trong 05 năm đầu

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Diễn giải	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
1	Doanh thu	689.260	804.136	919.013	1.148.766	1.148.766
2	Chi phí ^(*)	587.833	668.759	752.835	907.619	872.811
3	Lợi nhuận	101.427	135.377	166.178	241.147	275.955
4	Lợi nhuận trước thuế	4.930	38.881	55.897	103.295	138.103
5	Thuế thu nhập DN ^(**)	-	-	-	7.747	10.358
6	Lợi nhuận sau thuế	4.930	38.881	55.897	95.548	127.745
7	LN sau thuế/doanh thu	0,72%	4,84%	6,08%	8,32%	11,12%

(*) Chi phí Marketing chiếm tỷ trọng khoảng 8%/năm trong tổng chi phí của Công ty. Sản phẩm dầu cá tinh luyện là sản phẩm mới hoàn toàn đối với thị trường dầu ăn trong nước, do vậy, trong giai đoạn đầu, Công ty phải tập trung cho việc xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm, mở rộng và phát triển các kênh phân phối, khiến chi phí này chiếm tỷ trọng đáng kể.

(**) Công ty được miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế, 07 năm tiếp theo giảm 50% thuế suất. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhà máy chế biến dầu cá là 12%/năm, kể từ năm thứ 13 là 20%/năm.

- Sau nhiều năm chuẩn bị để tham gia vào thị trường ngách là dầu cá Tra và đưa Nhà máy dầu cá đi vào hoạt động, Công ty đã góp mặt vào thực đơn của hơn 90 triệu dân Việt Nam món dầu cá cao cấp hiệu Ranee. Đây không chỉ là hành động đột phá nâng cao chuỗi giá trị sản xuất, chế biến và xuất khẩu cho cá Tra Việt Nam, mà còn giúp Công ty có thêm dư địa tăng trưởng khi các hiệp định thương mại tự do có hiệu lực và Cộng đồng Kinh tế ASEAN thành lập năm nay.
- Tuy các đối thủ cạnh tranh luôn phát triển nhiều sản phẩm mới, nhưng Công ty vẫn quyết tâm tham gia vào thị trường tiềm năng này, vì hiện tại chưa có doanh nghiệp nào trong và ngoài nước sản xuất dầu ăn tinh luyện từ mỡ cá Tra. Trước đó, một số hãng chỉ mới chế biến dầu cá thành thực phẩm chức năng hoặc thực phẩm dinh dưỡng cho trẻ em.



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



- Ngoài chất lượng sản phẩm cao, giá thành cạnh tranh, thương hiệu uy tín, hệ thống phân phối tiện lợi, Công ty tự tin vào những yếu tố tạo nên sự khác biệt giúp sản phẩm dầu cá Tra có vị thể riêng, như nguồn nguyên liệu không phụ thuộc vào nước ngoài, giá thành hợp lý, sản phẩm dầu cá có mùi vị tự nhiên, hàm lượng chất dinh dưỡng cao, độ chịu nhiệt cao nên khi chiên dầu không bị cháy và màu dầu đẹp.
- Bên cạnh đó, qua đánh giá của Công ty thì vùng Đồng bằng sông Cửu Long mỗi năm cung cấp ra thị trường sản lượng mỡ cá Tra không dưới 140.000 tấn nhưng được dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi và thủy sản, sản xuất dầu biodiesel và xuất khẩu thô với giá bán thấp. Trong khi đó, Việt Nam đang chi hàng tỷ USD mỗi năm để nhập khẩu dầu thực vật và nhu cầu này ngày càng gia tăng. Sản phẩm dầu cá Ranee sẽ là mắt xích vô cùng quan trọng kết nối hình thành chuỗi khép kín của quy trình nuôi trồng và chế biến cá Tra, Ba sa xuất khẩu.

❖ Hình ảnh Nhà máy dầu cá:





- ❖ **Các sản phẩm dự kiến được sản xuất:**
 - Dầu lỏng (dầu dinh dưỡng trẻ em, dầu trộn, dầu ăn cao cấp);
 - Dầu đặc (shortening).
- ❖ **Quá trình triển khai dây chuyền sản xuất dầu cá tại Công ty:**
 - Cuối quý 1/2015, tiếp nhận Nhà máy dầu cá từ Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI
 - Từ quý 2 năm 2015 trở đi: Nhà máy sản xuất với công suất thiết kế 100 tấn nguyên liệu/ngày.
- ❖ **Tình hình sản xuất thực tế của Nhà máy tinh luyện dầu cá 6 tháng đầu năm 2015**

TT	Mặt hàng	ĐVT	Năm 2014		6 tháng năm 2015	
			Số lượng	Doanh thu	Số lượng	Doanh thu
I	NỘI ĐỊA		4.217.873	87.271.443.624	6.779.487	115.956.531.752
1	- Olein	Kg	2.659.230	57.399.279.746	3.776.555	69.877.421.967
2	- Stearin	Kg	1.287.653	22.558.857.291	2.018.330	25.870.505.382
3	- Dầu chai	Lít	270.990	7.313.306.587	234.818	6.448.220.560
4	- Dầu can	Lít	-	-	749.784	13.760.383.843
II	XUẤT KHẨU		404.935	6.323.144.452	0	0
1	- Sterin	Kg	402.010	6.257.215.299	-	-
2	- Olein	Kg	2.925	65.929.153	-	-
	TỔNG CỘNG		4.622.808	93.594.588.076	6.779.487	115.956.531.752

Nguồn: TRISED CO



6.1.3 Doanh thu và lợi nhuận các loại sản phẩm:

Bảng 8: Sản lượng từng nhóm sản phẩm qua các năm

TT	Nhóm sản phẩm	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	6 Tháng/2015
1	Bột cá	Tấn	5.636	6.838	3.578
2	Mỡ cá	Tấn	5.891	8.877	7.233
3	Các sản phẩm phụ	Tấn	1.982	2.161	1.647
4	Cá fillet	Tấn	5.094	0	0
5	Khác	Tấn	315	0	0
Tổng cộng			18.918	17.876	12.458

Nguồn: TRISED CO

Qua số liệu liệt kê của Bảng 8 ta thấy trong năm 2014 tổng sản lượng của nhóm sản phẩm giảm 1.042 tấn tương đương giảm 5,51% so với năm 2013, nguyên nhân chính là do ban lãnh đạo Công ty chủ trương tập trung vào nhóm sản phẩm chủ đạo là bột cá, mỡ cá, còn mảng kinh doanh cá fillet được chuyển giao về cho Công ty Mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI) nhằm tối đa hóa hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, nếu xét riêng về nhóm sản phẩm chính là bột cá và mỡ cá thì sản lượng của 02 nhóm này tăng đáng kể so với năm 2013, cụ thể bột cá tăng từ 5.636 tấn lên 6.838 tấn tương đương tăng 21,33%, mỡ cá tăng từ 5.891 tấn lên 8.877 tấn tương đương tăng 50,53%.

6 tháng năm 2015, tình hình hoạt động của Công ty vẫn tăng khá ổn định, tổng sản lượng trong 6 Tháng đầu là 12.458 tấn chiếm gần 50% so với kế hoạch năm 2015. Trong đó, mảng Mỡ cá tăng lên đáng kể đạt 7.233 tấn bằng 81,5% so với sản lượng Mỡ cá của cả năm 2014. Qua đó, cho thấy tiềm năng tăng trưởng của nhóm sản phẩm liên quan đến mỡ cá.

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu sản phẩm qua các năm

TT	Nhóm sản phẩm	Năm 2013		Năm 2014		6 Tháng / 2015	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Bột cá	125.160	26,63	165.147	48,01	50.544	32,25%
2	Mỡ cá	90.880	19,33	140.220	40,76	106.169	67,74%
3	Các phụ phẩm	26.040	5,54	38.614	11,23	10.612	0,01%
4	Cá fillet	216.660	46,09	-	-	-	-
5	Khác	11.310	2,41	-	-	-	-
Tổng cộng		470.050	100,00	343.981	100,00	156.724	100,00

Nguồn: TRISED CO

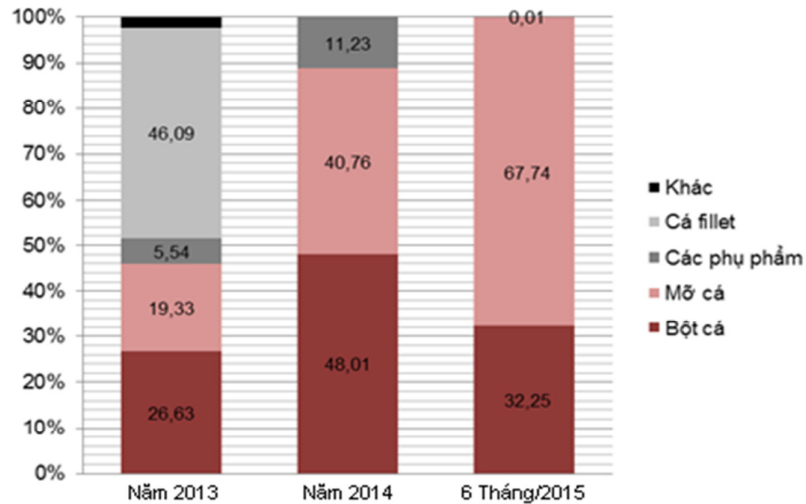


BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Hình 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty qua các năm



Nguồn: TRISEDCO

- Trong giai đoạn kinh tế khó khăn 2012 – 2013, ngoài hoạt động kinh doanh chính là sản xuất bột cá chiếm tỷ trọng 26,63% với giá trị 125 tỷ đồng, giá trị của mỡ cá đạt được hơn 90 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 19,33%, Ban lãnh đạo Công ty còn kinh doanh thêm mảng cá fillet, đóng góp đáng kể vào doanh thu năm 2013 của Công ty với hơn 46,09% tương đương 216 tỷ đồng.
- Từ năm 2014 trở đi, Công ty chỉ tập trung vào mảng sản xuất bột cá và mỡ cá, và nâng doanh thu thuần của mảng bột cá lên 48,01% trong tổng doanh thu, tăng hơn 80,29% so với năm trước. Tương tự doanh thu mảng mỡ cá cũng chiếm tỷ trọng đáng kể, hơn 40,76% trong tổng doanh thu tăng hơn 110,86% so với năm 2013. Các hoạt động kinh doanh khác chiếm doanh thu không đáng kể, khoảng 11,23% trong tổng doanh thu.
- 6 Tháng năm 2015, doanh thu của mảng mỡ cá tăng cao mang về cho Công ty hơn 106 tỷ đồng, đạt gần 75,72% so với doanh thu mảng mỡ cá của cả năm 2014. Bên cạnh đó doanh thu của mảng bột cá ổn định.

Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

TT	Nhóm sản phẩm	Năm 2013		Năm 2014		6 Tháng / 2015	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Bột cá	36.060	87,91	30.890	128,39	7.891	143
2	Mỡ cá	(12.720)	(31,01)	(6.832)	(28,39)	(2.353)	(43)
3	Các phụ phẩm	-	-	-	-	-	-
4	Cá fillet	17.680	43,10	-	-	-	-
5	Cho thuê đất	-	-	-	-	-	-
6	Khác	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	41.020	100,00	24.059	100,00	5.538	100,00

Nguồn: TRISEDCO



- Tuy doanh thu và sản lượng của từng sản phẩm đều tăng trưởng theo hướng tích cực nhưng Công ty vẫn đang trong giai đoạn thử thách với quy trình sản xuất mới, do đó kết quả hoạt động kinh doanh từ mảng bột cá và mỡ cá trong thời gian qua chưa cao. Cụ thể, năm 2013, lợi nhuận gộp từ mảng bột cá là 36 tỷ đồng đóng góp hơn 87,91% vào lợi nhuận gộp; trong khi mảng mỡ cá lỗ hơn 12,7 tỷ đồng, nguyên nhân số lượng nguyên liệu đầu vào nhiều, khiến sản lượng mỡ cá tăng tuy nhiên đầu ra còn gặp nhiều khó khăn do biến động của thị trường dầu ăn dẫn đến lợi nhuận chưa có sự thay đổi đáng kể.
- Ngoài ra còn có một lý do khác là giá bột cá và giá dầu cá trên thị trường luôn diễn biến trái chiều, giá bột cá tăng thì giá dầu cá giảm và ngược lại (mỡ cá là đầu vào để sản xuất dầu cá). Chính vì vậy Ban lãnh đạo Công ty đã chấp thuận và nhanh chóng triển khai việc chuyển nhượng Dự án Nhà máy chế biến dầu cá nhằm phát huy thế mạnh từ nguồn mỡ cá có sẵn cũng như tạo thêm sản phẩm mới đưa ra thị trường nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty góp phần tăng thêm Doanh thu cũng như lợi nhuận trong tương lai.
- Trong năm 2013 Công ty kinh doanh thêm mảng cá fillet nên đã góp phần làm tăng hơn 17,6 tỷ đồng vào lợi nhuận gộp, chiếm tỷ trọng hơn 43,10%.
- Bắt đầu từ năm 2014, Ban lãnh đạo Công ty quyết định giảm mảng cá fillet tập trung đẩy mạnh mảng kinh doanh chính là sản xuất bột cá và mỡ cá, gia tăng dây chuyền sản xuất mỡ cá để tập trung nguyên liệu cho việc sản xuất dầu cá trong giai đoạn tới. Do vậy HĐQT và Ban lãnh đạo đã nhất trí chuyển giao mảng kinh doanh cá fillet về cho Công ty Mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Đa quốc gia IDI, đây chính là nguyên nhân làm cho lợi nhuận gộp năm 2014 chỉ còn 24 tỷ đồng, giảm hơn 17 tỷ đồng tương đương giảm 41,35% so với năm 2013. Lợi nhuận đến từ bột cá hơn 30 tỷ đồng chiếm tỷ trọng hơn 128,39% trong tổng lợi nhuận gộp và tăng hơn 46,05% so với năm 2013, trong khi đó mảng mỡ cá cũng đã giảm khoản lỗ từ 12,7 tỷ đồng trong năm 2013 xuống còn 6,8 tỷ đồng trong năm 2014 tương đương giảm hơn 46,29% so với năm 2013

6.1.4 Quy trình sản xuất:

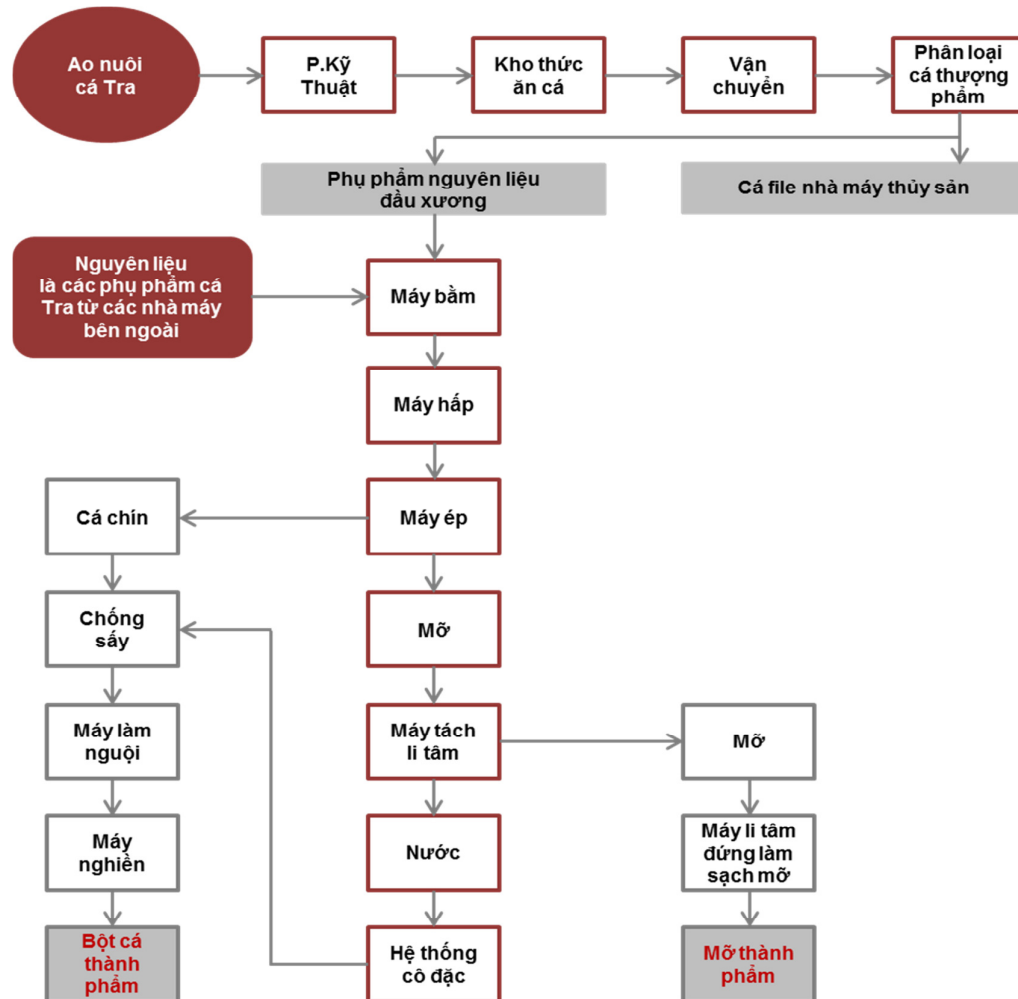
Toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm của Công ty đều được tiến hành kiểm tra một cách cẩn trọng, từ khâu kiểm tra nguyên vật liệu đến khi sản xuất ra sản phẩm đưa vào bảo quản.

Với diện tích quy mô là 5.000 m² Công ty đã đầu tư 02 dây chuyền sản xuất bột cá và mỡ cá được chế biến từ phụ phẩm cá (như đầu, xương, thịt vụn, nội tạng của cá ...)

Nâng công suất chế biến, nguyên liệu đầu vào từ 150 tấn lên 300 tấn nguyên liệu/ngày , nhằm đáp ứng cho nhu cầu thị trường nội địa tại Việt Nam và thị trường xuất khẩu quốc tế.

Máy móc thiết bị cũng được kiểm tra thường xuyên trong suốt quy trình sản xuất, đảm bảo mọi sai sót trong quá trình sản xuất đều được xử lý kịp thời, hạn chế tối đa những hư hỏng có thể xảy ra.

Sơ đồ 4: Quy trình sản xuất bột cá/mỡ cá của TRISED CO



Nguồn: TRISED CO

Mỡ cá thành phẩm là nguyên liệu chính chế biến thành dầu cá thô, làm nguyên liệu sản xuất dầu cá tinh luyện.

Hình 5: Một số hình ảnh dây chuyền sản xuất bột cá/mỡ cá





6.2 Nguyên vật liệu:

6.2.1 Nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu của Công ty sử dụng chủ yếu là nguồn phụ phẩm từ cá Tra và cá Ba sa. Nguồn nguyên liệu được lấy 100% từ các nhà máy và Công ty trong nước.

Bảng 11: Danh sách các nhà cung ứng nguyên vật liệu chính

TT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Mặt hàng	Tỷ trọng %
1	Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa quốc Gia IDI	Quốc lộ 80 Cụm công nghiệp Vàm cống Lấp vò- Đồng Tháp	Phụ phẩm	94%
2	Công ty CP xuất nhập khẩu Cửu Long	Khu công nghiệp Mỹ quý –TP Long Xuyên	Phụ phẩm	6%

Nguồn: TRISEDCO

Việc lựa chọn nhà cung cấp là một trong những tiêu chí góp phần tạo nên sự ổn định về chất lượng cho sản phẩm. Do đó, Công ty luôn chủ động tìm kiếm các nguồn cung ứng nguyên liệu trong thị trường nội địa, và đặc biệt là các khu vực lân cận Nhà máy TRISEDCO với các nhà máy đông lạnh thủy sản khai thác từ nguồn cá Tra/Basa.

Trong bán kính 20 km tính từ khu vực Nhà máy TRISEDCO tại khu vực hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp với hơn 30 nhà máy chế biến thủy sản cá Tra/Basa đông lạnh, Công ty luôn tìm được nguồn cung ứng nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất với số lượng dồi dào và ổn định trong các thời điểm của năm.

Bảng 12: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu mang tính thời điểm

TT	Tên Nhà cung cấp	Mặt hàng
1	Công ty TNHH MTV KD & DT Toàn Cầu	Phụ phẩm các tra/basa
2	Công ty Cổ phần Thủy Sản An Phú	Phụ phẩm các tra/basa
3	Công ty Cổ phần Thủy Sản Bình Minh	Phụ phẩm các tra/basa
4	Công ty TNHH Hùng Cá	Phụ phẩm các tra/basa
5	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Dung	Phụ phẩm các tra/basa

Nguồn: TRISEDCO

6.2.2 Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

Nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất tại Nhà máy TRISEDCO luôn luôn là một yếu tố mang tính cạnh tranh cho các sản phẩm của Nhà máy. Mang tính chủ động hơn với nguồn cung ứng chủ yếu từ nguồn phụ phẩm cá Tra/Basa từ Nhà máy đông lạnh thủy sản IDI là đơn vị trong Tập Đoàn Sao Mai, với vùng nuôi khép kín và luôn đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng. Nguồn cung cấp nguyên liệu phục vụ sản xuất từ Công ty IDI chính là yếu tố tác động mạnh mẽ nhằm tăng thêm tính cạnh tranh cho các mặt hàng, hàng hóa sản xuất của Công ty TRISEDCO với mức giá cung ứng mang tính cạnh tranh.



Sản phẩm mở cá thô được sản xuất từ phụ phẩm cá Tra/cá Basa sẽ được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho sản phẩm dầu cá tinh luyện. Có thể nói đây là một quy trình sản xuất khép kín và sẽ đảm bảo được sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy dầu cá

Với địa thế và vị trí là trung tâm của các nguồn sản xuất và cung ứng các sản phẩm cá Tra/Basa tại khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, và cũng là khu vực có số lượng cung ứng nhiều nhất cả nước. Quan năm, TRISEDCO luôn có được một nguồn cung ứng dồi dào về mặt số lượng, và các nguồn nguyên liệu cung cấp luôn đạt được độ tươi rất cao với khoảng cách vận chuyển không quá 30 phút. Thì đây chính là hai yếu tố tác động rất lớn cho tính cạnh tranh của các sản phẩm của Nhà máy TRISEDCO khi so sánh với các đơn vị, nhà máy trong các khu vực lân cận.

6.2.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Biến động giá cả nguyên vật liệu phụ phẩm từ cá Tra/Basa luôn tác động trực tiếp đến doanh thu của Nhà máy. Nhưng không vì thế mà yếu tố này tác động đến lợi nhuận trực tiếp của Công ty vì:

Thứ nhất là hiện nay bột cá Tra/Basa đang chính là xu thế mới khi đang thay thế dần bột cá biển trên thị trường do chất lượng bột cá không chỉ đảm bảo về độ tươi mà còn đảm bảo về tính đồng đều của sản phẩm với hàm lượng dinh dưỡng tương đồng, nguồn cung bột cá Tra/Basa dễ kiểm. Nên các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản hiện nay đang dần chuyển sang sử dụng bột cá Tra/Basa, do đó giá thành của bột cá Tra/Basa có xu hướng tăng do nhu cầu sử dụng tăng của thị trường.

Thứ hai là đối với thị trường bột cá biển luôn chịu tác động trực tiếp từ nguồn cung nguyên liệu theo các mùa vụ đánh bắt. Nhưng đối với con cá Tra/Basa có một nguồn cung dồi dào và quanh năm. Do đó, tính ổn định cao của giá nguyên liệu và sản lượng cá Tra/Basa tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long đã đáp ứng được sự đòi hỏi của các nhà sản xuất bột cá Tra/Basa trong lộ trình xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển kinh doanh.

Thứ ba là đối với sản phẩm dầu cá, nguyên vật liệu chủ yếu được cung cấp bởi dây chuyền sản xuất bột cá/mỡ cá từ chính Công ty, đây chính là một dây chuyền sản xuất khép kín. Với 02 dây chuyền sản xuất bột cá/mỡ cá hiện có thì dự báo giá cả nguyên vật liệu sẽ không ảnh hưởng nhiều đến doanh thu của Công ty.

Bên cạnh đó qua hơn 4 năm hoạt động, Công ty TRISEDCO đã có được các nhà cung cấp thân tín, và tạo dựng được thương hiệu nhờ các yếu tố làm nền tảng chất lượng, giá thành, và luôn đảm bảo uy tín khi hợp tác. Nhờ đó đã tạo sự tin tưởng ở cả hai phía người bán và người mua. Đối với các khách hàng lâu năm và thân tín, Công ty TRISEDCO chủ động chia sẻ khó khăn đối với các đối tác và ngược lại, do đó đã hình thành nên tính gắn kết vững chắc giữa các bên. Chính vì điều này, TRISEDCO đã tự tạo cho mình sự tin cậy cao từ phía các doanh nghiệp khác trên thị trường và tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững và lâu dài về sau của Công ty TRISEDCO.



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



6.3 Chi phí sản xuất

Bảng 13: Cơ cấu chi phí sản xuất

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013			Năm 2014			6 Tháng / 2015		
		Giá trị	%/TCP	%/TDT	Giá trị	%/TCP	%/TDT	Giá trị	%/TCP	%/TDT
1	Giá vốn hàng bán	428.957	91,48%	89,76%	319.924	93,41%	90,12%	327.857	96,66%	94,78%
2	Chi phí tài chính	16.457	3,51%	3,44%	13.426	3,92%	3,78%	6.412	1,89%	1,85%
3	Chi phí bán hàng	18.846	4,02%	3,94%	4.406	1,29%	1,24%	2.316	0,68%	0,67%
4	Chi phí QLDN	4.425	0,94%	0,93%	4.617	1,35%	1,30%	2.536	0,75%	0,73%
5	Chi phí khác	212	0,05%	0,04%	131	0,04%	0,04%	56	0,02%	0,02%
Tổng chi phí (TCP)		468.898	100,00%	98,11%	342.504	100,00%	96,48%	339.177	100,00%	98,06%
Tổng Doanh thu (TDT) (*)		477.909			354.981			345.899		

(*) Tổng Doanh thu bao gồm Doanh thu thuần, Thu nhập Tài chính và Thu nhập khác

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và năm 2014 và BCTC hợp nhất soát xét 6 Tháng năm 2015 của TRISED CO

- Qua các số liệu ở bảng 13, ta thấy giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cơ cấu chi phí của Công ty, đây cũng là đặc thù của các doanh nghiệp sản xuất và thương mại. Giá vốn hàng bán chiếm từ 89,76% đến 90,12% trong tổng doanh thu của Công ty trong các năm từ 2013 đến 2014.
- Trong năm 2014, chi phí bán hàng giảm mạnh so với năm 2013, cụ thể giảm từ 18.846 triệu đồng xuống còn 4.406 triệu đồng tương đương giảm hơn 76,62% nguyên nhân là do Công ty chỉ tập trung vào hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh thương mại được chuyển sang cho một Công ty khác trong Tập đoàn, chính điều này đã làm chi phí bán hàng giảm từ 3,94% xuống còn 1,24% so với năm 2013. 6 Tháng năm 2015 chi phí bán hàng cũng chỉ chiếm tỷ trọng 0,67% tương đương 2.316 triệu đồng tuy nhiên dự kiến trong 02 quý còn lại, khi Nhà máy dầu cá chính thức đi vào hoạt động thì chi phí bán hàng sẽ tăng lên đáng kể.
- Tỷ lệ chi phí tài chính trên tổng doanh thu chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong tổng doanh thu, cụ thể là 3,44% năm 2013 và 3,78% trong năm 2014, và đạt 1,85% trong 6 Tháng đầu năm 2015 - điều này là do Công ty chủ động được nguồn tiền để hoạt động, do đó giảm được nguồn tiền vay từ các tổ chức tín dụng.



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



- Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác chiếm tỷ trọng khá nhỏ chỉ từ 0,04% - 1,30% trong tổng doanh thu của Công ty.

Bảng 14: Cơ cấu các doanh nghiệp trong cùng ngành

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	VHC	ACL	HVG	TRISEDCO	Trung bình
1.	Vốn chủ sở hữu	1.856.623	280.381	2.361.344	407.736	1.499.449
2.	Tổng doanh thu	6.546.397	857.349	15.205.240	354.983	7.536.329
2.1	Doanh thu thuần từ HĐKD	6.299.678	854.490	14.901.695	343.982	7.351.954
2.2	Doanh thu hoạt động tài chính	241.045	2.852	247.864	11.000	163.920
2.3	Doanh thu khác	5.674	7	55.681	1	20.454
3.	Tổng chi phí	5.982.423	843.259	14.784.763	342.504	7.203.482
3.1	Giá vốn bán hàng	5.509.751	732.310	13.782.266	319.924	6.674.776
3.2	Chi phí quản lý DN	152.608	28.776	174.052	4.617	118.479
3.3	Chi phí bán hàng	245.361	57.506	517.904	4.406	273.590
3.4	Chi phí tài chính	60.528	24.098	298.361	13.426	127.662
3.5	Chi phí khác	14.175	569	12.180	131	8.975
Tổng chi phí/Tổng doanh thu (%)		91,38%	98,36%	97,23%	96,48%	95,66%

Nguồn: SSI tổng hợp

- So với các doanh nghiệp có quy mô tương tự TRISEDCO về vốn, cùng hoạt động trong cùng ngành cá Tra cá Basa, tỷ lệ tổng chi phí trên tổng doanh thu của Công ty là 96,48% cao hơn một ít so với trung bình ngành là 95,66%.
- Trong thời gian tới, bên cạnh kế hoạch gia tăng doanh thu từ mảng sản xuất bột cá, mỡ cá, và đặc biệt là sản phẩm dầu cá tinh luyện, TRISEDCO sẽ xây dựng chính sách kiểm soát chi phí chặt chẽ nhằm nâng cao tính hiệu quả của việc sử dụng chi phí, gia tăng lợi nhuận cho Công ty.

6.4 Trình độ công nghệ

6.4.1 Nhà máy sản xuất bột cá, mỡ cá

Nhà máy sản xuất bột cá của TRISED CO sử dụng công nghệ tiên tiến, phần lớn các thiết bị chính được nhập khẩu từ Thái Lan, Nhật, Ý. Nhà máy đạt tiêu chuẩn HACCP và ISO 22000:2005. Hiện tại, Nhà máy đang chạy hai dây chuyền gồm 1 dây chuyền nhập khẩu của Thái Lan và 1 dây chuyền do Công ty Quang Huy BK lắp ráp với công suất thiết kế của tổng cộng là 150 tấn nguyên liệu/ngày. Công ty TRISED CO sẽ tiếp tục đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất chế biến bột cá, mỡ cá, dự kiến trong năm 2015 sẽ đi vào hoạt động chính thức, góp phần nâng tổng công suất của Nhà máy lên 300 tấn/ngày.

Bảng 15: Một số máy móc thiết bị chính của Công ty

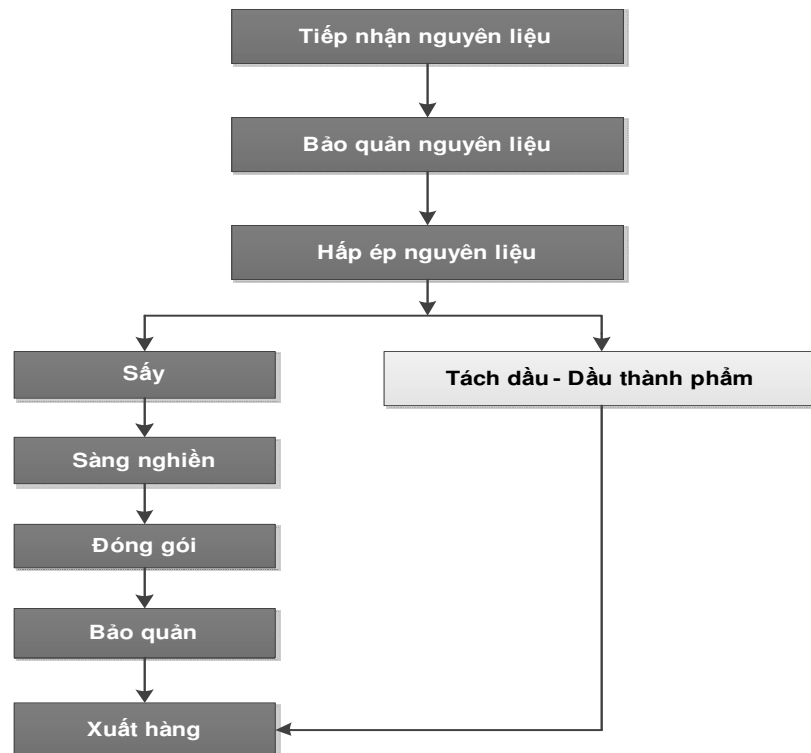
TT	Thiết bị	SL	Công suất / Mô tả	Xuất xứ
1	Dây chuyền ASTW OFP20 Thái Lan	1	120 tấn/ngày	Thái Lan
2	Hệ thống khí nén nitơ	1	100Kwh	Nhật, Ý
3	Máy phát điện 100 KVA và 500 KVA	1	500/550kVA	Đức
4	Máy li tâm ba pha	2	12m ³ /h/máy	Singapore
5	Lò hơi đốt củi trấu (trấu ép)	2	Q=8.000kg/h/1 lò, P=10k/cm ²	Việt Nam
6	Hệ thống lò hơi trấu rời	2	4.000kg/giờ	Việt Nam
7	Bồn dầu	10	100 tấn mỡ/bồn	Việt Nam

Hình 6: Hình ảnh một số máy móc thiết bị chính của Nhà máy bột cá/mỡ cá





Sơ đồ 5: Quy trình công nghệ sản xuất bột cá/mỡ cá



Nguồn: TRISED CO



Mô tả quy trình:

❖ **Tiếp nhận nguyên liệu:**

Nguyên liệu được kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn và kiểm tra các hồ sơ liên quan như giấy cam kết của nhà cung ứng không sử dụng kháng sinh cấm sau đó được vận chuyển về khu tiếp nhận.

Tại khu tiếp nhận, nguyên liệu được xác định tính chất, chất lượng và cân nguyên liệu để làm cơ sở cho việc tính toán tỷ lệ chế biến và làm số liệu thanh toán mua bán sau này.

❖ **Bảo quản nguyên liệu:**

Trường hợp nguyên liệu chưa đưa vào sản xuất ngay phải được bảo quản lạnh. Quá trình bảo quản mục đích để nguyên liệu không bị hư hỏng, không ảnh hưởng tới chất lượng thành phẩm và độ an toàn của sản phẩm.

❖ **Hấp - ép nguyên liệu:**

Nguyên liệu sau khi phối trộn đều nhờ vít tải đưa lên máy chặt. Tại đây nguyên liệu được chặt làm các phần nhỏ và đưa lên bồn chứa trước khi vào máy hấp.

Nguyên liệu được hấp trong hệ thống máy hấp duy trì áp suất từ 4.5÷6kg/cm² trong thời gian từ 20-25 phút. Sau hấp nguyên liệu chín; mỡ cá được tách ra khỏi phần rắn để thuận lợi cho quá trình sản xuất sau thuận lợi. Tại đây các vi sinh vật, nấm mốc bị tiêu diệt.

Sau hấp, phần bã và phần nước dịch được tách ra, phần bã được đưa vào máy ép để tiếp tục lấy hết phần lỏng còn tồn trong bã để phục vụ công đoạn tiếp theo.

❖ **Sấy:**

Bán thành phẩm sau ép tách dầu được vít tải đưa vào máy sấy, tại đây dưới tác dụng của nhiệt 150C÷160 OC các vi sinh vật, nấm mốc được tiêu diệt. Khi đạt độ ẩm 10 - 12% theo yêu cầu, bột ra khỏi máy sấy để tới các công đoạn tiếp theo.

❖ **Sàng – Nghiền:**

Dịch thu được sau khi hấp và ép được bơm vào bồn gia nhiệt, tại đây nước ép được gia nhiệt với nhiệt độ > 95OC bằng hệ thống gia nhiệt trực tiếp và gián tiếp.

Nước dịch được bơm vào máy tách dầu 3 pha (Decanter), mỡ cá thu được sau quá trình này được gia nhiệt nhằm loại nước và tách một số thành phần rắn lơ lửng trước khi bơm vào bồn trung gian.

Mỡ tại bồn trung gian được kiểm tra AV, phân loại trước khi bơm vào bồn chứa thành phẩm.

❖ **Đóng gói:**

Sản phẩm sau khi trộn xong QC kiểm tra qui cách chất lượng như độ đồng đều, màu sắc, độ ẩm, tạp chất trước khi đóng gói.

❖ **Bảo quản:**

Thành phẩm bột đóng gói xong được đưa vào kho sắp xếp theo hướng dẫn.

Thành phẩm mỡ cá sau khi kiểm tra chất lượng được phân vào các bồn chứa. Định kỳ hoặc trước các lần xuất hàng phải tiến hành lấy mẫu kiểm tra theo quy định

❖ **Xuất hàng:**

Toàn bộ quá trình tuân thủ theo Quy trình “Xuất – Nhập - Lưu kho Hàng hóa Vật tư” .



6.4.2 Nhà máy chế biến dầu cá:

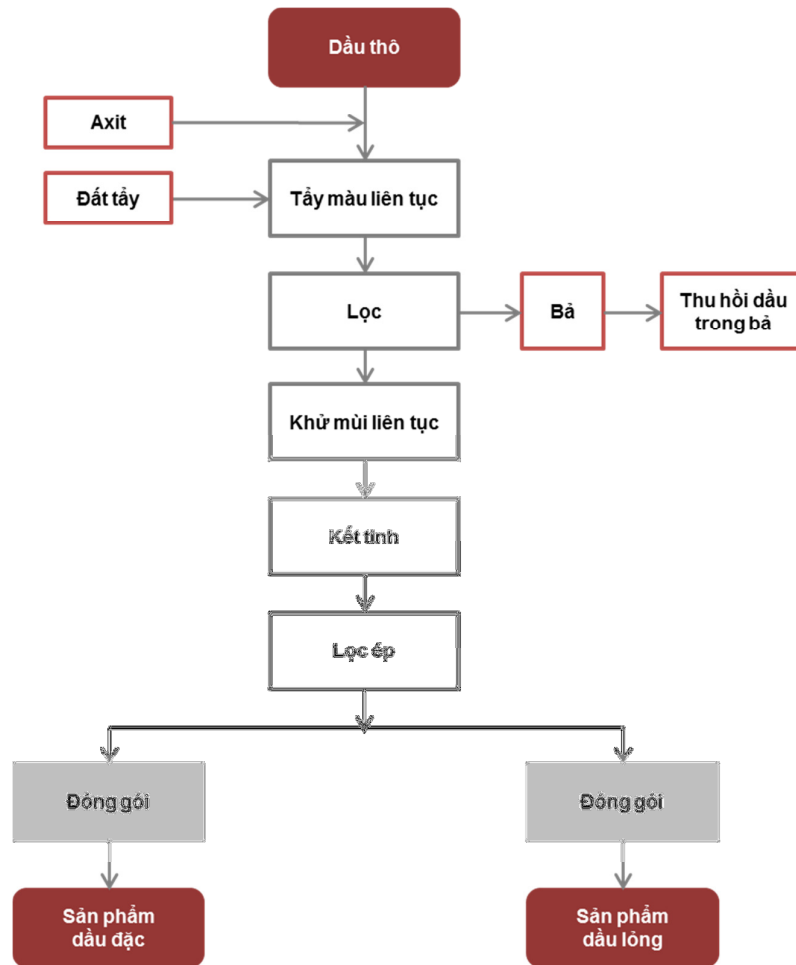
Nhà máy chế biến dầu cá tinh luyện của TRISED CO sử dụng công nghệ của Tập đoàn Desmet – Bỉ. Đây là một trong những công nghệ hiện đại nhất đến thời điểm hiện nay, đáp ứng tối ưu yêu cầu chế biến Mỡ cá Tra - Ba sa thành nhiều loại mặt hàng thực phẩm dinh dưỡng: Dầu ăn; Dầu trộn Rau Cải; Dầu shortening (dùng trong công nghiệp chế biến mì ăn liền); Bơ Magarine; Bột Nhào Puff Pastry (dùng trong công nghiệp thực phẩm cao cấp như làm bánh lớp Crossaint, bánh Pate Chaud...), Dầu Cá viên Omega 3 (thuộc lĩnh vực dược phẩm).

Nhà máy với công suất ban đầu là 100 tấn nguyên liệu/ngày - Đây là nhà máy tinh luyện dầu cá đầu tiên của khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói riêng, cả nước và của cả khu vực Đông Nam Á nói chung. Với chiến lược ban đầu là đưa lượng mỡ cá Tra, vốn được xem là dư thừa, vào phục vụ bếp ăn của mọi nhà, giúp cải thiện một phần sức khỏe người tiêu dùng, sau đó xây dựng một chiến lược phát triển mới, dự kiến sau 04 năm, Công ty sẽ nâng công suất Nhà máy lên 200 tấn nguyên liệu/ngày.

Qua nghiên cứu và khảo sát các thiết bị và công nghệ cho quá trình tinh luyện dầu hiện nay trên thị trường, phương pháp tinh luyện dầu ăn trong công nghiệp có nhiều phương pháp gồm (i) phương pháp vật lý, (ii) hóa học và (iii) hóa lý. Việc lựa chọn phải dựa trên đặc tính của dầu nguyên liệu, hiệu suất thu hồi, giá thành công nghệ và chất lượng sản phẩm phải đảm bảo. Đối với dầu cá tinh luyện từ Mỡ cá Tra – Ba sa thì sử dụng phương pháp vật lý là hiệu quả và vượt trội hơn so với các phương pháp khác. Các ưu điểm đó bao gồm:

- Thực hiện phương pháp tiền xử lý khô kết hợp với tẩy màu, mùi liên tục - tách phân đoạn khô tiết kiệm và hiệu suất thu hồi cao so với các phương pháp khác. Hiệu suất thu hồi dầu sau khi tinh luyện cao trên 97% so với nguyên liệu dầu thô. Duy trì hàm lượng Axit Béo (EPA/DHA) trong dầu ít bị thay đổi nhất, một phần Olein (dầu lỏng) ổn định lạnh rất tốt và năng suất Olein cao;
- Dây chuyền sản xuất khép kín, tự động hóa, tiết kiệm lao động và diện tích mặt bằng nhà xưởng, sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Định lượng đất tẩy nhanh và chính xác, đạt kết quả tẩy màu nhanh và màu dầu như ý muốn;
- Dầu lọc xong không hình thành các chất phân hủy;
- Hệ thống khử mùi hoàn hảo; và
- Hệ thống tách phân đoạn cho ra chất lượng thành phẩm ổn định.

Sơ đồ 6: Quy trình công nghệ tinh luyện dầu cá theo phương pháp vật lý



Nguồn: TRISEDCO

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Hiện tại, TRISEDCO có hai sản phẩm chính là bột cá và mỡ cá. Sản phẩm bột cá là thành phần quan trọng không thể thiếu trong thức ăn gia súc, thủy sản; sản phẩm mỡ cá (hay còn gọi là dầu cá thô) là nguyên liệu đầu vào để sản xuất dầu cá tinh luyện sử dụng trong ngành thực phẩm.

Dự kiến cuối năm nay, Công ty sẽ cho ra 2 sản phẩm là dầu nền và dầu đặc, cụ thể:

❖ Dầu nền (olein):

Là thành phần lỏng thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Dầu nền thu được sau khi tinh luyện có thành phần dinh dưỡng tốt hơn dầu cọ và có đặc tính tương đương dầu nành và dầu hướng dương. Dầu nền loại bỏ hoàn toàn mùi đặc trưng của cá và loại bỏ cholesterol, giữ lại hàm lượng omega 3 nguyên bản trong dầu cá.



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Ngoài công dụng chiên xào nấu nướng dầu nền còn là nguồn bổ sung các chất Omega 3,6,9 và vitamin A giúp sáng mắt và cung cấp các vi chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể.

❖ Dầu đặc (stearin):

Là thành phần đặc thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Dầu đặc thu được sau khi tinh luyện có màu trắng, nhiệt độ tan chảy thấp khoảng 440C, sử dụng để chiên các sản phẩm trong ngành công nghiệp thực phẩm như mì ăn liền, bánh snack, khoai tây chiên đóng gói.

Dầu đặc (stearin) là nguyên liệu chủ yếu để chế biến shortening và margarine.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Với mục tiêu là cung cấp cho thị trường những sản phẩm chất lượng cao và hiệu quả, Công ty luôn luôn duy trì chế độ kiểm soát chất lượng trong một chu trình khép kín từ khâu nghiên cứu sản phẩm cho đến khi sản phẩm đến tay người sử dụng.

Công ty có riêng một bộ phận kiểm tra chất lượng với trách nhiệm đảm trách việc theo dõi hoạt động sản xuất có liên quan đến chất lượng. Giám sát quy trình công nghệ, cập nhật và lưu trữ tài liệu sản xuất bằng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP, ISO trong tất cả các công đoạn sản xuất (từ lúc tiếp nhận nguyên liệu đến khi thành phẩm, sau đó vận chuyển cho khách hàng) đều có nhân viên kỹ thuật phụ trách về đảm bảo chất lượng giám sát, thực hiện các phương pháp sửa chữa khi có sự sai lệch về công đoạn hay quy trình và thẩm tra tất cả các hồ sơ quản lý chất lượng, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng cho Ban Tổng Giám đốc theo định kỳ.

Các hệ thống quản lý chất lượng Công ty đang áp dụng:

❖ Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2005

- Công ty đã được tổ chức Intertek cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm - Yêu cầu đối với các tổ chức trong chuỗi thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 số 223372 ngày 25/1/2012. Đây là tiêu chuẩn tập trung vào việc quản lý an toàn thực phẩm.
- Được cấp giấy Chứng nhận này có nghĩa là Công ty đã xây dựng và đáp ứng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005, Công ty có hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, có thể tạo ra môi trường làm việc giảm thiểu rủi ro liên quan an toàn thực phẩm, sản phẩm được tạo ra an toàn, nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng và yêu cầu luật pháp.





BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



❖ Chứng nhận tiêu chuẩn HACCP

- TRISEDCO được tổ chức Intertek cấp Giấy chứng nhận số FS-VNM-11-08/HACCP ngày 12/12/2013. Công ty được Intertek đánh giá và chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn HACCP cho hoạt động sản xuất bột cá và dầu cá thô (mỡ cá).
- HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Points) là hệ thống quản lý mang tính phòng ngừa nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm thông qua nhận biết mối nguy, thực hiện các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát tại các điểm tới hạn.
- Các nguyên lý của HACCP được thống nhất trên toàn thế giới và có thể áp dụng trong tất cả các ngành sản xuất thực phẩm và đồ uống, trong việc phân phối và bán sản phẩm.



- Trước những yêu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng về trách nhiệm của các nhà sản xuất, chế biến thực phẩm, các quốc gia trên toàn thế giới mà đặc biệt là Liên minh Châu Âu (EU), Mỹ, Nhật ... đều chính thức ban hành các quy định bắt buộc chỉ cho phép đưa ra thị trường những sản phẩm thực phẩm phải có chứng nhận HACCP.

❖ Ngoài ra, Công ty còn đạt được những chứng nhận chất lượng về đảm bảo an toàn và vệ sinh thực phẩm, cụ thể: **Chứng nhận lưu hành tự do Bột cá - Mỡ cá**

- Giấy chứng nhận lưu hành tự do số 09/CN-SNN được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/2/2012 (có giá trị 2 năm kể từ ngày cấp)
- Giấy chứng nhận lưu hành tự do số 07 được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 26/2/2014 (có giá trị 2 năm kể từ ngày cấp)





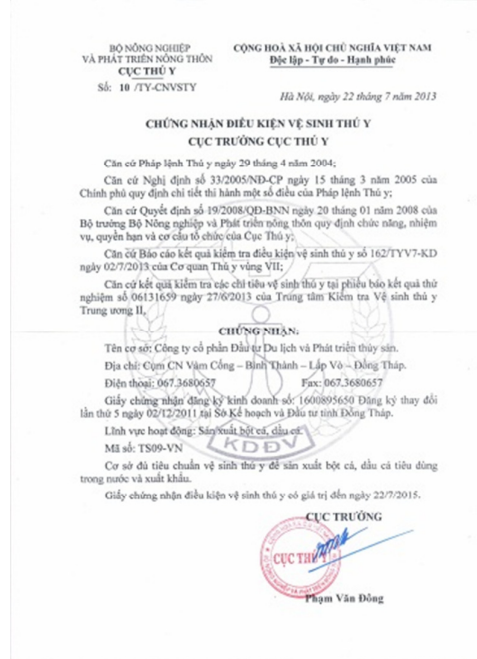
BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



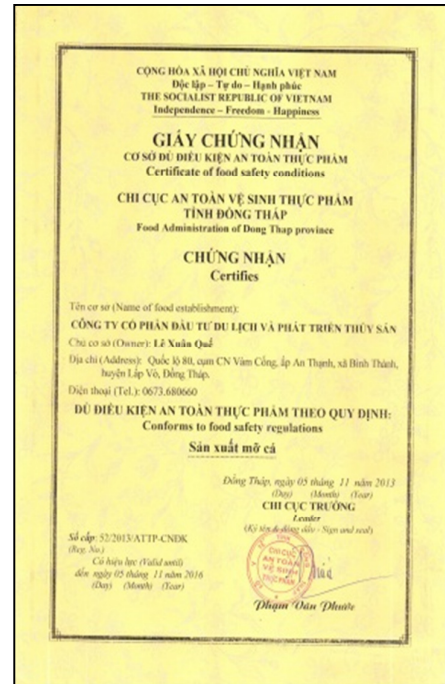
❖ Chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y Bột cá - Mỡ cá

- Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y để sản xuất bột cá, dầu cá tiêu dùng trong nước và xuất khẩu số 10/TY-CNVSTY do Cục Thú y cấp ngày 22/7/2013.



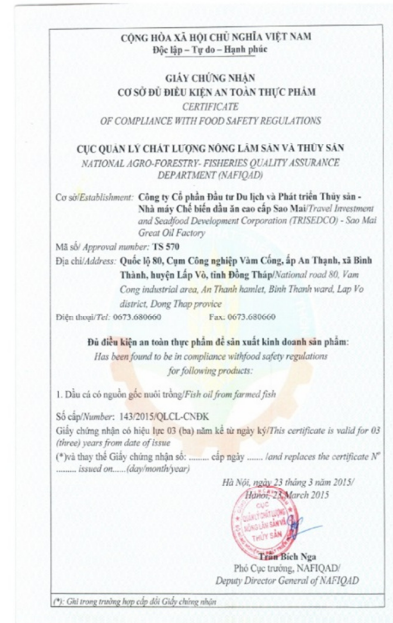
❖ Chứng nhận Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản là Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm do Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Đồng Tháp cấp số 52/2013/ATTP-CNDK ngày 05/11/2013 có hiệu lực đến 05/11/2016



❖ **Chứng nhận Nhà máy Chế biến Dầu ăn cao cấp là Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

- Giấy chứng nhận cho Nhà máy Chế biến Dầu ăn cao cấp là cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm Dầu cá có nguồn gốc nuôi trồng, số TS 570 do Cục quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản cấp ngày 23/03/2015 có hiệu lực đến 23/03/2018



❖ **Chứng nhận HALAL cho các sản phẩm được sản xuất từ Nhà máy dầu cá tinh luyện**

- Công ty được cấp giấy chứng nhận Halal cho các sản phẩm được sản xuất từ Nhà máy dầu cá tinh luyện bao gồm: Olein, Stearin, Dầu ăn tinh luyện các loại.
- Thực phẩm và các sản phẩm được xác nhận Halal có ý nghĩa đặc biệt cho kinh doanh tại thị trường các nước Hồi giáo hoặc các nước có nhiều người theo đạo Hồi.
- Chứng nhận Halal không bắt buộc để xuất khẩu hàng hóa vào thị trường các nước Hồi giáo, nhưng nó là lợi thế cạnh tranh so với các hàng hoá khác.
- Quy trình chứng nhận Halal là quá trình độc lập, khách quan và thực hiện qua nhiều giai đoạn đảm bảo phù hợp với chuẩn mực quốc tế theo ISO/IEC Guide 65 và ISO/TS 220003.



❖ **Chứng nhận FSSC 22000 cho quá trình sản xuất Dầu Ăn Tinh Luyện từ mỡ cá Tra cá Basa**

– Ngày 08/07/2014, Intertek Vietnam đã đánh giá và cấp chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tại Nhà máy sản xuất Dầu cá tinh luyện của Công ty. Giấy chứng nhận có hiệu lực đến 07/07/2017.

– FSSC 22000 là chương trình chứng nhận cho hệ thống an toàn thực phẩm được xây dựng hoàn chỉnh bởi tổ chức phi lợi nhuận hoạt động độc lập dựa trên nền các tiêu chuẩn chứng nhận hiện có như ISO 22000 và ISO/TS 22002-1/PAS 220. Chương trình này có sự đóng góp của rất nhiều chuyên gia trong lĩnh vực an toàn thực phẩm từ tất cả các khâu trong chuỗi cung ứng thực phẩm.

– FSSC 22000 là giấy thông hành để tham gia vào chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn toàn cầu.

– Thời gian gần đây, FSSC 22000 có thể được xem như chương trình chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm đẳng cấp quốc tế và được tất cả các tổ chức quốc tế công nhận. FSSC 22000 được hỗ trợ bởi Hiệp hội thực phẩm và thức uống của Anh (CIAA) và được thừa nhận bởi tổ chức an toàn thực phẩm chủ động toàn cầu GFSI (Global food safety initiative).

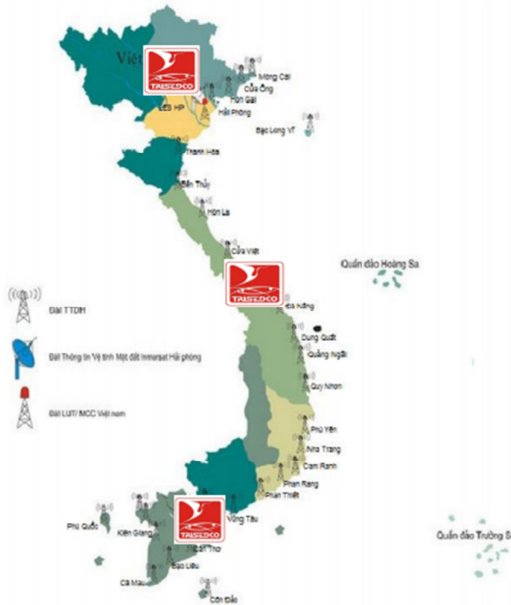
– FSSC 22000 hiện tại có rất nhiều tên tuổi lớn như Coca- Cola, Nestle, Kraft Food, Tetra Pak, Unilever,...tham gia.

❖ Ngoài ra, Công ty được cấp **Giấy chứng nhận lưu hành tự do** do Cục An toàn Thực phẩm Việt Nam xác nhận các sản phẩm: **Dầu đặc Stearin, Dầu lỏng Olein, Dầu ăn – Dầu cá cao cấp Ranee bổ sung vitamin A** đã được Cục An toàn thực phẩm Xác nhận công bố phù hợp với quy định an toàn thực phẩm và tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn thực phẩm, an toàn cho người sử dụng và được phép lưu hành tại Việt Nam.





6.7 Hoạt động Marketing



Tiếp thị: tổng hợp 360* (Giá, sản phẩm, truyền thông)

- a. Chiến lược giá
- b. Chiến lược sản phẩm
- c. Chiến lược truyền thông
 - PR bài viết về TRISEDCO;
 - Làm chiến dịch gửi thư ngỏ + Catalogue cho các khách hàng;
 - Tham dự các chuyên đề, hội thảo chăn nuôi gia cầm, thủy sản;
 - Tham gia hội chợ triển lãm;
 - Quay phóng sự tài liệu, con đường của TRISEDCO (giải pháp cho người bạn chăn nuôi).

Tiếp thị:

- Nhân viên đi thị trường, khai thác khách hàng;
- Quảng cáo về sản phẩm TRISEDCO 01 tháng / 01 lần (báo);
- Thông tin truyền thông / TV / Chạy chữ / ĐTHAG/ ĐTHĐT, Website;
- Mở rộng thị trường kinh doanh: gồm TP.HCM - các Thành phố khác, các tỉnh (phía Nam, phía Bắc, Trung Bộ).

6.8 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Nhận hiệu thương mại : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
- Tên tiếng Anh : TRAVEL INVESTMENT AND SEAFOOD DEVELOPMENT CORPORATION
- Tên viết tắt : TRI.SED.CO
- Ngày thành lập : 15/03/2008
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000095 do Sở KH&ĐT tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 15/03/2008 và số 1600895650 đăng ký



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



thay đổi lần thứ 16 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/07/2015

- Logo Công ty

:



- Ý nghĩa Thương hiệu

: Toàn bộ Logo lấy tông màu đỏ làm chủ đạo. Màu đỏ tượng trưng cho sự năng động và phát triển, Đông phương quan niệm màu đỏ là màu may mắn...

Hình tượng con cò vỗ cánh tượng trưng cho ngành Du lịch (là một trong những chuyên ngành của Công ty)

Hình con cá tung tăng trong nước tượng trưng cho ngành thủy sản (cũng là chức năng đầu tư và phát triển chính của Công ty).

- Thời gian bảo hộ : Đến năm 2021 và được tiếp tục gia hạn
- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 176568 được Cục sở hữu trí tuệ cấp theo Quyết định số 49601/QĐ-SHTT ngày 30/11/2011.

6.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:

Bảng 16: Một số hợp đồng lớn đã ký kết trong năm 2015

TT	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Số Hợp đồng	Tình trạng	Sản phẩm	Giá trị Hợp đồng (VNĐ)
1.	Công ty CP ĐT&PT Đa Quốc Gia IDI	01/01/2015	01/2015/H ĐMB_PP	Đang thực hiện	Phụ phẩm	Hợp đồng nguyên tắc cho cả năm 2015
2.	Công ty TNHH Dinh dưỡng Á Châu	02/01/2015	02.01 HĐMB TRI-AC	Đang thực hiện	Bột cá	2.965.500.000
3.	Công ty Cổ phần Ewos Việt Nam	09/01/2015	14/EWOS VN/0115	Đang thực hiện	Bột cá	3.022.000.000
4.	Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Cá	23/01/2015	14/2015 - HĐMB	Đang thực hiện	Bột cá	2.700.000.000



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



TT	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Số Hợp đồng	Tình trạng	Sản phẩm	Giá trị Hợp đồng (VNĐ)
5.	Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng An Phú Gia	12/01/2015	06/2015 - HDMB	Đang thực hiện	Mỡ cá	1.207.500.000
6.	Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á	13/01/2015	0115AFO - TRI	Đang thực hiện	Mỡ cá	1.197.000.000
7.	Cơ sở TRẬT	01/01/2015	01 BAO TỬ/2015 - HDMB	Đang thực hiện	Bao tử	Hợp đồng nguyên tắc cho cả năm 2015
8.	Lý Quốc Lâm	01/01/2015	01 ĐẦU CÁ/2015 - HDMB	Đang thực hiện	Đầu cá	Hợp đồng nguyên tắc cho cả năm 2015
9.	Cơ sở Việt Thu	01/01/2015	02 ức cá/2015 - HDMB	Đang thực hiện	Ức cá	Hợp đồng nguyên tắc cho cả năm 2015
10.	Cơ sở Huệ	01/01/2015	01 bong bóng/2015 - HDMB	Đang thực hiện	Bong bóng	Hợp đồng nguyên tắc cho cả năm 2015
11.	Lê Thị Thanh Loan	01/01/2015	01 vây cá/2015 - HDMB	Đang thực hiện	Vây cá	Hợp đồng nguyên tắc cho cả năm 2015
12.	Công ty TNHH SX TM Nguyệt Trang	28/01/2015	16/2015 - HDMB	Đang thực hiện	Bột cá	5.792.000.000
13.	Công ty CP Thủy sản Hải Hương	02/02/2015	18/2015 - HDMB	Đang thực hiện	Bột cá	1.306.250.000
14.	Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mê Kông	19/01/2015	13/2015 - HDMB	Đang thực hiện	Bột cá	1.172.850.000
15.	Công ty CP Nông sản Long Hải	04/02/2015	19/2015 - HDMB	Đang thực hiện	Bột cá	1.220.000.000
16.	Lê Xuân Thúc	01/01/2015	01 củi trấu/2015	Đang thực hiện	Củi trấu	Hợp đồng nguyên tắc cho cả năm 2015
17.	Công ty CP ĐT Phát triển XD An Phú Gia	12/02/2015	20/2015 - HDMB	Đang thực hiện	Bột cá	1.250.000.000
18.	Công ty CP Ewos Việt Nam	27/01/2015	52/EWOS VN/0115	Đang thực hiện	Bột cá	6.176.000.000
19.	Công ty TNHH MTV Minh Hải	01/01/2015	02 củi trấu/2015	Đang thực hiện	Củi trấu	Hợp đồng nguyên tắc cho cả năm 2015
20.	Nguyễn Kim Phụng	02/03/2015	04 củi trấu/2015	Đang thực hiện	Củi trấu	Hợp đồng nguyên tắc cho cả năm 2015



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



TT	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Số Hợp đồng	Tình trạng	Sản phẩm	Giá trị Hợp đồng (VNĐ)
21.	Công ty CP ĐT&PT Đa Quốc Gia IDI	10/01/2015	06A/2015-HĐMB	Đang thực hiện	Mỡ cá	70.453.662.930
22.	Công ty TNHH TM&SX Ngọc Dung	14/01/2015	0314ND-TRI	Đang thực hiện	Mỡ cá	6.037.500.000
23.	Công ty TNHH SX TM Nguyệt Trang	24/03/2015	28/2015-HĐMB	Đang thực hiện	Bột cá	2.696.000.000
24.	KAI Enterprises Inc	17/03/2015	TFR43-V120	Đang thực hiện	Bột cá	400 tấn x 1.360 USD/tấn
25.	Công ty TNHH MTV Trung Tiên	30/03/2015	06 củi trấu/2015	Đang thực hiện	Củi trấu	Hợp đồng nguyên tắc cho cả năm 2015
26.	Công ty CP Thủy sản Hải Hương	02/02/2015	18/2015 - HĐMB	Đang thực hiện	Bột cá	1.306.250.000

Nguồn: TRISED CO

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm	6 Tháng /2015
1	Tổng giá trị tài sản	302.039	346.867	14,84%	769.319
2	Vốn chủ sở hữu	165.360	176.046	6,46%	443.396
3	Doanh thu thuần	470.061	343.982	-26,82%	341.492
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.224	12.609	36,70%	5.601
5	Lợi nhuận khác	(212)	(131)	-38,31%	1.121
6	Lợi nhuận trước thuế	9.012	12.478	38,47%	6.723
7	Lợi nhuận sau thuế	9.012	11.137	23,58%	6.171
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân (*)	5,60%	6,52%	16,45%	1,99%

(*) Cách tính: Lợi nhuận sau thuế / ((vốn chủ sở hữu đầu kỳ + vốn chủ sở hữu cuối kỳ) / 2)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2015 của TRISED CO

- **Kết quả hoạt động kinh doanh:**

Tổng giá trị tài sản của Công ty trong năm 2014 tăng hơn 14,84% so với năm 2013 do tài sản ngắn hạn tăng, trong đó tăng mạnh nhất là các khoản phải thu ngắn hạn, cụ thể khoản phải



thu ngắn hạn tăng từ 63 tỷ đồng trong năm 2013 lên 143 tỷ đồng trong năm 2014 tương đương tăng hơn 126,98% do Công ty thay đổi chính sách bán hàng. Vốn chủ sở hữu tăng hơn 6,46% cụ thể tăng từ 165 tỷ đồng (năm 2013) lên 176 tỷ đồng (năm 2014).

Tuy nhiên, trong năm 2014 Công ty chỉ tập trung vào 02 mảng hoạt động chính là chế biến bột cá và mỡ cá, bỏ mảng kinh doanh cá fillet, kết quả, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm từ 470 tỷ đồng trong năm 2013 xuống còn 343 tỷ đồng trong năm 2014, tương ứng giảm hơn 26,82%. Tuy nhiên, do chi phí bán hàng giảm khá mạnh từ 18,8 tỷ đồng trong năm 2013 xuống còn 4,4 tỷ đồng trong năm 2014 đã khiến cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng lên đáng kể, cụ thể lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng lần lượt là 160,81% và 23,59%. Điều này chứng tỏ hoạt động kinh doanh năm 2014 của Công ty đã đi đúng hướng, Ban lãnh đạo đã có các chính sách tốt cũng như sự quản lý đúng đắn về chính sách kinh doanh, chính sách bán hàng...

Trong các năm trước, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức do Ban lãnh đạo và HĐQT muốn đẩy mạnh nguồn tiền vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trong các năm tới, dự kiến với kết quả kinh doanh khả quan, Công ty sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ từ 5-15%.

- **Các chỉ số khác:** Không có
- **Ý kiến kiểm toán, hướng xử lý, khắc phục đến thời điểm đăng ký niêm yết:** Không có

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

7.2.1 Thuận lợi

- Xu hướng mới của thị trường khi chuyển qua sử dụng bột cá Tra/Basa của các đơn vị sản xuất thức ăn gia súc với chất lượng ngày càng cải tiến, sản lượng luôn đảm bảo và độ tin cậy cao từ các sản phẩm của Nhà máy TRISEDCO.
- Vị trí địa lý tại khu vực lân cận Công ty TRISEDCO có sự xuất hiện của rất nhiều nhà máy chế biến thủy sản cá Tra/Basa, và đây cũng chính là trung tâm của cả nước cho ngành nghề sản xuất và chế biến cá Basa. Nên đây chính là điều kiện tiên quyết trong việc đảm bảo nguồn cung nguyên liệu có giá trị cao cho Công ty.
- Công ty qua một quãng thời gian đi vào hoạt động, đã tự đào tạo cho mình những cán bộ kỹ thuật công nhân lành nghề, giàu kinh nghiệm. Kết hợp với đó là việc đưa vào sử dụng máy móc, linh kiện, thiết bị tiên tiến và hiện đại của thế giới đã giúp Công ty TRISEDCO khẳng định mình là đơn vị sản xuất các sản phẩm có chất lượng cung ứng cho nhu cầu ngày càng cao của các đơn vị sản xuất khác trong và ngoài nước.
- Sự đóng góp tích cực, chỉ đạo kịp thời và sự đồng lòng của Hội Đồng Quản Trị, và các cá nhân cũng như bộ phận lãnh đạo nhà máy và Công ty luôn đảm bảo cho việc điều hành hiệu quả.



- Công ty có đội ngũ công nhân viên lành nghề, nhiều kinh nghiệm. Cùng với việc áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào sản xuất đã giúp Công ty ngày càng có vị thế trong mắt khách hàng;

7.2.2 Khó khăn

- Bên cạnh những thuận lợi trên, kinh tế thế giới và Việt Nam trải qua nhiều biến động, nhu cầu tiêu dùng ở các khu vực vẫn chưa phục hồi.
- Hệ thống giao thông vận chuyển tại địa bàn tỉnh An Giang và các khu vực lân cận không đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa tải trọng cao (đặc biệt là cầu tải trọng thấp và mất nhiều thời gian hơn khi sử dụng vận tải phà, bắc) và thông suốt.
- Công suất vận hành của hệ thống máy móc chế biến bột và mỡ cá đã gần như đạt ngưỡng của công suất vận hành.
- Chi phí cho dịch vụ giao thông vận tải bằng đường bộ trong nước còn cao, nên đã phần nào đã làm tăng giá trị hàng hóa bán ra và làm mất đi phần nào tính cạnh tranh của các sản phẩm.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Tổng quan ngành

8.1.1 Ngành chế biến bột cá

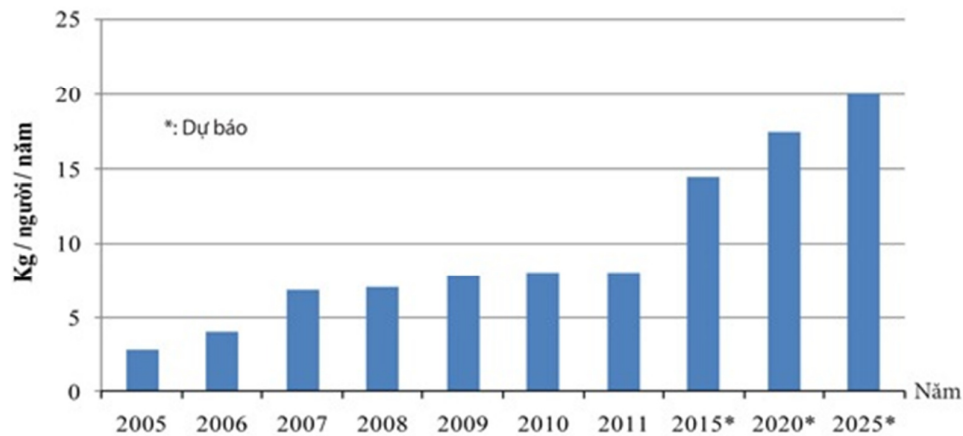
- Là một quốc gia chuyên về nông nghiệp, mạnh về thủy hải sản. Việt Nam là quốc gia hàng đầu xuất khẩu thủy hải sản với tổng giá trị xuất khẩu đạt hơn 3 tỷ USD một năm, trong đó xuất khẩu cá Tra/cá Basa chiếm một tỷ trọng khá lớn. Nguồn phụ phẩm của cá Tra cá Basa từ các công ty chế biến thủy sản đang bị thất thoát nghiêm trọng, không được tận dụng để sản xuất thức ăn chăn nuôi. Chính điều này không những gây nên sự lãng phí cũng như ô nhiễm môi trường một cách nghiêm trọng. Và cũng từ đây, các doanh nghiệp trong ngành chế biến thủy sản bắt đầu tập trung vào phát triển, đầu tư các nhà máy sản xuất bột cá, mỡ cá từ nguồn phụ phẩm này.
- Bột cá được chế biến từ các phụ phẩm khác từ quá trình chế biến cá. Hiện tại ở Việt Nam bột cá được sản xuất từ 2 nguồn nguyên liệu chính là nguyên liệu cá biển (cá nước mặn) và nguyên liệu cá Tra (cá nước ngọt) dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy hải sản.
- Trong thức ăn chăn nuôi thì bột cá được xem như là một trong những thành phần rất có giá trị. Nó có vị ngon và chất lượng rất tốt, cung cấp đủ prôtêin với các axit béo thiết yếu giúp vật nuôi phát triển tốt. Tại Việt Nam, chỉ có khoảng hơn 40 công ty có các nhà máy chế biến bột cá rải rác từ Bắc đến Nam và rất nhiều doanh nghiệp dự kiến sẽ đầu tư nhà máy sản xuất bột cá/mỡ cá để tận dụng được nguồn phụ phẩm từ cá. Do đó đây thực sự là một ngành rất tiềm năng và sẽ còn phát triển hơn nữa trong các năm tới.

8.1.2 Ngành dầu ăn

Khảo sát về thói quen sử dụng dầu ăn trong nấu nướng, thực hiện cuối tháng 7/2014 của Công ty Nghiên cứu thị trường Epinion trên tổng số mẫu 1.311 người (tại TP. HCM là 535 người, Hà Nội 240 người, các tỉnh thành khác 536 người) có kết quả rất thú vị. Có tới 95% trong tổng số những người trả lời có nấu ăn trong 3 tháng qua cho biết, họ có dùng dầu ăn trong quá trình nấu nướng hoặc chế biến thức ăn. Điều này khẳng định dầu ăn là một nguyên liệu không thể thiếu trong bếp ăn gia đình.

Dầu ăn là ngành hàng thuộc lĩnh vực thực phẩm tiêu dùng, vốn đang có tốc độ tăng trưởng cao ở Việt Nam. Quy mô thị trường của ngành dầu ăn Việt Nam là hơn 30.000 tỷ đồng/năm, tốc độ tăng trưởng khoảng 7,4%/năm. Trong khi đó, nhu cầu tiêu dùng sản phẩm này của người Việt Nam được dự báo còn tăng cao hơn. Mức tăng trưởng chi tiêu trong giai đoạn 2011-2020 của người dân có thể đạt 8%, cao nhất khu vực châu Á. Rõ ràng, tiềm năng thị trường còn khá cao là yếu tố thu hút nhiều doanh nghiệp nhảy vào lĩnh vực kinh doanh này.

Hình 7: Thị trường dầu ăn Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015



8.2 Vị thế của Công ty trong ngành

8.2.1 Ngành chế biến bột cá

Trong ngành nghề chế biến bột cá Tra/Basa làm nguyên liệu thức ăn gia súc hiện nay với khá nhiều nhà máy và cơ sở mọc lên trong khu vực An Giang, Đồng Tháp và Cần Thơ. Với hơn 15 nhà máy cung ứng sản phẩm bột cá Tra/Basa trong khu vực với khoản 05 đơn vị sản xuất bột cá có chất lượng cao như:

- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thuận An;
- Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Ngọc Dung;



- o Công ty Cổ phần XNK Thủy Sản Cửu Long;
- o Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn;
- o Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nguyệt Trang;

Đây chính là các đối thủ cạnh tranh trực tiếp trong ngành sản xuất và thương mại sản phẩm bột cá Tra/Basa trong nước và xuất khẩu. Đối với các đơn vị này vừa là đối thủ cạnh tranh trực tiếp, và cũng là các đối tác trong vấn đề cung ứng sản phẩm. Đối với thị trường trong nước, sự xuất hiện của nhiều đơn vị thương mại, môi giới trong lãnh vực này sẽ không vì thế mà ảnh hưởng đến tính cạnh tranh hàng hóa của Công ty TRISEDCO. Vì TRISEDCO đã có chỗ đứng trên thị trường trong nhiều năm nay, thêm vào đó là chất lượng sản phẩm luôn thỏa mãn mong muốn khách hàng và giá cả mang tính cạnh tranh cao do có nguồn cung cấp nguyên liệu khép kín từ công ty thành viên Tập Đoàn Sao Mai là Công ty IDI. Việc cắt giảm được chi phí vận chuyển, giá thành thấp cho nguyên liệu đầu vào và chất lượng hàng hóa được kiểm tra một cách nghiêm ngặt từ bên phía Công ty IDI, luôn đảm bảo cho hàng hóa của Công ty TRISEDCO luôn là sự lựa chọn hàng đầu của khách hàng.

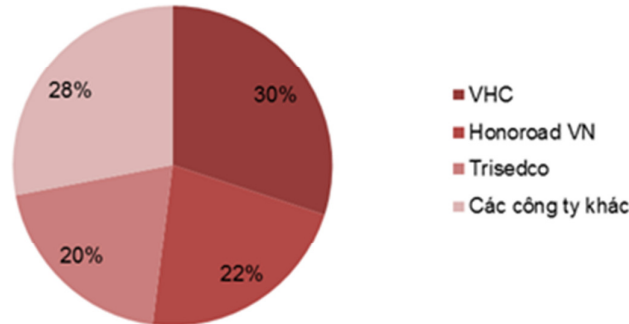
Hiện tại, Công ty đang nắm giữ thị phần lớn nhất trong ngành chế biến bột cá là Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn với thị phần khoảng 30%, tiếp đến là Công ty TNHH Chế biến phụ phẩm thủy sản Honoroad Việt Nam – Cần Thơ với thị phần 22%.

TRISEDCO xếp thứ 3 trong top 5 công ty lớn nhất của ngành sản xuất bột cá. Với năng lực sản xuất là 6.000 tấn sản phẩm/năm, quy mô này so với các doanh nghiệp cùng ngành là tương đối lớn. Năng lực sản xuất của Công ty được phân bố toàn bộ ở khu vực miền Tây và miền Nam đặc biệt là các tỉnh An Giang, Đồng Tháp

Quý 2 năm 2015, Công ty TRISEDCO đã hoàn thành việc nhập thêm một dây chuyền sản xuất bột cá với công suất 150 tấn cá/ngày đêm, sẽ giúp tăng năng suất tiêu thụ nguyên liệu và gia tăng thêm sản phẩm làm ra của Nhà máy lên thêm 1,5 lần so với năm 2014. Điều này sẽ đáp ứng được nhu cầu của Công ty cung ứng sản phẩm cho thị trường đang dần trở nên khan hiếm bột cá Tra/Basa do các nhà sản xuất thức ăn gia súc đang dần quay đầu chuyển sang sử dụng bột cá Tra/Basa trong khoản những tháng trở lại đây.

Chiến lược kinh doanh trong 5 năm tới Công ty sẽ vẫn tập trung vào mảng bột cá, tìm kiếm thêm khách hàng tiềm năng cũng như mở rộng thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó, sản phẩm dầu cá sẽ là ưu tiên hàng đầu của Công ty để góp phần cung cấp thêm một sản phẩm mới cho thị trường dầu ăn trong và ngoài nước.

Hình 8: Thị phần của TRISEDCO và các Công ty lớn trong ngành sản xuất bột cá



Nguồn: Số liệu thống kê của TRISEDCO

8.2.2 Ngành dầu ăn

Việt Nam có khoảng 35 doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm dầu thực vật trên thị trường nội địa, phần lớn là các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex), các thương hiệu được biết đến nhiều là Tường An, Neptune, Mezan và Simply. Sản lượng dầu thực vật tinh luyện tăng đều mỗi năm. Theo Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành dầu thực vật Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 của Bộ Công Thương, giai đoạn 2011-2015, Việt Nam sản xuất 1.138 ngàn tấn dầu tinh luyện, 268 ngàn tấn dầu thô và xuất khẩu 50 ngàn tấn dầu các loại.

Riêng doanh nghiệp sản xuất dầu ăn từ phụ phẩm cá Tra/cá Basa hiện chỉ mới có Công ty TNHH Dầu ăn Honoroad Việt Nam- đây cũng chính là đối thủ cạnh tranh của Công ty trong thời gian tới. Tuy nhiên với máy móc công nghệ hiện đại cũng như nguồn cung cấp nguyên liệu từ các Công ty trong tập đoàn với giá thành thấp, dự kiến trong tương lai không xa đây sẽ là một ngành mũi nhọn của Công ty, mang lại lợi nhuận cũng như doanh thu khả quan cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty, và giúp Công ty sớm có vị thế ổn định trong thị trường sản xuất dầu cá nói riêng và ngành dầu ăn nói chung.

8.3 Triển vọng phát triển của ngành

8.3.1 Ngành chế biến bột cá

Trong triển vọng phát triển của ngành chế biến bột cá, sản phẩm bột cá Tra/Basa sẽ chính là xu thế lựa chọn mới và tiềm năng cho các nhà sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản. Đây chính là một cơ hội mới cho các đơn vị cung ứng nguyên liệu bột cá Tra/Basa trong nước. Không những vậy, việc suy giảm nguồn cung từ việc đánh bắt cá biển từ Peru (với hơn 80% thị phần xuất khẩu bột cá biển trên thế giới) cũng làm giảm đi rất nhiều khả năng cung ứng của dòng sản phẩm này trên thị trường, và cũng là tiền đề cho sản phẩm bột cá Tra/Basa đi lên và từng bước lấn dần sang thị phần bột cá lớn nhất thế giới là Trung Quốc với hơn 70% định mức tiêu thụ thức ăn gia súc của thế giới.

8.3.2 Ngành dầu ăn



Ngành dầu ăn được đánh giá là ngành triển vọng do nhu cầu tăng. Theo ước tính từ Euromonitor, ngành dầu ăn tăng khoảng 7% về sản lượng và khoảng 12% về giá trị trong năm 2013. Viện Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Công nghiệp dự báo, tiêu thụ dầu ăn trên đầu người tại Việt Nam sẽ tăng gấp đôi vào năm 2015 và gần gấp ba vào năm 2020.

Hiện nay, tại thị trường Việt Nam sản lượng tiêu thụ dầu ăn có nguồn gốc từ thực vật là chủ yếu, riêng đối với mảng dầu cá từ lâu đã được coi là một sản phẩm tốt cho mắt và tim mạch vẫn còn hạn chế do giá thành cao. Dầu cá phổ biến là dầu cá biển được trích từ mỡ cá hồi, cá ngừ, cá trích là các loại cá sống ở vùng biển lạnh và sâu. Tuy nhiên, nguồn cung nguyên liệu đầu vào để sản xuất dầu cá biển hiện nay đang gặp khó khăn do sự biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, đánh bắt quy mô thương mại dẫn đến mất cân bằng, làm nguồn nguyên liệu chế biến dầu cá biển dần bị hạn chế, đẩy giá thành sản phẩm dầu cá biển ngày một cao, cần thiết phải có một nguồn nguyên liệu khác thay thế.

Được xem là mặt hàng thủy sản xuất khẩu đứng thứ 2 của Việt Nam, với sản lượng cá Tra nuôi mỗi năm hơn 1 triệu tấn, sản lượng mỡ cá Tra thô thu được hàng năm hơn 140.000 tấn. Dầu ăn tinh luyện từ mỡ cá Tra, cá Basa không chứa cholesterol và chứa nhiều vitamin, các khoáng chất cần thiết tốt cho sức khỏe đồng thời đảm bảo các tiêu chí về an toàn vệ sinh thực phẩm.

Sản phẩm dầu cá tinh luyện của TRISEDCO theo kết quả nghiên cứu của Viện dinh dưỡng quốc gia cho thấy, dầu cá cao cấp RANEE có đầy đủ các dưỡng chất tự nhiên có tính năng tương đồng với các sản phẩm dầu cá được chiết xuất từ cá biển phải nhập khẩu từ nước ngoài. Cụ thể, dầu cá cao cấp RANEE có nhiều thành phần dinh dưỡng tự nhiên, thiết yếu cho cơ thể như các axit béo không no, Omega 3, 6, 9, các thành phần khoáng vi lượng, vitamin E, EPA, DHA, ngoài ra, sản phẩm dầu cá RANEE có độ tinh khiết cao và được bổ sung vitamin A - đây là một ứng dụng mới, lần đầu tiên được áp dụng trong thực tế trên sản phẩm dầu ăn.

Sản phẩm dầu cá tinh luyện của TRISEDCO là sản phẩm hoàn toàn mới được bán trên thị trường, nhưng đủ khả năng để cạnh tranh so với các loại sản phẩm dầu ăn thực vật, do hệ thống phân phối tiện lợi, sản phẩm giàu dinh dưỡng và chất lượng cao, chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào trong nước nên giá thành hợp lý, kết hợp với chiến lược marketing phù hợp sẽ góp phần giúp Công ty đẩy mạnh sản phẩm dầu cá tinh luyện ra thị trường trong thời gian tới, cũng như dần thay đổi thói quen của người tiêu dùng trong việc lựa chọn sử dụng dầu ăn tinh luyện từ dầu thực vật sang dầu cá tinh luyện.

8.4 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp trong cùng ngành

8.4.1 So sánh về tình hình hoạt động kinh doanh:

Hiện tại, trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), có 03 doanh nghiệp có ngành nghề hoạt động tương tự như TRISEDCO là: Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (VHC), Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (ABT) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (ACL). Các chỉ tiêu về tình



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp được so sánh với TRISEDCO theo các bảng dưới đây:

Bảng 18: So sánh các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TRISEDCO	VHC	HVG	ACL
1	Tổng giá trị tài sản	346.867	4.571.486	90.251.234	873.341
2	Vốn chủ sở hữu	176.046	1.856.623	2.361.344	280.381
3	Doanh thu thuần	343.982	6.299.678	14.901.695	854.490
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.609	572.475	376.976	14.651
5	Lợi nhuận khác	1	(8.501)	43.501	(562)
6	Lợi nhuận trước thuế	12.478	563.973	450.473	14.089
7	Lợi nhuận sau thuế	11.137	440.724	424.924	12.312
8	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	6,52%	26,51%	18,08%	4,46%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014 của các Công ty

Nhìn vào số liệu ở Bảng 18 ta thấy quy mô của TRISEDCO so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành vẫn còn khá nhỏ, tuy nhiên tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân của Công ty vẫn cao hơn ACL. Trong tương lai khi Nhà máy chế biến dầu cá chính thức đi vào hoạt động, lợi nhuận sau thuế của Công ty dự kiến sẽ có sự gia tăng đáng kể.

8.4.2 So sánh về tình hình tài chính:

Bảng 19: So sánh các chỉ tiêu về tài chính

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	TRISEDCO	VHC	HVG	ACL
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,43	1,22	1,30	1,07
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,29	0,68	0,75	0,52
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	49,25	59,02	68,38	66,51
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	97,03	145,31	261,37	198,64
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	18,94	0,57	3,96	2,78
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,06	1,77	1,57	1,10



TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	TRISEDCO	VHC	HVG	ACL
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,24	7,00	2,85	1,44
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,52	12,38	4,47	1,58
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	3,43	26,51	18,08	4,46
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,67	9,09	2,53	1,71

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014 của các Công ty

Nhìn vào bảng 19 ta thấy các chỉ số của TRISEDCO khá tốt so với các doanh nghiệp cùng ngành đang niêm yết như VHC, ACL, HVG.

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều lớn hơn 1, điều này chứng tỏ Công ty có tình hình tài chính tốt và có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn ta thấy chỉ số của Công ty đều thấp hơn so với trung bình của 03 công ty đang so sánh, điều này chứng tỏ Công ty sẽ dễ dàng huy động tiền vay cũng như doanh nghiệp không phụ thuộc quá nhiều vào việc vay vốn từ ngân hàng.

Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản của TRISEDCO nhanh hơn, cho thấy khả năng quản trị tài sản ngắn hạn của Công ty khá tốt.

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời, các chỉ số của Công ty hơi thấp so với các Công ty đang so sánh do quy mô vốn cũng như lợi nhuận của Công ty còn khá khiêm tốn. Tuy nhiên các chỉ số này dự kiến sẽ tăng mạnh trong năm 2015 sau khi Công ty mở rộng quy mô, tăng vốn điều lệ và nhận chuyển giao thêm Nhà máy chế biến dầu cá.

8.5 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Ngành chế biến thủy sản nói riêng, cũng như ngành chế biến bột cá, mỡ cá vẫn được xác định là một trong các ngành mũi nhọn của Việt Nam. Nhu cầu trên thế giới đối với các sản phẩm được chế biến từ cá vẫn rất cao. Do đó với quy mô như hiện nay và tình hình hoạt động của Công ty thì tiềm năng phát triển của Công ty vẫn còn rất lớn.

Theo báo cáo Triển vọng Nông nghiệp thế giới năm 2014 của Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc (FAO) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), giá bột cá năm 2020 có khả năng tăng 43%, đạt 1.940 USD/tấn so với mức giá trung bình 1.355 USD/tấn trong giai đoạn từ 2008 đến 2010.

Năm 2020, giá dầu cá cũng có thể tăng 19% lên 1.382 USD/tấn trong khi giá cá nuôi có thể tăng 50% lên 2.825 USD/tấn.

Những con số này thực sự rất ấn tượng và càng chứng tỏ nhu cầu ngày càng cao của ngành thức ăn chăn nuôi chế biến sẵn cũng như nhu cầu sử dụng dầu cá thay thế cho dầu thực vật.



9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 26/05/2015 là 178 người. Trong đó:

- Lao động có HĐLĐ không xác định thời hạn: 72 người.
- Lao động có HĐLĐ có thời hạn: 5 người
- Lao động theo mùa vụ: 101 người

Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty:

TT	Trình độ chuyên môn	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Sau Đại học	1	0,56%
2	Đại học	20	11,24%
3	Cao đẳng	10	5,62%
4	Trung học chuyên nghiệp	52	29,21%
5	Công nhân lao động phổ thông	95	53,37%
	Tổng cộng	178	100,00%

Nguồn: TRISEDCO

9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Công ty tập trung việc giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức cho CBCNV. Công ty đề cao đạo đức, tính trung thực và nếp sống lành mạnh nhằm hướng CBCNV gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty cũng đề cao tính sáng tạo để CBCNV phát huy mọi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, đồng thời cải thiện và nâng cao thu nhập cho người CBCNV.

Công ty tăng cường việc quản lý theo hướng hiện đại, phân công phân cấp công việc cụ thể, chịu trách nhiệm theo từng nhóm công việc nhiệm vụ được giao. Sàng lọc các công nhân lành nghề và chuyên nghiệp, làm việc có hiệu suất cao. Loại bỏ dần các phòng ban trung gian. Kịp thời thay đổi theo chủ trương chính sách của nhà nước, thị trường kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty sao cho bền vững và đạt hiệu quả cao.

9.2.1 Thời gian làm việc và nghỉ phép

- Thời gian làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Ngoài ra khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ công nhân viên làm thêm giờ. Đồng thời thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước.
- Tất cả CBCNV đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi có kỳ hạn và thành tích xuất sắc.



9.2.2 Khen thưởng, kỷ luật:

- Khen thưởng, nhằm tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích, mọi cá nhân, tập thể phát huy trí tuệ, khả năng, sức lao động, phục vụ cho sự phát triển của Công ty. Nhằm mục đích tôn vinh những giá trị lao động, là hình thức Công ty ghi nhận sự cống hiến về công sức, trí tuệ của các tập thể, cá nhân có thành tích vượt bậc.
- Khen thưởng dưới hình thức định kỳ và đột xuất, áp dụng cho toàn thể CBCNV Công ty. Khen thưởng bằng biểu dương, bằng tiền, nâng lương trước niên hạn, . . . Cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc, đặc biệt trong thực hiện nhiệm vụ mang lại hiệu quả cao cho Công ty đều được xem xét khen thưởng kịp thời.
- Kỷ luật, rất quan trọng trong công tác quản lý. Công ty thực hiện chức năng này với nguyên tắc xây dựng, khách quan, kịp thời và ổn định. Nhằm điều chỉnh và hoàn thiện các hành vi của CBCNV hơn là trừng phạt. Tất cả CBCNV nếu có sai phạm, tùy tính chất và mức độ, ban thi đua - khen thưởng sẽ xem xét cụ thể từng trường hợp để có hình thức xử lý phù hợp.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để CBCNV thực hiện tốt chế độ nội qui cơ quan. Đảm bảo vệ sinh sạch sẽ toàn Công ty, cây xanh tươi tốt. Điều hành tổ bảo vệ tuần tra kiểm soát, bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ tính mạng của CBCNV và tài sản của Công ty, nhằm giữ ổn định trật tự kỷ cương. Nếu vi phạm thì tùy tính chất mức độ sẽ bị xem xét kỷ luật.
- Thực hiện tốt chế độ quyền lợi của CBCNV thông qua việc chăm công hàng ngày, giám sát việc chuẩn bị cơm ăn, nước uống, nơi chỗ làm việc, để xe, chế độ BHYT, BHXH, BHTN, ký kết HĐLĐ, trang phục, phương tiện làm việc, thanh toán lương kịp thời.
- Trong quá trình phối hợp hoạt động sớm phát hiện ra những bất cập, vô lý, những sơ hở thiếu sót ở tất cả các lĩnh vực thì tham mưu cho Ban Tổng giám đốc xem xét điều chỉnh sửa đổi kịp thời.
- Nếu CBCNV vi phạm điều lệ, chế độ, nội qui, qui trình, qui phạm trong hoạt động sản xuất kinh doanh hay lợi dụng để trục lợi, mưu cầu lợi ích cá nhân, làm ảnh hưởng đến uy tín Công ty thì tùy mức độ trách nhiệm ban thi đua - khen thưởng sẽ xử lý phù hợp.

9.2.3 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

- Tuyển dụng lao động có kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu công việc, trẻ có tay nghề cao.
- Đào tạo, bồi dưỡng về HACCP, ISO, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ, phòng cháy nổ, an toàn thực phẩm, an toàn lao động cho công nhân và nhân viên tại nhà máy.
- Đào tạo nhân viên mới để nắm rõ nội qui lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- Đào tạo từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao, nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó hướng dẫn, đào tạo và phân công.



- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ và kiến thức.
- Mục tiêu của công tác đào tạo cho CBCNV:
 - Được thông tin về tình hình chung có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và Công ty; Các chế độ, quyền lợi được hưởng (Lương, thưởng, bảo hiểm, nghỉ lễ tết, cưới hỏi, sinh tử, . .v.v).
 - Được hưởng lương và các khoản phụ cấp khác theo năng lực; Được các tổ chức chính trị quan tâm giúp đỡ và tạo điều kiện để gia nhập tổ chức Công đoàn, Đảng CSVN.
 - Sẵn sàng nhận nhiệm vụ; luôn phấn đấu hết mình để hoàn thành công việc được giao.
 - Luôn có tinh thần đoàn kết nội bộ, hợp tác và thân thiện với đồng nghiệp, luôn có thái độ tôn trọng và chào hỏi khi tiếp xúc với cấp trên.
 - Nhiệt tình, lịch sự, hiếu khách đối với khách hàng hoặc đối tác.
 - Bảo vệ lợi ích chung của Công ty, bảo quản tốt và sử dụng hiệu quả tài sản của Công ty và các phương tiện làm việc được giao.
 - CBCNV có trách nhiệm tuân thủ nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể, các quy định, quy chế của Công ty.
 - Phải có tư cách, tác phong nghiêm túc, không vắng tục, chửi thề hoặc khạc nhổ nơi công cộng.
 - Không tùy tiện hoặc có lời nói, việc làm ảnh hưởng đến uy tín Công ty.
 - Nghiêm cấm CBCNV hút chích chất gây nghiện, hút thuốc lá, đánh bài, mê tín, bói toán dưới mọi hình thức.
 - Tuyệt đối nghiêm cấm CBCNV hút thuốc lá, say xỉn trong giờ làm việc. Không được có hành vi thô lỗ, chỉ trích người khác, không được phép đòi hỏi hoặc nhận hối lộ từ khách hàng dưới bất kỳ hình thức nào.
- CBCNV của Công ty có thời gian tham gia công tác từ 02 năm trở lên và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, trong quá trình làm việc nếu có nguyện vọng xin đi học các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ hoặc liên thông đại học, trên đại học ở trong và ngoài nước thì được BTGD xem xét và đề xuất HĐQT quyết định. Các khoản lương và chi phí đi học được hưởng theo qui định.

10. Chính sách cổ tức

Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông theo kết quả sản xuất kinh doanh, sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Trong



khí thanh toán số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Tỷ lệ cổ tức sẽ căn cứ theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Trong những năm vừa qua, Công ty không thực hiện chia cổ tức cho cổ đông do quy mô vốn còn nhỏ, đồng thời Ban lãnh đạo cũng muốn tập trung mở rộng quy mô và đầu tư thêm máy móc thiết bị, nhà xưởng. Dự kiến năm 2015, sau khi tiếp nhận dự án Nhà máy sản xuất dầu ăn và bổ sung thêm một dây chuyền sản xuất bột cá và mỡ cá, sẽ góp phần đẩy mạnh doanh thu cũng như lợi nhuận cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc dự kiến sẽ chia cổ tức năm 2015 là 10% theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường tháng 02 năm 2015.

11. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua

11.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

- | | |
|---------------------------------|-----------------------|
| ■ Nhà cửa, vật kiến trúc | : 10 - 20 năm |
| ■ Máy móc thiết bị | : 03 – 10 năm |
| ■ Phương tiện vận tải | : 06 năm |
| ■ Thiết bị dụng cụ quản lý | : 05 năm |
| ■ Quyền sử dụng đất vô thời hạn | : Không tính khấu hao |

11.1.2 Thu nhập bình quân



Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty trong năm 2014 là 4.800.000 đồng/ người/ tháng và dự kiến trong năm 2015 là 5.000.000 đồng/ người/ tháng.

TT	Năm	Thu nhập bình quân (đồng/tháng)
1.	2012	3.800.000
2.	2013	4.300.000
3.	2014	4.800.000

Đây là mức lương tương đối ổn định so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn Công ty đang hoạt động. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty cũng đang phấn đấu để nâng cao mức thu nhập cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.

11.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ báo cáo kiểm toán năm 2013 và năm 2014 của Công ty, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ. Đến thời điểm hiện tại các khoản nợ đến hạn được Công ty thanh toán đúng hạn, đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước tiền vay.

Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn chưa được dự phòng. Công ty không có khoản nợ nào với các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Cổ đông lớn và những người có liên quan và ngược lại.

11.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

Các mức thuế suất đang áp dụng cho Công ty là:

- Nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước;
- Các mức thuế suất đang áp dụng: thuế VAT đối với mặt hàng kinh doanh là 10%, thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% tổng thu nhập chịu thuế.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000091 chứng nhận lần đầu ngày 11/5/2011 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư “Nhà máy bột cá TRISED CO” Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 22%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.
 - Thuế suất dự án: 20% từ 2011 đến 2021
 - Miễn thuế khi có TN chịu thuế: 0% từ 2012 đến 2013
 - Giảm thuế: 10% từ 2014 đến 2016
 - Thuế suất dự án: 20% từ 2016 đến 2021
 - Thuế suất dự án: 22% từ 2022



Bảng 20: Các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	6 Tháng/2015
1	Thuế giá trị gia tăng	-	847.113.959	810.789.512
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	639.320.196	553.207.941
3	Thuế thu nhập cá nhân	30.018.975	42.363.469	243.463.036
	Tổng cộng	30.018.975	1.528.797.624	1.607.460.489

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét 6 Tháng năm 2015 của TRISED CO

11.1.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị.

Bảng 21: Số dư các quỹ

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
1	Quỹ đầu tư và phát triển	-	450.577.360	2.014.841.448
2	Quỹ dự phòng tài chính	-	450.577.360	-
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	450.577.360	1.007.420.724
4	Lợi nhuận chưa phân phối	15.360.198.401	25.145.333.599	28.645.675.470
	Tổng cộng	15.360.198.401	26.497.065.679	31.667.937.642

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét 6 Tháng năm 2015 của TRISED CO

11.1.6 Tổng dư nợ vay



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Tại thời điểm 30/06/2015, tổng số dư nợ vay của Công ty là **238.332.796.994** đồng, trong đó (i) vay và nợ ngắn hạn là **89.017.402.913** đồng và (ii) vay và nợ dài hạn là **149.315.394.081** đồng. Cụ thể như sau:

Bảng 22: Tổng dư nợ vay của Công ty

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên Ngân hàng	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
I	VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	113.630.530.447	92.801.594.467	89.017.402.913
	Vay ngắn hạn	107.419.350.000	86.545.731.284	86.089.688.394
-	Ngân hàng Phương Đông	5.200.000.000	1.400.000.000	-
-	Ngân hàng Phương Đông - USD	2.319.350.000		-
-	Ngân hàng VCB An Giang	99.900.000.000		
-	Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - CN Cần Thơ		42.376.342.146	25.490.893.000
-	Ngân hàng Á Châu - Sa Đéc		40.800.000.000	54.480.595.394
-	Ngân hàng Liên Việt - Cty CK Liên Việt		1.969.389.138	-
-	CTCP Chứng khoán Thành Công			6.118.200.000
	Nợ dài hạn đến hạn trả	6.211.180.447	6.255.863.183	2.927.714.519
-	Nợ thuê tài chính	6.211.180.447	6.255.863.183	2.927.714.519
II	VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	20.613.865.809	45.610.586.061	149.315.394.081
	Vay dài hạn	9.814.000.000	1.500.000.000	145.204.808.020
-	Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	8.314.000.000		
-	Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	7.704.808.020
-	Ngân hàng Á Châu - Sa Đéc			38.000.000.000
-	Ngân hàng BIDV - CN Bến Nghé			98.000.000.000
-	Võ Thị Hồng Tâm (*)	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
	Nợ dài hạn	10.799.865.809	44.110.586.061	4.110.586.061
-	Nợ thuê tài chính	10.799.865.809	44.110.586.061	4.110.586.061

(*) vay cá nhân với lãi suất 13,5%/ năm; thời hạn 36 tháng

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét 6 Tháng năm 2015 của TRISEDCO

Bảng 23: Tổng dư nợ vay của Công ty



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Đơn vị cho vay	Số tiền cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Mục đích	Dư nợ vay đến 30/06/2015
1	Ngân hàng Phương Đông	1.400	Ngắn hạn	10,05	Bổ sung VLD	-
2	Công ty CK Liên Việt	1.969	Ngắn hạn	13	Mua CP	-
3	NH Hàng hải VN – Cần Thơ	42.376	Ngắn hạn	8,25	Bổ sung VLD	25.491
4	CTCP Chứng khoán Thành Công	-	Ngắn hạn	13,5	Khoản vay của Cty Châu Á	6.118
5	Ngân hàng Á Châu – CN Sa đéc	40.800	Ngắn hạn	8	Bổ sung VLD	54.481
6	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	6.256	Ngắn hạn	10,7	Mua MMTB	2.928
7	Ngân hàng Á Châu - CN Sa đéc	-	Dài hạn	9,5	Sửa chữa nhà xưởng	38.000
9	Võ Thị Hồng Tâm (*)	1.500	Dài hạn	13	Bổ sung VLD	1.500
10	Ngân hàng BIDV Bến Nghé	-	Dài hạn	9,5	Mua Nhà máy dầu	98.000
11	Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - CN Cần Thơ	-	Dài hạn	5,5	Mua MMTB	7.705
12	Nợ thuê tài chính	44.111	Dài hạn	10,7	Mua MMTB	4.111
TỔNG CỘNG		138.412				238.333

(*) Vay cá nhân với lãi suất 13,5%/năm; thời hạn 36 tháng

Nguồn: TRISEDCO

11.1.7 Tình hình công nợ

a. Các khoản phải thu

Bảng 24: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
1.	Phải thu khách hàng	14.090.247.332	55.097.874.340	85.595.514.080
2.	Trả trước cho người bán	42.605.807.463	77.650.028.464	42.427.474.449
3.	Các khoản phải thu khác (*)	6.339.735.831	10.529.343.887	162.275.909.557
Tổng cộng		63.035.790.626	143.277.246.691	290.298.898.086

(*) Công ty không có các khoản nợ quá hạn hay dự phòng khoản phải thu

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng năm 2015

Các khoản phải thu khách hàng năm 2014 và 6 tháng năm 2015 tăng mạnh so với năm 2013. Nguyên nhân cụ thể như sau:



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



- Trong năm 2014, một phần do TRISED CO hỗ trợ Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á là Công ty con trong giai đoạn đầu kinh doanh và một phần do Công ty thực hiện ký quỹ, ứng trước cho khách hàng thu mua nguyên liệu phụ phẩm phục vụ cho nhu cầu sản xuất.
- Tại thời điểm 6 tháng đầu năm 2015, khoản phải thu khách hàng ngắn hạn có giá trị 85,59 tỷ tăng mạnh so với năm 2013, trong đó, hơn 70% giá trị là từ khoản phải thu của các đơn hàng dầu cá là sản phẩm mới của Công ty.

Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
1	CTCP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia	7.045.500	-	-
2	Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	825.540.400	392.123.668	-
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và XD Sao Mai tỉnh An Giang	5.453.287.931	4.126.762.469	4.955.169.751
4	Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á			-
5	Thu tiền điện nhà thầu thi công	33.800.000	33.800.000	-
6	Công ty TNHH MTV TXD-TM An Thịnh	-	1.317.650.000	1.649.770.000
7	Công ty CP VISTAR	-	535.002.000	535.002.000
8	Công ty Cơ Khí và Xây Dựng Long Xuyên	-	470.022.000	-
9	Công ty TNHH MTV KD & DT Toàn Cầu	-	72.470.750	-
10	Công ty TNHH MTV Xây Dựng TM An Lành	-	1.317.650.000	1.978.281.000
11	Dương Thanh Tâm	-	537.168.000	-
12	Lê Gia Lộc	-	327.607.500	-
13	Nguyễn Chí Long	-	157.215.500	-
14	Võ Hữu Triết	-	263.530.000	-
15	Võ Minh Thông	-	470.022.000	-
16	Võ Thị Hồng Tâm	-	10.140.000	-
17	Đặng Như Hoàng	-	498.180.000	-
18	Trịnh Thị Ngọc	-	-	10.000.000.000
19	Đối tượng khác	20.062.000	-	14.548.222.681
	Tổng cộng	6.339.735.831	10.529.343.887	33.666.445.432

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng năm 2015



b. Các khoản phải trả

Bảng 26: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
I	Nợ ngắn hạn	116.064.810.029	125.209.620.330	176.607.742.406
1	Vay ngắn hạn	113.630.530.447	92.801.594.467	-
2	Phải trả người bán	1.110.973.411	28.919.087.343	54.660.078.024
3	Người mua trả tiền trước	3.558.000	514.021.351	3.021.838.788
4	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	30.018.975	1.528.797.624	1.607.460.489
5	Phải trả người lao động	-	-	1.560.809.932
6	Chi phí phải trả	-	-	-
7	Phải trả nội bộ	-	-	-
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	89.017.402.913
9	Phải trả khác	1.289.729.196	995.542.185	25.732.731.536
10	Dự phòng các khoản phải trả ngắn hạn	-	-	-
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	450.577.360	1.007.420.724
II	Nợ dài hạn	20.613.865.809	45.610.586.061	149.315.394.081
1	Phải trả dài hạn khác	-	-	-
2	Vay dài hạn	20.613.865.809	45.610.586.061	149.315.394.081
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-
4	Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	-	-
Tổng cộng		136.678.675.838	170.820.206.391	325.923.136.487

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất soát xét 6 Tháng năm 2015 của TRISED CO



11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 27: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,08	1,43
1.2	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,94	1,29
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2.1	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	45,25	49,25
2.2	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	82,66	97,03
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3.1	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	9,52	18,94
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,43	1,06
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
4.1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,92	3,24
4.2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân	%	5,60	6,52
4.3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	2,74	3,43
4.4	Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	1,96	3,67

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của TRISED CO

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Công ty. Qua bảng số liệu trên có thể thấy, Hệ số thanh toán Nợ ngắn hạn của Công ty khá tốt qua các năm và đều lớn hơn 1 và tăng qua các năm. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty lần lượt là 1,08 lần trong năm 2013, và 1,43 lần trong năm 2014.
- Hệ số thanh toán nhanh năm 2014 đã có sự cải thiện lớn so với năm 2013, đạt 1,29 lần so với 0,94 lần trong năm 2013. Hệ số này lớn hơn 1 cũng chứng tỏ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng tốt hơn, không bị tình trạng thiếu tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn

- Hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 45,25% trong năm 2013 lên 49,25% trong năm 2014 chủ yếu là do Công ty vay thêm để đầu tư cho Nhà máy sản xuất dầu cá.



- Tương tự hệ số nợ trên tổng tài sản, năm 2014 hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cũng tăng từ 82,66% lên 97,03% tương đương tăng cao hơn 17,39% so với năm 2013 do Công ty vay thêm tiền để đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động

- Các chỉ số về hoạt động của Công ty tăng nhẹ. Chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 9,52 vòng trong năm 2013 lên 18,94 vòng trong năm 2014 do Công ty gia tăng bán hàng (giá vốn hàng bán tăng) và lượng hàng tồn kho tiêu thụ nhanh, tránh tình trạng hàng hóa bị tồn đọng, cụ thể hàng tồn kho bình quân năm 2013 là 45 tỷ đồng nhưng năm 2014 chỉ số này giảm chỉ còn gần 17 tỷ đồng.
- Chỉ số vòng quay tài sản đo lường khả năng doanh nghiệp tạo ra doanh thu từ việc đầu tư vào tổng tài sản của Công ty, chỉ số này giảm từ 1,43 vòng (năm 2013) xuống còn 1,06 vòng (năm 2014) do doanh thu năm 2014 giảm so với doanh thu năm 2013.

Nhóm chỉ tiêu sinh lợi của Công ty

- Nhóm chỉ tiêu sinh lợi của Công ty trong năm 2014 đều tăng khá ấn tượng so với năm 2013, cụ thể hệ số LNST/Doanh thu thuần tăng từ 1,92% lên 3,24%, tương tự đối với chỉ số LNST/Vốn chủ sở hữu tăng từ 5,60% lên 6,52%, chỉ số LNST/Tổng tài sản bình quân tăng từ 2,74% lên 3,43% và chỉ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần tăng từ 1,96% lên 3,67%.

12. Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc; Ban Kiểm soát; Kế toán trưởng**Bảng 28: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/ Hộ chiếu
I. Hội đồng quản trị (HĐQT)				
1.	Ông Lê Văn Chung	Chủ tịch HĐQT	1964	351 393 479
2.	Ông Lê Xuân Quế	Phó Chủ tịch HĐQT	1968	351 259 440
3.	Ông Lê Văn Chính	Thành viên HĐQT kiêm TĐG	1982	351 890 423
4.	Ông Nguyễn Văn Hưng	TV HĐQT kiêm Phó TGD	1954	351 139 667
5.	Ông Lê Thanh Thuận	Thành viên HĐQT	1958	350 006 170
6.	Ông Trương Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT	1977	352 244 166
7.	Ông Hồ Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập	1951	350 002 939
8.	Ông Lê Văn Thành	Thành viên HĐQT	1967	351 400 599
II. Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD)				
1.	Ông Lê Văn Chính	Tổng giám đốc	1982	351 890 423
2.	Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	1954	351 139 667
3.	Ông Nguyễn Tiến Ngừ	Phó Tổng Giám đốc	1960	350 807 005



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/ Hộ chiếu
4.	Ông Lê Hoàng Cương	Giám đốc Tài chính	1985	370 990 568
III. Ban Kiểm soát (BKS)				
1.	Bà Ngô Thị Tố Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát	1981	352 428 133
2.	Bà Trịnh Thị Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	1988	352 489 272
3.	Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên Ban Kiểm soát	1991	362 287 058
IV. Kế toán trưởng (KTT)				
1.	Ông Nguyễn Gia Thuận	Kế toán trưởng	1978	352 117 998

12.1 Hội Đồng Quản Trị

12.1.1 Ông LÊ VĂN CHUNG – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : LÊ VĂN CHUNG
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 1964
- Nơi sinh : Triệu Sơn, Thanh Hóa
- Số chứng minh nhân dân : 351393479 Ngày cấp 09/06/2010 Nơi cấp CA An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 72 Trần Nhật Duật, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại liên lạc : 0763.840.138
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp cơ khí
- Quá trình công tác :
- Năm 1984 – 1987 : Làm việc tại XN Liên Hiệp Đường Sắt Huế
 - Năm 1987 – 1991 : làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức.
 - Năm 1991 – 1994 : trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang;
 - Năm 1994 – 1997 : Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây.
 - Từ năm 1997 – nay : Tham gia thành lập và điều hành Công ty CP Tập đoàn Sao Mai và CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia
 - Từ 2008 – nay : Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản
- Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia;
 - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD – CTCP Tập đoàn Sao Mai



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 120.500 cổ phần, chiếm 0,3163% vốn điều lệ

- Đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 120.500 cổ phần, chiếm 0,3163% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia (IDI)	Thành viên HĐQT kiêm TGD	30.192.600	79,2457%	
2.	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai - ASM	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	1.500.000	3,9370%	
3.	Lê Ngọc Xuyên	Anh ruột	500	0,0013%	
4.	Lê Văn Thông	Anh ruột	500	0,0013%	
5.	Lê Thanh Thuận	Anh ruột	1.500.000	3,9370%	
6.	Lê Văn Thành	Em ruột	16.100	0,0423%	
7	Lê Văn Sửu	Bố	0	0%	Đã mất
8	Lê Thị Chuột	Mẹ	0	0%	Đã mất
9	Nguyễn Thị Thu Trang	Vợ	0	0%	
10	Lê Thế Tùng	Con	0	0%	
11	Lê Mạnh Tường	Con	0	0%	
12	Lê Thế Quân	Con	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

12.1.2 Ông LÊ XUÂN QUẾ – Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : LÊ XUÂN QUẾ

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 1968

Nơi sinh : Triệu Sơn, Thanh Hóa

Số chứng minh nhân dân : 351259440 Ngày cấp: 22/09/2007 Nơi cấp: CA An Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



- Số điện thoại liên lạc : 0763.840.138
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp cơ khí
- Quá trình công tác :
- Từ năm 1992 – 1997 : công tác tại xí nghiệp Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng sau khi tốt nghiệp Cao đẳng Xây dựng;
 - Từ năm 1997 – 2003 : Giám đốc Xí nghiệp Phương Nam;
 - Từ năm 2003 – nay : Công tác tại CTCP Tập đoàn Sao Mai và CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia
 - Từ 2008 – nay : Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT – CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI);
- Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD – CTCP Tập đoàn Sao Mai

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 33.500 cổ phần, chiếm 0,0879% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 33.500 cổ phần, chiếm 0,0879% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1.	CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI)	Thành viên HĐQT	30.192.600	79,2457%	
2.	CTCP Tập đoàn Sao Mai	TV HĐQT kiêm Phó TGD	1.500.000	3,9370%	
3	Lê Xuân Hân	Bố	0	0%	Đã Mất
4	Lê Thị Thảo	Mẹ	0	0%	Đã Mất
5	Võ Thị Hồng Tâm	Vợ	0	0%	
6	Lê Xuân Khải	Con	0	0%	
7	Lê Thị Xuân Quyên	Con	0	0%	
8	Lê Thị Thắng	Em ruột	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**12.1.3 Ông LÊ VĂN CHÍNH – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Họ và tên : LÊ VĂN CHÍNH
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 1982
 Nơi sinh : XuânThịnh, Triệu Sơn, Thanh Hoá
 Số chứng minh nhân dân : 351890423 Ngày cấp: 11/03/2010 Nơi cấp: CA An Giang
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang
 Số điện thoại liên lạc : 0673.680.657
 Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư, Thạc sĩ kinh tế
 Quá trình công tác :

- Từ năm 2009 đến 2011 : Làm việc tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng Sao Mai;
- Từ năm 2011 đến 2013 : Công tác sang Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia IDI;
- Từ năm 2013 – 2014 : Tổng GD CTCP Dầu cá Châu Á;
- Từ 2015 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản;

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 500 cổ phần, chiếm 0,0013% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 500 cổ phần, chiếm 0,0013% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Lê Văn Thông	Bố	500	0,0013%	
2	Lê Thị Thêm	Mẹ	0	0%	
3	Lê Văn Thiệu	Anh	300	0,0008%	
4	Lê Văn Qui	Em	150	0,0004%	
5	Lê Thị Định	Em	100	0,0003%	
6	Nguyễn Thị Lê	Vợ	100	0,0003%	

Các khoản nợ với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Hành vi vi phạm pháp luật

: Không

12.1.4 Ông NGUYỄN VĂN HUNG - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : NGUYỄN VĂN HUNG
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 1954
- Nơi sinh : Hồng Ngự, Đồng Tháp
- Số chứng minh nhân dân : 351139667 Ngày cấp: 18/04/2007 Nơi cấp: CA An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 49/30 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại liên lạc : 0763.840.138
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp xây dựng
- Quá trình công tác :
- Từ năm 1975 – 1989 : công tác tại Phòng chính trị Tỉnh đội An Giang;
 - Từ năm 1989 – 1995 : Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang;
 - Từ năm 1995 – 1997 : Thanh tra Sở Thương mại Du lịch tỉnh An Giang;
 - Từ năm 1997- 2002 : Tham gia góp vốn thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang;
 - Từ năm 2002 - nay : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ CTCP Tập đoàn Sao Mai, chịu trách nhiệm giám sát, theo dõi và điều hành tất cả hoạt động kinh doanh của ASM. Và Phó Chủ tịch HĐQT của CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia
 - Từ 2008 – nay : Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ CTCP Tập đoàn Sao Mai;
- Phó Chủ tịch HĐQT – CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI)

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 50.500 cổ phần, chiếm 0,1325% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 50.500 cổ phần, chiếm 0,1325% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia (IDI)	Phó CT HĐQT	30.192.600	79,2457%	
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai - ASM	Phó CT HĐQT kiêm Phó TGĐ	1.500.000	3,9370%	



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
3	Nguyễn Văn Đực	Bố	0	0%	Đã mất
4	Phạm Thị Nhan	Mẹ	0	0%	
5	Nguyễn Thị Hà	Vợ	20.000	0,0525%	
6	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Con	10.500	0,0276%	
7	Nguyễn Hồng Ngự	Con	10.300	0,0270%	
8	Nguyễn Minh Huy	Con	0	0%	
9	Nguyễn Thị Phước	Chị	0	0%	
10	Nguyễn Thị Xem	Chị	0	0%	
11	Nguyễn Thị Hà	Em	0	0%	
12	Nguyễn Thị Hồng	Em	0	0%	
13	Nguyễn Văn Dũng	Em	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : Không
 Lợi ích liên quan với Công ty : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không

12.1.5 Ông LÊ THANH THUẬN - Thành viên HĐQT

Họ và tên : LÊ THANH THUẬN
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 1958
 Nơi sinh : Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa
 Số chứng minh nhân dân : 350006170 Ngày cấp: 17/01/2008 Nơi cấp: CA An Giang
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Lê Triệu Kiệt, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang
 Số điện thoại liên lạc : 0673.680.657
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
 Quá trình công tác :

- Từ 1977 đến 1979 : Làm việc tại Sở xây dựng tỉnh An Giang
- Từ 1979 đến 1980 : Cán bộ của Sở quản lý nhà đất tỉnh An Giang
- Từ 1982 đến 1986 : Chánh văn phòng Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước An Giang.
- Từ 1986 đến 1992 : Giám đốc Công ty Liên doanh Kiến trúc An Giang



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



- Từ 1992 đến 1995 : Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Xây dựng Miền Tây, Bộ Xây Dựng
- Từ 1997 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai và Chủ tịch HĐQT của CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia
- Từ 2008 đến nay : Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Sao Mai;
- Chủ tịch HĐQT – CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI)

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 3.000.000 cổ phần, chiếm 7,8740% vốn điều lệ

- Đại diện phần vốn của CTCP Tập đoàn Sao mai :1.500.000 cổ phần, chiếm 3,9370% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu :1.500.000 cổ phần, chiếm 3,9370% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia (IDI)	Chủ tịch HĐQT	30.192.600	79,2457%	
2.	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai - ASM	Đại diện phần vốn	1.500.000	3,9370%	
3	Lê Ngọc Xuyên	Anh ruột	500	0,0013%	
4	Lê Văn Thông	Anh ruột	500	0,0013%	
5	Lê Thị Thoa	Chị ruột	0	0%	
6	Lê Thị Thái	Chị ruột	0	0%	
7	Lê Văn Chung	Em ruột	120.500	0,3163%	
8	Lê Văn Thành	Em ruột	16.100	0,0423%	
9	Lê Thị Thúy	Em ruột	0	0%	
10	Lê Văn Thủy	Em ruột	0	0%	
11	Võ Thị Thanh Tâm	Vợ	0	0%	
12	Lê Thị Nguyệt Thu	Con ruột	500	0,0013%	
13	Lê Thị Thiên Trang	Con ruột	0	0%	
14	Lê Tuấn Anh	Con ruột	1.500.000	3,9370%	
15	Lê Văn Sửu	Bố	0	0%	Đã mất
16	Lê Thị Chuột	Mẹ	0	0%	Đã mất



Các khoản nợ với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan với Công ty	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không

12.1.6 Ông TRƯƠNG VĨNH THÀNH – Thành viên HĐQT

Họ và tên	: TRƯƠNG VĨNH THÀNH
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 1977
Nơi sinh	: Tuy Phước, Bình Định
Số chứng minh nhân dân	: 352244166 Ngày cấp: 04/03/2010 Nơi cấp: CA An Giang
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang
Số điện thoại liên lạc	: 0673.680.657
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	:

- Từ năm 1992 đến 2001 : Phó phòng, trợ lý giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai;
- Từ năm 2001 đến 2004 : Giám đốc Công ty tư vấn thiết kế Điện hình An Giang, trưởng phòng KCS, TP. Marketing Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai;
- Từ năm 2005 đến 2011 : TP Quản lý Đầu tư Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai kiêm P.Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI;
- Từ 2008 đến 2011 : Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI;
- Từ 2011 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai
- Từ 2011 đến nay : Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI);
- Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 10.500 cổ phần, chiếm 0,0276% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 10.500 cổ phần, chiếm 0,0276% vốn điều lệ



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia (IDI)	Thành viên HĐQT	30.192.600	79,2457%	
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai - ASM	Phó TGĐ	1.500.000	3,9370%	
3	Trương Vĩnh Khánh	Bố	0	0%	
4	Lê Thị Phú	Mẹ	0	0%	
5	Nguyễn Bảo Trân	Vợ	0	0%	
6	Trương Vĩnh Phước	Anh ruột	0	0%	
7	Trương Vĩnh Long	Anh ruột	0	0%	
8	Trương Thị Kim Phượng	Em ruột	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : Không
 Lợi ích liên quan với Công ty : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không

12.1.7 Ông HỒ MẠNH DŨNG – Thành viên HĐQT độc lập

Họ và tên : HỒ MẠNH DŨNG
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 1951
 Nơi sinh : Đức Phổ, Quảng Ngãi
 Số chứng minh nhân dân : 350002939 Ngày cấp: 10/07/2006 Nơi cấp: CA An Giang
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : 499/25 Quán Cơ Thành, Long Xuyên, An Giang
 Số điện thoại liên lạc : 0673.680.657
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nông nghiệp
 Quá trình công tác :

- Từ 1975 đến 2007 : Cán bộ văn phòng tỉnh ủy An Giang.
- Từ 2007 đến nay : Trợ lý Chủ tịch HĐQT tại CTCP Tập đoàn Sao Mai
- Từ 2008 đến nay : Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

 Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



- Trợ lý Chủ tịch HĐQT – CTCP Tập đoàn Sao Mai
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 500 cổ phần, chiếm 0,0013% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu : 500 cổ phần, chiếm 0,0013% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Hồ Hoàn	Bố	0	0%	Đã mất
2	Nguyễn Thị Di	Mẹ	0	0%	Đã mất
3	Nguyễn Thị Gương	Vợ	0	0%	
4	Hồ Nhiệt Tâm	Con	0	0%	
5	Hồ Nhân Tâm	Con	0	0%	
6	Hồ Thị Trang Tâm	Con	0	0%	
7	Hồ Mạnh Loan	em	0	0%	
8	Hồ thị Cam	em	0	0%	
9	Hồ Thị Bích Liên	em	0	0%	

- Các khoản nợ với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

12.1.8 Ông LÊ VĂN THÀNH – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : LÊ VĂN THÀNH
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 1967
- Nơi sinh : Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hoá
- Số chứng minh nhân dân : 351400599 Ngày cấp: 12/12/2012 Nơi cấp: CA An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 706B, Hà Hoàng Hổ, Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại liên lạc : 0673.680.657
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp
- Quá trình công tác :
- Từ năm 1987 – 1990 : Công tác tại Trường sĩ quan Quân Sự - Sĩ Quan Quân đội Nhân dân Việt Nam



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



- Từ năm 1990 – 1992 : Công tác tại Sư Đoàn 363 Hải Phòng
- Từ năm 1992 – 1997 : Công tác tại Xí Nghiệp Tây sông Hậu (Công ty Miền Tây)
- Từ năm 1997 – nay : nhân viên tại CTCP Tập đoàn Sao Mai
- Từ 2015 – nay : Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Nhân viên Tập đoàn Sao Mai

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 16.100 cổ phần, chiếm 0,0423% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu :16.100 cổ phần, chiếm 0,0423% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Lê Văn Sửu	Bố	0	0%	Đã mất
2	Lê Thị Chuột	Mẹ	0	0%	Đã mất
3	Trần Tô Thị Nghĩa	Vợ	0	0%	
4	Lê Thị Ngọc Trân	Con	0	0%	
5	Lê Đức Thọ	Con	0	0%	
6	Lê Thị Thoa	Chị	0	0%	
7	Lê Thị Thái	Chị	0	0%	
8	Lê Ngọc Xuyên	Anh	500	0,0013%	
9	Lê Văn Thông	Anh	500	0,0013%	
10	Lê Thanh Thuận	Anh	1.500.000	3,9370%	
11	Lê Văn Chung	Em	120.500	0,3163%	

Các khoản nợ với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không



12.2 Ban Tổng Giám đốc

12.2.1 Ông LÊ VĂN CHÍNH – Tổng Giám đốc

Xem Thông tin về Tổng Giám đốc tại mục 12.1.3 phần HĐQT đã nêu ở trên.

12.2.2 Ông NGUYỄN VĂN HUNG – Phó Tổng Giám đốc

Xem Thông tin về Phó Tổng Giám đốc tại mục 12.1.4 phần HĐQT đã nêu ở trên.

12.2.3 Ông NGUYỄN TIÊN NGŨ – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : NGUYỄN TIÊN NGŨ
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 1960
Nơi sinh : Xã Đông Anh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Số chứng minh nhân dân : 350807005 Ngày cấp: 12/12/2012 Nơi cấp: CA An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 610 Võ Thị Sáu, Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang
Số điện thoại liên lạc : 0673.680.657
Trình độ chuyên môn : Cử nhân An Ninh; Cử nhân Luật; Cử nhân Chính trị
Quá trình công tác :
▪ Từ 1983 đến 1987 : Cán bộ Cục An ninh kinh tế - Bộ Công An
▪ Từ 1987 đến 2010 : Cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng An Ninh kinh tế Văn hóa tư tưởng, Trưởng phòng quản lý Xuất nhập cảnh – Công An tỉnh An Giang
▪ Từ 2010 đến 2012 : Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai
▪ Từ 2010 đến nay : Làm việc tại Công ty CPĐT Tài chính & Truyền thông quốc tế
▪ Từ 2012 đến nay : Phó TGD Công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

▪ Tổng Giám đốc Công ty CPĐT Tài chính & Truyền thông quốc tế (MIF)

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 500 cổ phần, chiếm 0,0013% vốn điều lệ

▪ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

▪ Cá nhân sở hữu : 500 cổ phần, chiếm 0,0013% vốn điều lệ



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Công ty CP Đầu tư Tài chính & Truyền thông quốc tế (MIF)	Tổng GD	0	0%	
2	Nguyễn Văn Tự	Bố	0	0%	Đã Mất
3	Nguyễn Thị Ngan	Mẹ	0	0%	Đã Mất
4	Bùi Thị Hiền	Vợ	0	0%	
5	Nguyễn Quốc Minh	Con	0	0%	
6	Nguyễn Minh Hằng	Con	0	0%	
7	Nguyễn Văn Mươi	Em ruột	0	0%	
8	Nguyễn Văn Nghiêu	Em ruột	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

12.2.4 Ông LÊ HOÀNG CƯƠNG – Giám đốc Tài chính

Họ và tên : LÊ HOÀNG CƯƠNG

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 1985

Nơi sinh : Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang

Số chứng minh nhân dân : 370990568 Ngày cấp: 24/03/2000 Nơi cấp: CA Kiên Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 21N1, KDC Bình Khánh 3-P, Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang

Số điện thoại liên lạc : 0673.680.657

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán

Quá trình công tác :

- Từ 2008 đến 2009 : Kế toán tại Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia
- Từ 2009 đến 2013 : Kế toán tại Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng Sao Mai
- Từ 2013 đến nay : Trưởng BKS CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



- Từ 2013 đến nay : Công tác tại Phòng tài chính Công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Giám đốc Tài chính

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI)

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 500 cổ phần, chiếm 0,0013% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 500 cổ phần, chiếm 0,0013% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia (IDI)	Trưởng BKS	30.192.600	79,2457%	
2	Lê Văn Hồng	Bố	0	0%	
3	Điền Thị Hợi	Mẹ	0	0%	
4	Lê Thị Định	Vợ	100	0,0003%	
5	Lê Hoàng Quỳnh Anh	Con	0	0%	
6	Lê Thị Như Trang	Em ruột	150	0,0004%	
7	Lê Thanh Thúy	Em ruột	0	0%	
8	Lê Thị Hoàng Oanh	Em ruột	0	0%	
9	Lê Thị Như Thúy	Em ruột	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

12.3 Ban Kiểm soát

12.3.1 Bà NGÔ THỊ TÓ NGÂN – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : NGÔ THỊ TÓ NGÂN

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 1981

Nơi sinh : Ấp 3, xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Số chứng minh nhân dân : 352428133 Ngày cấp: 12/12/2012 Nơi cấp: CA An Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Địa chỉ thường trú : 80 Lô F1 Khu Đô thị Sao Mai, Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang

Số điện thoại liên lạc : 0673.680.657

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành: Kế toán – kiểm toán

Quá trình công tác :

- Từ 2004 đến 2007 : Kế toán Công ty TNHH SX&TM Trương Vui.
- Từ 2008 đến nay : Kế toán Công ty CP Tập đoàn Sao Mai
- Từ 2015 đến nay : Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Kế toán Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai An Giang

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 300 cổ phần, chiếm 0,0008% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 300 cổ phần, chiếm 0,0008% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Ngô Mộng Nhân	Bố	0	0%	
2	Huỳnh Mỹ Lệ	Mẹ	0	0%	
3	Lê Văn Lâm	Chồng	0	0%	
4	Lê Đức Phát	Con	0	0%	
5	Lê Gia Hân	Con	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

12.3.2 Bà TRỊNH THỊ NGỌC – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : TRỊNH THỊ NGỌC

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 1988

Nơi sinh : Thiệu Hóa – Thanh Hóa

Số chứng minh nhân dân : 352489272 Ngày cấp: 11/12/2013 Nơi cấp: CA An Giang

Quốc tịch : Việt Nam



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 115 Mai Hắc Đế, Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang

Số điện thoại liên lạc : 0673.680.657

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác :

- Từ 2009 đến nay : Kế toán Công ty CP Tập đoàn Sao Mai
- Từ 2015 đến nay : Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Kế toán Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 100 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 100 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Trịnh Văn Thân	Bố	0	0%	
2	Phạm Thị Hoa	Mẹ	0	0%	
3	Trịnh Thị Lan	Chị	150	0,0004%	
4	Trịnh Thị Oanh	Chị	0	0%	
5	Trịnh Văn Thắng	Em	0	0%	
6	Trịnh Văn Đức	Em	0	0%	
7	Nguyễn Văn Sơn	Chồng	500	0,0013%	
8	Nguyễn Trịnh Mai Thuý	Con	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

12.3.3 Bà NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 1991

Nơi sinh : Thốt Nốt, Cần Thơ

Số chứng minh nhân dân : 362287058 Ngày cấp:31/07/2006 Nơi cấp: CA.TP. Cần Thơ



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Thanh Lợi, Vĩnh Thạnh, Cần Thơ
- Số điện thoại liên lạc : 0673.680.657
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác :
- Từ T2 đến T8/2014 : Kế toán Công ty TNHH SXTM XNK Phú Quý
 - Từ T9 đến T11/2014 : Nhân viên kinh doanh Công ty BĐS Sao Mai
 - Từ T12/2014 đến nay : Nhân viên Ban tái cấu trúc tài chính CTCP Tập đoàn Sao Mai.
 - Từ 2015 đến nay : Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Nhân viên ban tái cấu trúc tài chính CTCP Tập đoàn Sao Mai

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn An	Bố	0	0%	
2	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Mẹ	0	0%	
3	Nguyễn Thị Bích Vân	Chị ruột	0	0%	
4	Nguyễn Thị Kim Duyên	Em ruột	0	0%	
5	Nguyễn Thị Thùy Trâm	Em ruột	0	0%	
6	Nguyễn Duy Khang	Em ruột	0	0%	
7	Nguyễn Tiến Thành	Em ruột	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**12.4 Kế toán trưởng****12.4.1 Ông NGUYỄN GIA THUẦN – Kế toán trưởng**

Họ và tên : NGUYỄN GIA THUẦN
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 1978
 Nơi sinh : Thạnh Thắng, Thốt Nốt, Cần Thơ
 Số chứng minh nhân dân : 352117998 Ngày cấp: 11/04/2008 Nơi cấp: CA An Giang
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : 7A7 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Mỹ Phước, TP. LX, An Giang
 Số điện thoại liên lạc : 0673.680.657
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 Quá trình công tác :
 ▪ Từ 2002 đến 2008 : Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang
 ▪ Từ 2009 đến nay : Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản
 Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 400 cổ phần, chiếm 0,0010% vốn điều lệ
 ▪ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 ▪ Cá nhân sở hữu : 400 cổ phần, chiếm 0,0010% vốn điều lệ
 Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Trận	Bố	0	0%	
2	Nguyễn Thị Yến	Mẹ	0	0%	
3	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Vợ	0	0%	
4	Nguyễn Ngọc Hiền	Con	0	0%	
5	Nguyễn Ngọc Lan Nhi	Con	0	0%	
6	Nguyễn Gia Lâm	Anh ruột	0	0%	
7	Nguyễn Thị Ngọc Lệ	Em ruột	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : Không
 Lợi ích liên quan với Công ty : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không



13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

13.1 Tình hình tài sản cố định

Bảng 29: Tình hình tài sản cố định của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN TÀI SẢN	31/12/2013		31/12/2014		30/06/2015	
		Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
I	Tài sản cố định hữu hình	78.089	61.670	79.350	57.686	220.384	194.205
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	61.507	49.634	61.507	46.151	172.794	154.456
2	Máy móc thiết bị	15.491	11.510	16.334	10.792	41.193	34.464
3	Phương tiện vận tải	968	484	1.385	723	6.273	5.267
4	Thiết bị quản lý	124	42	124	20	124	18
5	TSCĐ khác	0	0	0	0	0	0
II	TSCĐ cho thuê tài chính	34.972	29.355	34.972	25.848	34.972	24.095
1	Máy móc thiết bị	34.972	29.355	34.972	25.848	34.972	24.095
III	Tài sản vô hình	60	0	2.674	2.614	19.928	19.675
1	Quyền sử dụng đất	0	0	2.614	2.614	19.868	19.675
2	Phần mềm máy tính	60	0	60	0	60	0
VI	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.614	2.614	0	0	0	0
1	Quyền sử dụng đất	2.614	2.614	0	0	0	0
	Tổng cộng	115.734	93.639	116.995	86.148	275.284	237.974

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2015

13.2 Đất đai

Bảng 30: Các khu đất mà Công ty đang sở hữu/sử dụng

TT	Địa chỉ	Diện tích sử dụng	Hình thức sở hữu - thuê	Mục đích sử dụng
1.	Ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	2.168,0 m ²	Sở hữu	Đất cơ sở Sản xuất kinh doanh
2.	Ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	18.733 m ²	Thuê 48 năm đến năm 2057	Sản xuất kinh doanh
3.	Ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.	10.600 m ²	Sở hữu đến năm 2057	Sản xuất kinh doanh



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



TT	Địa chỉ	Diện tích sử dụng	Hình thức sở hữu - thuê	Mục đích sử dụng
4.	Ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	31.770 m ²	Thuê 49 năm đến năm 2057	Sản xuất kinh doanh

Nguồn: TRISED CO

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn 2015 - 2017

14.1 Kế hoạch

Bảng 31: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015 - 2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017	
				Giá trị	(+/-) %	Giá trị	(+/-) %
1.	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.000	1.200	20,0%	1.520	26,7%
2.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	55	76	38,2%	100	31,6%
3.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	50	70	40,0%	90	28,6%
3.	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	762	762	0%	762	0%
4.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,0%	5,8%	16,0%	5,92%	1,7%
5.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	6,6%	9,2%	40,0%	11,8%	28,5%
6.	Cổ tức	%	10,0%	8,4%	-16,05	10,2%	21,4%

Nguồn: TRISED CO

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2015 - 2017

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào các dự báo dựa trên các thông tin và giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các dự báo này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có thay đổi.

Đầu tháng 4 năm 2015 dây chuyền sản xuất bột cá của Trung Quốc với công suất 150 tấn được nhập khẩu về Công ty; sau quá trình lắp đặt và chạy thử thì đến đầu tháng 07/2015 dây chuyền đã chính thức đi vào hoạt động với công suất 150 tấn nguyên liệu/ ngày, nâng công suất Nhà máy lên 400 – 450 tấn nguyên liệu/ ngày. Đây cũng là một lợi thế giúp Công ty tăng doanh thu và lợi nhuận từ mảng sản xuất bột cá. Cụ thể, việc nhập khẩu dây chuyền bột cá từ Trung Quốc đã giúp Công ty có thêm uy tín với các đối tác của nước bạn, do đó Công ty đã ký kết thêm được nhiều Hợp đồng lớn với nhóm khách hàng này. Trong tháng 08/2015, TRISED CO đã xuất hơn 850 tấn bột cá sang thị trường Trung Quốc. Dự kiến tháng 9/2015 sẽ xuất 1.430 tấn, tháng 10/2015 là 1.100 tấn và tháng 11/2015 là 1.200 tấn.



Ngoài ra, Công ty cũng đã nhận chuyển giao Nhà máy chế biến Dầu cá với tổng giá trị đầu tư khoảng 706 tỷ đồng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Đa quốc gia IDI. Điều này sẽ giúp cho doanh thu cũng như lợi nhuận của Trisedco tăng đáng kể trong các năm tới. Đến tháng 08/2015, doanh thu của Công ty đã đạt được 600 tỷ đồng tương đương đạt 60% so với kế hoạch năm, dự kiến trong Quý 3 và Quý 4 năm 2015, khi sản phẩm dầu ăn từ dầu cá xác định được nhóm khách hàng chiến lược cũng như việc thực hiện các hợp đồng xuất khẩu bột cá hoàn thành, đây sẽ là cơ sở để Công ty đạt được Doanh thu và lợi nhuận như kế hoạch đề ra.

14.3 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua

Nhằm gia tăng lợi thế hiện tại là cung cấp nguồn nguyên liệu chính cho Nhà máy tinh luyện dầu cá, sản xuất khép kín cũng như đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo Nghị quyết ĐHCĐ ngày 03/02/2015 và Nghị quyết HĐQT số 01/2015/BB-HĐQT ngày 03/02/2015, các dự án mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã được thông qua cụ thể:

STT	Dự án	Giá trị đầu tư (VND)	Tiến độ thực hiện
1.	Đầu tư lắp ráp thêm dây chuyền sản xuất bột cá công suất 150 tấn nguyên liệu /ngày	13.196.506.000	Đã hoàn thành, và đi vào hoạt động đầu tháng 7
2.	Chuyển nhượng Nhà máy tinh luyện dầu cá từ Công ty IDI công suất 100 tấn nguyên liệu/ngày	287.887.000.000	Hoàn thành
3.	Đầu tư thêm bồn chứa dầu cá, phương tiện vận chuyển và các dụng cụ chuyên dùng.	NA	Dự kiến thực hiện trong quý IV năm 2015

Nguồn: TRISEDCO

14.4 Kế hoạch tăng vốn điều lệ:

Trong năm 2015, Công ty dự kiến tăng Vốn điều lệ lên 762 tỷ đồng (theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 01/NQ-HĐQT ngày 03/02/2015), cụ thể:

–	Vốn điều lệ hiện tại:	381.000.000.000 đồng
–	Tổng số cổ phần đang lưu hành:	38.100.000 cổ phần
–	Tổng số lượng cổ phần dự kiến phát hành:	38.100.000 cổ phần
✓	Chào bán cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 2:1:	19.050.000 cổ phần
✓	Chào bán ra công chúng:	19.050.000 cổ phần
–	Mục đích chào bán (dự kiến):	
✓	Nhận chuyển giao Nhà máy dầu cá	
✓	Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết	
✓	Bổ sung vốn lưu động	



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



– Vốn điều lệ dự kiến sau khi kết thúc đợt phát hành:	762.000.000.000 đồng
– Thời gian dự kiến thực hiện:	Quý 4 năm 2015

Trong trường hợp phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ không thành công như dự kiến, Công ty sẽ xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc tăng vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược hoặc phát hành trái phiếu chuyển đổi. Ngoài ra Ban lãnh đạo Công ty cũng lên kế hoạch dự phòng thông qua hình thức vay vốn ngân hàng với lãi suất ưu đãi hoặc phát hành trái phiếu thường, nhằm đảm bảo việc tài trợ dự án được thực hiện theo đúng tiến độ đề ra.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản cũng như về các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Trong năm 2015, với việc đầu tư thêm dây chuyền sản xuất bột cá thứ 2 nâng công suất lên gấp đôi so với hiện tại, dự báo doanh thu và lợi nhuận từ mảng bột cá sẽ tăng lên đáng kể.

Đồng thời, việc nhận chuyển nhượng Nhà máy chế biến dầu cá tinh luyện, góp phần gia tăng doanh thu của Công ty từ mảng hoạt động kinh doanh này. Trong 03 năm tới, sản phẩm dầu cá dự kiến sẽ đóng góp chính vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Tỷ lệ cổ tức dự kiến của Công ty trong năm 2015 là 10%, chúng tôi đánh giá phần lợi nhuận còn lại đủ để Công ty trích lập các quỹ theo quy định và bổ sung nguồn vốn kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

Dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh, năng lực của Công ty và tình hình nền kinh tế trong thời gian gần đây thì kế hoạch lợi nhuận mà TRISEDCO đề ra cho giai đoạn 2015-2017 là phù hợp và khả thi.

Ghi chú: Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo, và được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn căn cứ vào những thông tin đã được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu dự báo. Nhà đầu tư cần tự mình đưa ra phân tích và các quyết định đầu tư phù hợp với mục đích, chiến lược đầu tư của mình

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

Không có



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: **Cổ phiếu phổ thông**
2. Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu**
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: **38.100.000 cổ phiếu**
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức phát hành:

- ❖ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: **31.926.500** cổ phiếu, đây là số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần này trong 6 tháng tiếp theo, bao gồm:
- Số lượng cổ phiếu của Hội đồng Quản trị nắm giữ là : 1.732.100 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu của Ban Kiểm soát nắm giữ là : 400 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu của Ban Tổng Giám đốc nắm giữ là : 1.000 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu của Kế toán trưởng nắm giữ là : 400 cổ phiếu; và
 - Số lượng cổ phiếu của cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và KTT là : 30.192.600 cổ phiếu.

Danh sách cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính và cổ đông lớn là người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty tại thời điểm 26/05/2015

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Số CMND/ĐKKD
I. Hội đồng quản trị (HĐQT)				
1.	Ông Lê Văn Chung	Chủ tịch HĐQT	120.500	351 393 479
2.	Ông Lê Xuân Quế	Phó Chủ tịch HĐQT	33.500	351 259 440
3.	Ông Lê Văn Chính	TV HĐQT kiêm TĐG	500	351 890 423
4.	Ông Nguyễn Văn Hưng	TV HĐQT kiêm Phó TĐĐ	50.500	351 139 667
5.	Ông Lê Thanh Thuận	Thành viên HĐQT	1.500.000	350 006 170
6.	Ông Trương Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT	10.500	352 244 166
7.	Ông Hồ Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT	500	350 002 939
8.	Ông Lê Văn Thành	Thành viên HĐQT	16.100	351 400 599
II. Ban Tổng Giám đốc (Ban TĐĐ)				
1.	Ông Lê Văn Chính	Tổng Giám đốc	Xem mục I.3	351 890 423
2.	Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Xem mục I.4	351 139 667
3.	Ông Nguyễn Tiến Ngữ	Phó Tổng Giám đốc	500	350 807 005



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Số CMND/ĐKKD
4.	Ông Lê Hoàng Cương	Giám đốc Tài chính	500	370 990 568
III. Ban Kiểm soát (BKS)				
1.	Bà Ngô Thị Tố Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát	300	352 428 133
2.	Bà Trịnh Thị Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	100	352 489 272
3.	Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên Ban Kiểm soát	0	362 287 058
IV. Kế toán trưởng (KTT)				
1.	Ông Nguyễn Gia Thuần	Kế toán trưởng	400	352 117 998
V. Cổ đông lớn có liên quan với Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng				
1.	Công ty CP Đầu tư và phát triển đa quốc gia (IDI),	Cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên HĐQT	30.192.600	0303141296

Nguồn: TRISEDCO

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản là giá được tính toán dựa trên phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần (P/E) với các doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết trên sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Giá trị sổ sách của Công ty.

Ghi chú: Đây chỉ là hai trong những phương pháp tính giá mà nhà đầu tư có thể tham khảo, ngoài ra, giá của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản còn phụ thuộc vào cung cầu thị trường.

5.1 Phương pháp so sánh Hệ số (P/E)

Phương pháp này được tính toán dựa trên giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần (hay lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu, “EPS”) của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh khá tương đồng với TRISEDCO đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hệ số P/E trung bình được tính toán.

Công thức tính giá:

$$P = EPS * P/E_{bq}$$

Trong đó

- ✓ **P**: Giá cổ phiếu
- ✓ **EPS trailing** (Earning per share): Thu nhập trên mỗi cổ phiếu 4 quý gần nhất
- ✓ **P/E_{bq}**: Hệ số giá / Thu nhập bình quân ngành



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Các Công ty dùng để so sánh với TRISED CO gồm:

Mã CK	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	EPS trailing	Giá (thời điểm 26/06/2015)	P/E
VHC	94.203.943	5.464	36.000	6,59
HVG	137.799.332	1.653	15.000	9,07
ACL	18.399.675	853	9.200	10,79
			P/E_{bq}	8,82

Nguồn: Bloomberg

- EPS trailing của TRISED CO trong 04 quý gần nhất là:

Đơn vị tính: đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế
Quý 3/2014	150.000.000.000	1.849.080.245
Quý 4/2014	150.000.000.000	5.636.055.106
Quý 1/2015	381.000.000.000	2.246.401.994
Quý 2/2015	381.000.000.000	3.402.219.317
Tổng Cộng		13.133.756.662
Số lượng CP lưu hành bình quân		26.550.000
EPS điều chỉnh (đồng/CP)		495

- Chỉ số P/E_{bq} ngành là 8,82 lần
- Giá dự kiến niêm yết cổ phiếu của CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản theo phương pháp so sánh P/E:

$$\begin{aligned}
 \text{Giá cổ phiếu dự kiến niêm yết} &= P/E_{bq} \times \text{EPS trailing của TRISED CO} \\
 &= 8,82 \times 495 \\
 &= \underline{\underline{4.400 \text{ đồng/cổ phiếu}}}
 \end{aligned}$$

5.2 Phương pháp chiết khấu dòng tiền theo vốn chủ sở hữu (FCFE)

FCFE (Free Cash Flow to Equity) là dòng tiền còn lại sau khi trả lãi và nợ gốc, trang trải các chi phí bảo trì tài sản hiện hành cũng như tạo ra các tài sản mới cho sự tăng trưởng trong tương lai;

Kỳ dự báo cho phương pháp này là 5 năm;

Dòng tiền tự do và giá trị thu hồi cuối kỳ dự báo được chiết khấu về thời điểm 30/06/2015;

➤ **Mô hình tổng quát**
$$P_0 = \sum_{t=1}^n \frac{FCFE_t}{(1 + R_e)^t}$$



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Trong đó:

$FCFE_t$: Dòng tiền vốn chủ sở hữu năm t;

R_e : Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu;

➤ **Các công thức tính và một số giả định**

Các giả định:

- Công ty dự kiến đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất bột cá, đầu tư 1 phần tiền vào dự án mua Nhà máy chế biến dầu cá giai đoạn 1, do đó giả định TSCĐ hữu hình năm 2015 tăng thêm 440 tỷ đồng;
- Doanh thu của Công theo kế hoạch của Ban lãnh đạo năm 2015 là 1.000 tỷ đồng, năm 2016 là 1.250 tỷ đồng và năm 2017 là 1.500 tỷ đồng, kể từ năm 2018 trở đi doanh thu tăng đều 15%/năm
- Giá vốn hàng bán/doanh thu thuần của Công ty giai đoạn 2015 – 2019 ổn định ở mức 90% so với doanh thu thuần;
- Công ty không có nhu cầu vay dài hạn mà chỉ có nhu cầu vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động khi tiến hành thực hiện các hợp đồng, cho nên các khoản vay và nợ ngắn hạn được dự phóng ổn định ở mức 17% so với doanh thu thuần với lãi suất dao động từ 6%/năm;
- Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng 1%/ doanh thu thuần;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp dự kiến chiếm khoảng 1% so với doanh thu thuần;
- Thuế TNDN của năm 2014 trở đi là 22%, bắt đầu từ 1/1/2016 dự kiến sẽ giảm chỉ còn 20% ;
- R_m : lãi suất 5 năm của TPCP hiện tại là 5,4%
- R_f : phần bù rủi ro của Thị trường Việt Nam hiện tại là 4,25%

Công thức tính

- **Dòng tiền tự do hàng năm = Lợi nhuận ròng + Khấu hao – Chi phí vốn – tăng (giảm) vốn lưu động - các khoản trả nợ gốc + Các khoản phát hành nợ mới;**
- **Giá trị thu hồi cuối kỳ (năm 2019) = dòng tiền tự do năm 2019 * (1+g)/($R_e - g$)**

Trong đó:

- $g = ROE_{bq} \times$ Tỷ lệ Lợi nhuận giữ lại bình quân

- $R_e = R_f + \text{Beta} * (R_m - R_f)$

⇒ Kết quả tính được $g = 3,20\%$, $R_e = 9,65\%$.

➤ **Bảng chiết tính dòng tiền từng năm của dự án:**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
(63.988.325)	(602.009.340)	184.560.088	208.466.096	305.108.557	78.039.730



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Giá cổ phiếu theo phương pháp FCFE:

Giá cổ phiếu tại thời điểm 30/06/2015	
- Tốc độ tăng trưởng dài hạn từ sau năm 2019	: 3,33%
- Giá trị hiện tại của dòng tiền sau năm 2019 tại thời điểm 31/12/2019 (đồng)	: 1.611.462.418.102
- Hiện giá dòng tiền sau năm 2019 tại thời điểm 01/01/2015 (đồng)	: 1.016.662.960.522
- Giá trị dòng tiền tại thời điểm 01/01/2015 (đồng)	: 810.166.927.071
- Số dư tiền mặt tại thời điểm 01/01/2015 (đồng)	: 5.571.189.727
- Tổng giá trị dòng tiền tại thời điểm 01/01/2015 (đồng)	: 815.738.116.798
- Số lượng cổ phiếu (cp)	: 38.100.000
- Giá trị mỗi cổ phiếu tại thời điểm 01/01/2015 (đồng/cổ phiếu)	: 21.410
- Giá trị mỗi cổ phiếu tại thời điểm 30/06/2015 (đồng/cổ phiếu)	: 22.456

5.3 Phương pháp Giá trị sổ sách

- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu} = \frac{\text{Tổng tài sản} - (\text{Tài sản vô hình} + \text{Nợ})}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu của CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản tại các thời điểm như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Tổng tài sản – (TSVH+ Nợ)	đồng	165.360.198.401	173.432.988.319	389.217.148.687
Tổng số CP đang lưu hành	CP	15.000.000	15.000.000	38.100.000
Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu	đồng/CP	11.024	11.562	10.216

5.4 Giá dự kiến chào sàn:

Ban lãnh đạo của TRISED CO xác định trong thời gian tới, sản phẩm dầu ăn tinh luyện là sản phẩm chủ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm hiện tại cùng với mong muốn thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư tiềm năng đối với Cổ phiếu TRISED CO, Ban lãnh đạo và Hội đồng quản trị Công ty quyết định chọn giá dự kiến niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (“cổ phiếu DAT”) là



13.000 đồng/cổ phiếu (Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 78.79/CV ngày 29/09/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản).

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty. Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Điều 1 Khoản 2 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 (có hiệu lực từ ngày 01/09/2015) của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, trong đó quy định

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

(i) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

(ii) Trường hợp Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó;

(iii) Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

(iv) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

(v) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm (i), (ii), (iii), (iv) thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Tuy nhiên, đến thời điểm này do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài cụ thể đối với từng ngành nghề kinh doanh của các công ty đại chúng theo Nghị định số 60/2015/NĐ-CP do đó Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản tạm thời sẽ áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%. Sau khi có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này, Công ty sẽ thực hiện rà soát ngành, nghề kinh doanh, trên cơ sở đó sẽ dự kiến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty theo quy định của pháp luật và sẽ thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Các báo cáo và công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài Công ty sẽ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Tại ngày 26/05/2015 tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0%.



7. Các loại thuế liên quan

7.1 Đối với Công ty

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ là 22% từ ngày 01/01/2014 và giảm xuống 20% kể từ ngày 01/01/2016.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Riêng đối với TRISEDCO, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 511 21 000 091 chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 05 năm 2011 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Nhà máy bột cá TRISEDCO", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

Đối với dự án Nhà máy chế biến dầu cá, Công ty Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 22%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2015) và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo

b. Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của *Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013* và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể mức thuế suất thuế giá trị gia tăng của Công ty hiện nay:

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra: 0% đối với hàng bán xuất khẩu;
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra: 10% đối với hàng bán nội địa;

7.2 Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.



Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

- Thu nhập từ cổ tức:

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013, sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13 ngày 32/2013/QH13 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, Ấp An Thạnh, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (84-67) 3680 657

Fax: (84-67) 3680 657

Email: chinhsmc@gmail.com

Website: www.trisedco.vn

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Hội sở

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 2897

Fax: (84.8) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ

Địa chỉ: 92-98 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821 8567

Fax: (84.8) 3291 0590

Phòng Giao dịch Phạm Ngọc Thạch

Địa chỉ: Tầng 201, tòa nhà iTower, 49 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 3823 5079

Fax: (84-8) 3824 5077

Chi nhánh Vũng Tàu

Địa chỉ: Số 04 Lê Lợi, TP. Vũng Tàu

Điện thoại: (84.64) 3521 906

Fax: (84.31) 3521 907

Chi nhánh Nha Trang

Địa chỉ: 50 Lê Thanh Phương, TP. Nha Trang

Điện thoại: (84.58) 3816 969

Fax: (84.58) 3816 968

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6311

Chi nhánh Trần Bình Trọng

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3942 6718

Fax: (84.4) 3942 6719

Chi nhánh Mỹ Đình

Địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3794 6699

Fax: (84.4) 3794 6677



Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Điện thoại: (84.31) 3569 123

Fax: (84.31) 3569 130

3. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán phía Nam (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 3820 5944

Fax: (84.8) 3820 5942

Email: info@aascs.com.vn

Website: www.aascs.com.vn



VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất;
- Phụ lục 2:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết;
- Phụ lục 3:** Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản;
- Phụ lục 4:** Báo cáo tài chính kiểm toán 31/12/2013;
- Phụ lục 5:** Báo cáo tài chính kiểm toán 31/12/2014;
- Phụ lục 6:** Báo cáo tài chính soát xét hợp nhất 6 Tháng năm 2015;
- Phụ lục 7:** Các văn bản pháp lý khác.



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Đồng tháp ngày 06 tháng 10 năm 2015

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



Lê Văn Chung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Văn Chính
Tổng Giám đốc

Nguyễn Gia Thuận
Kế toán trưởng

Ngô Thị Tố Ngân
Trưởng Ban Kiểm soát

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)



NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG
Giám đốc Phụ trách phía Nam Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư